

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CTCP Chứng Khoán Bản Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

Mã chứng khoán: VCI

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 02 Hải Triều, quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028-39143588

Fax: 028-39143209

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Quang Hoàn – Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Lầu 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 02 Hải Triều, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028-39143588

Fax: 028-39142031

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2018

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/04/2019 tại đường dẫn: <http://www.vcsc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2018

Người đại diện công bố thông tin/
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



ĐINH QUANG HOÀN
Phó Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018

VIET CAPITAL
SECURITIES 

Hành Trình Chiếm Lãnh Vinh Quang



*Hành Trình
Chiếm Lãnh
Vinh Quang*

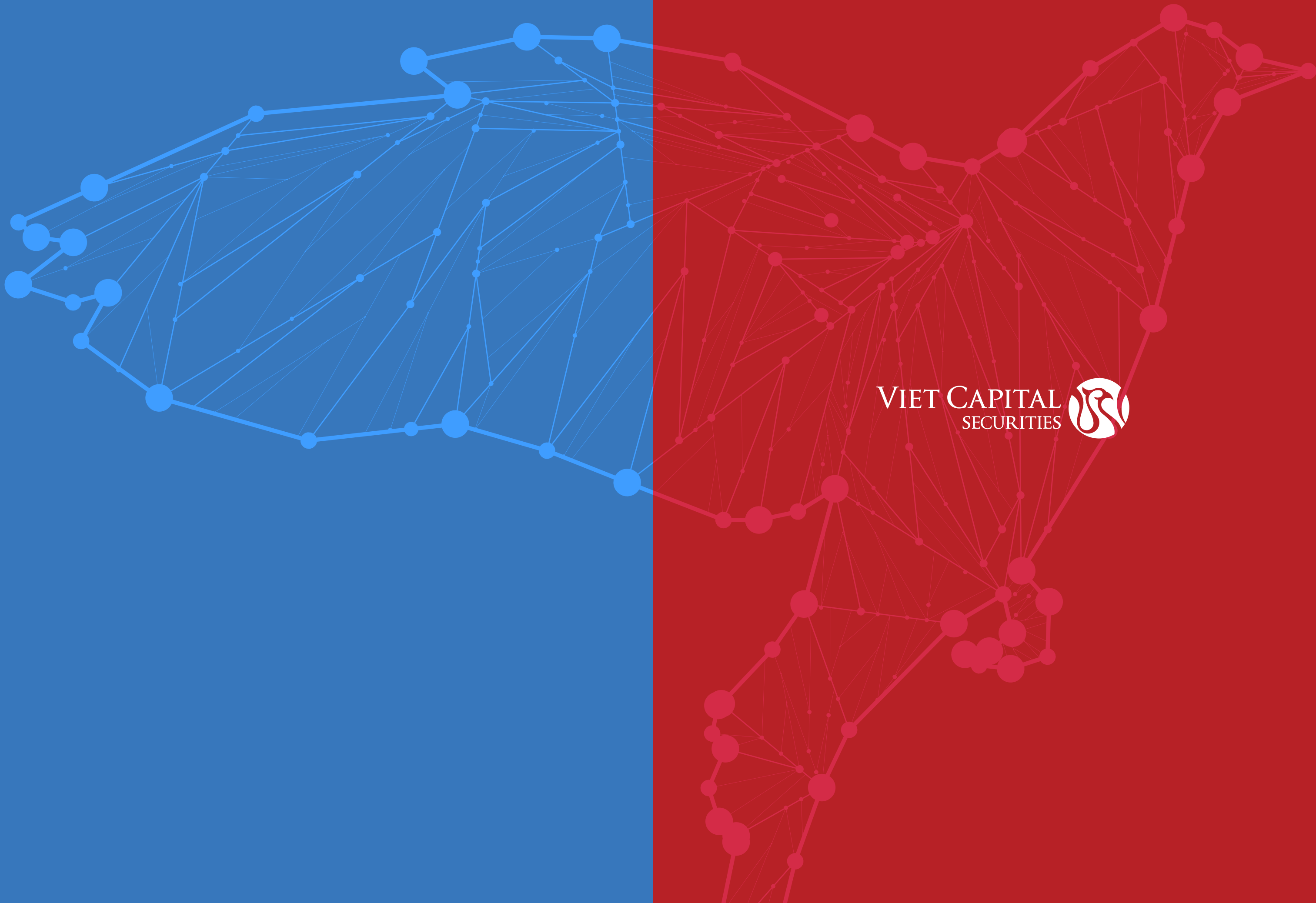
VIET CAPITAL
SECURITIES 

Trụ sở chính

Tháp Tài chính Bitexco, Tầng 15,
số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Tel: (84 28) 3914 3588

Fax: (84 28) 3914 3209



VIET CAPITAL
SECURITIES



MỤC LỤC



08

I. TỔNG QUAN

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08 Thông tin chung
- 10 Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2018
- 14 Tầm nhìn và Sứ mệnh
- 16 Lịch sử hình thành và phát triển
- 18 Giải thưởng
- 22 Nguồn nhân lực
- 26 Các yếu tố rủi ro



30

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

- 31 Môi trường Kinh Tế
- 35 Môi trường Ngành
- 37 VCSC
- 42 Ngân hàng Đầu tư
- 45 Môi giới Chứng khoán
- 47 Nghiên cứu và Phân tích
- 49 Đầu tư
- 50 Dịch vụ Chứng khoán

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

- 52 Tình hình tài chính
- 55 Quản trị rủi ro

59

IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 60 Đạo đức nghề nghiệp
- 61 Cơ cấu tổ chức
- 62 Thành viên Hội đồng quản trị
- 70 Thành viên Ban Kiểm soát
- 72 Thành viên Ban Tổng Giám đốc
- 74 Nhân sự chủ chốt

V. TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG NĂM 2019

- 80 Triển vọng kinh tế 2019
- 83 Kế hoạch kinh doanh của VCSC 2019

84

VI. BÁO CÁO BỀN VỮNG

- 86 Định hướng phát triển bền vững
- 91 Tổng quan báo cáo
- 92 Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững
- 93 Xác định các lĩnh vực trọng yếu
- 94 Báo cáo hoạt động bền vững
- 114 Tham chiếu chỉ số GRI



118

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 119 Báo cáo tài chính của công ty
- 135 Thuyết minh báo cáo tài chính





“ Tái khẳng định vị trí hàng đầu trong lĩnh vực phát triển thị trường vốn tại Việt Nam, VCSC tiếp tục ghi nhận hiệu quả kinh doanh vững mạnh. ”

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi quý Cổ đông, quý Khách hàng và quý Đồng nghiệp,

2018 là một năm đáng nhớ khi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) khẳng định được vị thế vững mạnh của doanh nghiệp, chú trọng vào phục vụ nhu cầu của khách hàng và tạo ra giá trị dài hạn cho các cổ đông của công ty.

Công ty chúng tôi đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) doanh thu trong giai đoạn 2014-2018 là 31% và CAGR lợi nhuận ròng là 54% trong cùng giai đoạn, trong khi tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) tiếp tục duy trì ở mức trên 24% kể từ năm 2014. Chúng tôi tự hào là ngân hàng đầu tư số một trong nước và là một trong ba công ty môi giới chứng khoán lớn nhất tính theo thị phần tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chúng tôi hiện có 245 chuyên viên, chuyên gia bao gồm tám quốc tịch khác nhau đang nỗ lực làm việc theo các chuẩn mực quốc tế.

Năm 2018, chúng tôi đã được Finance Asia trao tặng giải thưởng “Nhà môi giới tốt nhất tại Việt Nam”.

31%

CAGR doanh thu

54%

CAGR lợi nhuận ròng

TÁI KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VỐN TẠI VIỆT NAM, VCSC TIẾP TỤC GHI NHẬN HIỆU QUẢ KINH DOANH VỮNG MẠNH

VCSC đã hoàn thành năm 2018 với tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 1.800 tỷ đồng (tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước) và lợi nhuận ròng đạt 823 tỷ đồng (tăng 25,6% so với cùng kỳ năm ngoái). Bộ phận môi giới của chúng tôi đã duy trì vị trí top 3 trên thị trường với 11,0% thị phần tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (tăng từ mức 8,5% trong năm 2017) và giữ vị trí top 2 công ty chứng khoán có doanh thu phí môi giới đạt 1.000 tỷ VNĐ năm 2018 (tăng 104% so với cùng kỳ năm ngoái). Hơn nữa, biên lợi nhuận gộp đến từ mảng môi giới của VCSC nằm trong nhóm cao nhất khi so sánh với các công ty cùng ngành. Sự thành công trong mảng môi giới chứng khoán một phần là nhờ sự hỗ trợ tư vấn chuyên sâu và toàn diện từ bộ phận Nghiên cứu của công ty.

DỊCH VỤ CỐT LÕI TẠO RA CÁC GIÁ TRỊ VÀ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Xuyên suốt năm 2018, chúng tôi vẫn duy trì tập trung phát triển hơn nữa những thế mạnh dịch vụ cốt lõi của công ty. Chúng tôi tin rằng VCSC đang chiếm lĩnh vị thế tốt để tiếp tục đạt được những tiến triển mới trong năm 2019 với trọng tâm là nắm bắt cơ hội và phát triển thị trường dịch vụ ngân hàng đầu tư tại Việt Nam và không ngừng củng cố vị thế hàng đầu trong lĩnh vực môi giới. Chúng tôi vẫn tập trung vào việc thực hiện chiến lược của mình và tin rằng chúng tôi sẽ tạo ra giá trị tốt nhất cho công ty cũng như quý cổ đông bằng sự cống hiến không ngừng từ các đội ngũ nhân viên của công ty.

Xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm của Quý cổ đông và khách hàng dành cho VCSC.

NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần
Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Tên viết tắt: VCSC

Mã chứng khoán: VCI

Trang web: www.vcsc.com.vn






Giấy phép thành lập:

Giấy phép thành lập Số 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 06 tháng 11 năm 2007.

Giấy phép sửa đổi mới nhất Số 35/GPĐC-UBCK cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017.


Vốn điều lệ: VNĐ 3.642.573.000.000


Các lĩnh vực hoạt động
kinh doanh gồm:


-  Môi giới chứng khoán;
-  Tự doanh;
-  Tư vấn đầu tư chứng khoán;
-  Bảo lãnh phát hành;
-  Lưu ký chứng khoán.

VCSC có Trụ sở chính, Phòng giao dịch tại TP. HCM và Chi nhánh tại Hà Nội. VCSC đã và đang phục vụ hàng nghìn khách hàng, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, nhà đầu tư cá nhân trong nước và quốc tế.


Trụ sở chính


 Tháp Tài chính Bitexco, Tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh


 Tel: (84 28) 3914 3588

 Fax: (84 28) 3914 3209

Phòng giao dịch
Nguyễn Huệ


 Tòa nhà Vinatex Tài Nguyên, Tầng 3, số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

 Tel: (84 28) 3914 3588

 Fax: (84 28) 3914 3577

Phòng giao dịch
Pasteur

 Tầng 8, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

 Tel: (84 28) 3914 3588 (403)

Phòng giao dịch
Nguyễn Công Trứ


 Tòa nhà Artex, Tầng 6, 236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh


 Tel: (84 28) 3914 3588

 Fax: (84 28) 3821 6186

Chi nhánh Hà Nội

 Tòa nhà Capital, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

 Tel: (84 24) 6262 6999

 Fax: (84 24) 6278 2688

Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH Pricewaterhousecoopers Việt Nam

TỔNG QUAN

- Thông tin chung
- Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2018
 - Tầm nhìn và Sứ mệnh
- Lịch sử hình thành và phát triển
 - Giải thưởng
 - Nguồn nhân lực
 - Các yếu tố rủi ro

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2016	2017	2018	Thay đổi 2018/17
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu	866.767	1.536.742	1.821.479	18,5%
Môi giới chứng khoán	355.342	497.732	1.016.984	104,3%
Đầu tư	272.161	489.774	312.949	-36,1%
Tư vấn doanh nghiệp	70.182	262.725	33.088	-87,4%
Khác	169.082	286.511	458.458	60,0%
Chi phí	(483.319)	(733.764)	(810.023)	10,4%
Lợi nhuận trước thuế	411.448	802.978	1.011.456	26,0%
Lợi nhuận sau thuế	333.113	655.096	822.622	25,6%
ROE	39,6%	30,5%	24,7%	-5,8bps
ROA	12,1%	13,9%	12,7%	-1,2bps
TÀI SẢN				
Tổng tài sản	3.030.030	6.402.012	6.509.906	1,7%
Vốn điều lệ	1.032.000	1.200.000	1.629.999	35,8%
Vốn chủ sở hữu	1.200.173	3.019.395	3.642.978	20,6%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2,52x	2,12x	1,79x	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1,52x	1,12x	0,79x	
Tỷ lệ an toàn vốn	315%	408%	521%	
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU				
Thu nhập / cổ phần (đồng)	2.584	4.289	5.067	20,5%
Số lượng cổ phần lưu hành trung bình	128.931.397	153.069.611	162.375.232	6,1%
Cổ tức / cổ phần (đồng)	1.400	1.000	700 trả trước TBA	
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (NGƯỜI)	189	216	245	13,4%



DOANH THU

1,8
nghìn tỷ đồng

Môi giới chứng khoán

1.016
tỷ đồng

Đầu tư

313
tỷ đồng

TÀI SẢN

6,5
nghìn tỷ đồng

Vốn điều lệ

1.629
tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

3.642
tỷ đồng



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN

245



QUỐC TỊCH

8

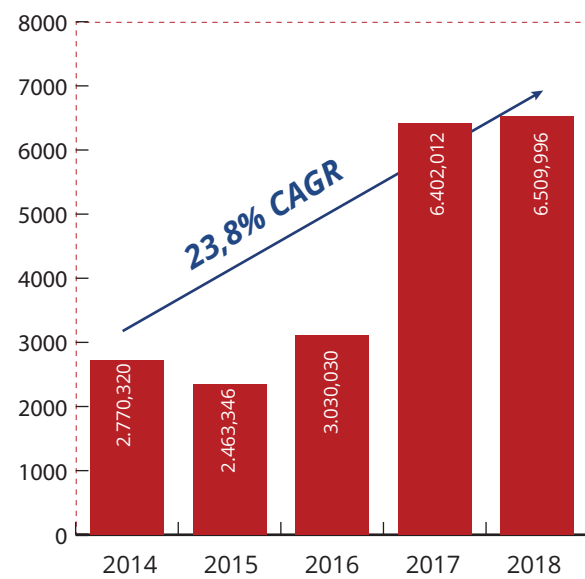
Doanh thu **↑ 18,5%** **Thu nhập ròng** **↑ 25,6%**

VCSC đã hoàn thành kế hoạch đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 trong tháng 4 và tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh mạnh mẽ, trong đó doanh thu và thu nhập ròng ghi nhận tăng trưởng lần lượt 18,5% và 25,6%. Kết quả này đến từ sự kết hợp giữa diễn biến kinh doanh cốt lõi mạnh mẽ, quản lý chi phí hợp lý và kiểm soát rủi ro.

Công ty đã có thể duy trì vị thế mạnh mẽ trên thị trường, được thể hiện thông qua tỷ lệ ROE và thị phần của mảng môi giới chứng khoán. Mảng ngân hàng đầu tư đã duy trì vị trí số 1 trên thị trường. Mảng này là động lực cho hoạt động đầu tư và mảng môi giới chứng khoán, giúp hoạt động môi giới duy trì vị trí trong top 3 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất thị trường.

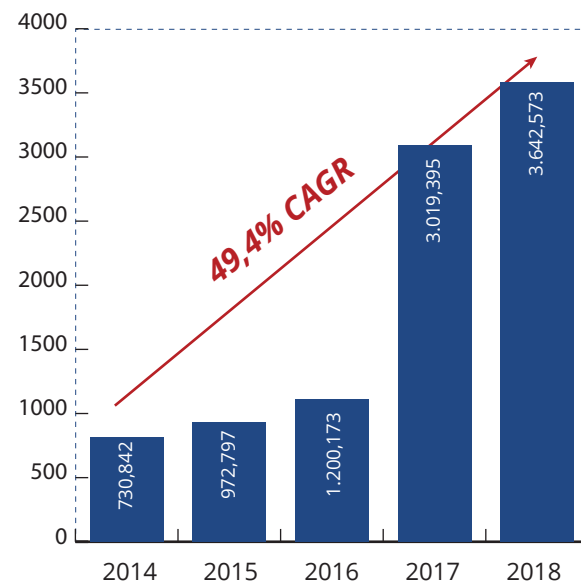
Về tình hình tài chính của công ty, tỷ lệ Nợ/Vốn CSH của công ty tiếp tục giảm còn 0,79 lần từ mức 1,12 lần trong năm 2017 và 1,52 lần trong năm 2016. Vốn CSH đã tăng thêm 20,6% YoY với vốn điều lệ tăng 35,8%, đóng góp cho sự cải thiện tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN
(tỷ đồng)



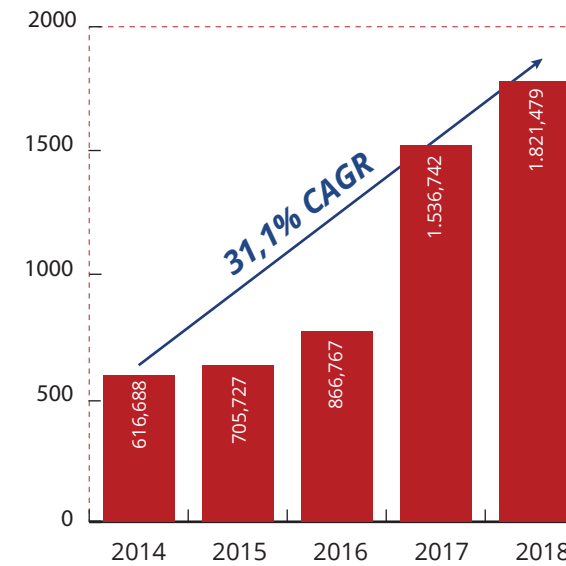
Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG VỐN CSH
(tỷ đồng)



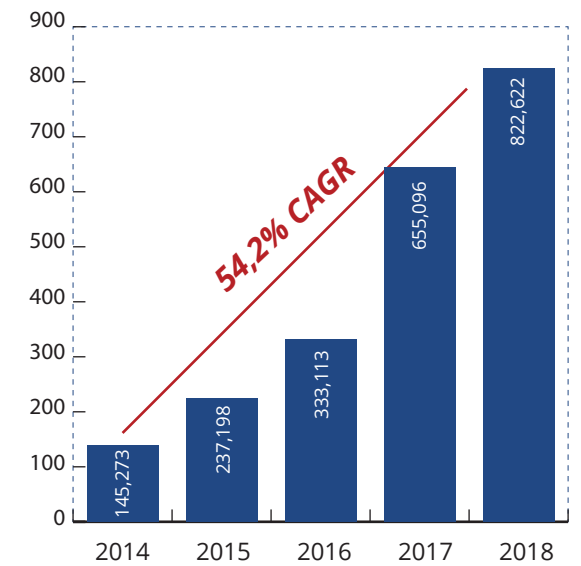
Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG
(tỷ đồng)



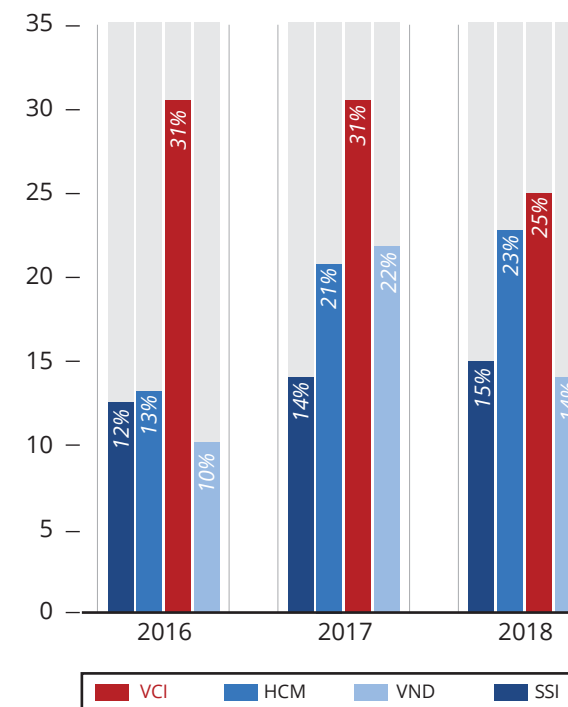
Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP RÒNG
(tỷ đồng)



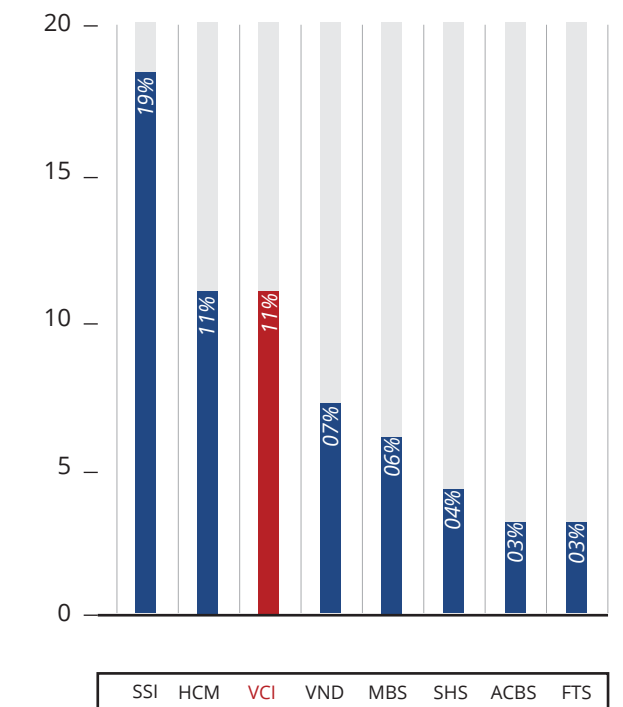
Nguồn: VCSC

SO SÁNH ROAE CỦA TOP 4 CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HÀNG ĐẦU
(%)



Nguồn: VCSC

TỔNG THỊ PHẦN TRÊN SÀN HSX (FY2018)
(%)



Nguồn: VCSC

TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

VCSC định hướng phát triển thành ngân hàng đầu tư hàng đầu, là nơi phát triển và nuôi dưỡng những nhân tài xuất sắc nhất, cung cấp dịch vụ tốt nhất nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyên biệt của từng khách hàng trong nước và quốc tế. Mục tiêu của chúng tôi là trở thành lựa chọn đầu tiên và tốt nhất của các khách hàng đối với tất cả các sản phẩm và dịch vụ mà chúng tôi cung cấp.

Sự thành công của khách hàng và đối tác chính là phương châm hoạt động của chúng tôi. Đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao của VCSC sẽ mang đến cho khách hàng những giải pháp tối ưu cho tất cả chiến lược tài chính và đầu tư.

Về dịch vụ

VCSC là cầu nối để kết nối nhu cầu của nhà đầu tư và doanh nghiệp, đồng thời cung cấp những sản phẩm nghiên cứu & phân tích chuyên sâu, các giải pháp tài chính sáng tạo, hiệu quả cùng công nghệ tiên tiến.

Về con người

VCSC tạo ra môi trường làm việc tốt nhất, khuyến khích mọi tiềm năng phát triển của nhân viên.

Về khách hàng

VCSC hoạt động dựa trên mối quan hệ hợp tác lâu dài cùng có lợi với khách hàng và đối tác.

Về lợi nhuận

VCSC đặt ưu tiên hàng đầu là tối đa hóa khả năng sinh lời dài hạn cho cổ đông.

Về hiệu suất làm việc

Đội ngũ VCSC, bằng sự chuyên nghiệp và tận tâm, không ngừng tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm dịch vụ cung cấp đến khách hàng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2007

VCSC được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11.

Vốn điều lệ ban đầu là **360 tỷ đồng**.

2008

Thành lập chi nhánh VCSC tại Hà Nội.

2009

Chính thức đưa vào sử dụng một trong những hệ thống phần mềm giao dịch tiên tiến nhất trong ngành, do Tong Yang cung cấp;

Tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên **378 tỷ đồng** theo giấy phép số 276/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp tháng 11.

2010

Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ.

Trở thành nhà môi giới chứng khoán thuộc **Top 10** trong quý 3 năm 2010 trên sàn **HNX**.

2011

Top 6 Công ty có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên **HSX**.

2012

Tổ chức thành công Vietnam Access Day thường niên lần đầu tiên, thu hút hơn 300 khách mời, diễn giả và quý đầu tư trong nước và quốc tế.

Tăng vốn điều lệ lên **398,4 tỷ đồng** theo giấy phép số 122/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp;

Thuộc **Top 5 CTCK** có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên **HSX**.

2013

Chuyển dịch cân bằng, hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh;

Vươn lên vị trí **Top 3 CTCK** có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên **HSX**.

2014

Vietnam Access Day trở thành hội nghị thường niên lớn nhất thu hút hàng trăm nhà đầu tư quốc tế, trong nước và các doanh nghiệp đầu ngành tham gia.

Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận (ROE) vượt ngưỡng mục tiêu 25%;
Tăng vốn điều lệ lên **500 tỷ đồng** theo giấy phép số 20/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9;

Thuộc **Top 3 CTCK** có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên **HSX**.

2015

Củng cố nguồn lực, duy trì sức mạnh nội tại với tỷ suất lợi nhuận đạt trên 30%;

Giữ vững vị thế **Top 3 CTCK** có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên **HSX**.

2016

Giữ vững vị trí trên thị trường môi giới, đẩy mạnh hoạt động tư vấn kinh doanh.

2017

Niên yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 7 tháng 7 năm 2017.
Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Vốn điều lệ đạt **1,2 nghìn tỷ đồng**.
Vốn chủ sở hữu của VCSC đạt **3,02 nghìn tỷ đồng** tính đến cuối năm 2017.

Giữ vững vị trí **Top 3** nhà môi giới chứng khoán lớn nhất Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

2018

Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Vốn điều lệ đạt **1,6 nghìn tỷ đồng**.
Vốn chủ sở hữu của VCSC đạt **3,6 nghìn tỷ đồng** tính đến cuối năm 2018.

Giữ vững vị trí **Top 3** nhà môi giới chứng khoán lớn nhất Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

GIẢI THƯỞNG

2011

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia vinh danh “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam”



UBND TP. HCM trao tặng giải thưởng “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011”

Tạp chí The Asset bình chọn “Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam”



Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất”; “Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất” tại Việt Nam”

2016

FinanceAsia

Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2015 - 2016”



Tạp chí Finance Asia vinh danh “Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”; “Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam”

Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng “Nhà Huy động vốn tốt nhất ở Việt Nam giai đoạn 2007 - 2016”

2017

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia vinh danh “Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia vinh danh “Công ty ECM tốt nhất Việt Nam”

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia vinh danh “Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam”



Alpha Southeast Asia trao giải “Nhà Vốn Cổ Phần Tốt Nhất”



Alpha Southeast Asia trao giải “Ngân hàng Đầu tư và Nhà M&A tốt nhất”

Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2016 - 2017”

2012

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia bình chọn là “Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”



Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận “Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất”; “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất”; “Nhà môi giới tổ chức tốt nhất”

2013

Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất 5 giai đoạn 2009 - 2013”



Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận “Nhà môi giới tổ chức tốt nhất”; “Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất”; “Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam”

2014

Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2013 - 2014”



Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh “Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam”

2015

FinanceAsia

Tạp chí Euromoney bình chọn “Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”



Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn “Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất Việt Nam”

HNX bình chọn là “Một trong ba CTCK có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005 - 2015”

Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2014 - 2015”

2018

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia vinh danh “Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam”



Alpha South East Asia trao giải “Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam”

Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn “Tổ chức tư vấn M&A tiêu biểu của thập kỷ 2009-2018”



NGUỒN NHÂN LỰC



Chúng tôi tin rằng nguồn sức mạnh cũng như lý do tiên quyết dẫn đến sự thành công của VCSC chính là chất lượng và sự cố gắng của toàn thể nhân viên và cùng nhau ý thức được mình là một phần của cả đội ngũ. Công ty luôn cố gắng duy trì một môi trường làm việc giúp thúc đẩy tính chuyên nghiệp, khả năng làm việc xuất sắc, tính đa dạng, tinh thần hợp tác giữa các nhân viên cũng như duy trì các tiêu chuẩn về đạo đức kinh doanh ở mức cao nhất.

Thấm nhuần văn hóa VCSC là một phần quan trọng đòi hỏi nhân viên phải trải qua một quá trình học tập và đào tạo liên tục. Tất cả nhân viên đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo phù hợp và hội thảo định kỳ do công ty tài trợ thực hiện tại nhiều địa điểm khác nhau. Một phần quan trọng khác của việc thấm nhuần văn hóa VCSC là quy trình đánh giá nhân sự. Một trong các phương pháp nhóm là quy trình đánh giá 360 độ, cho phép các giám sát, nhân viên, và đồng nghiệp sẽ tự đánh giá lẫn nhau về hiệu suất về quản lý rủi ro, tính tuân thủ và tính đa dạng. Tính đến tháng 12 năm 2018, công ty có tổng cộng 245 nhân viên.

GẮN KẾT NGUỒN LỰC NHÂN LỰC HẠNH PHÚC

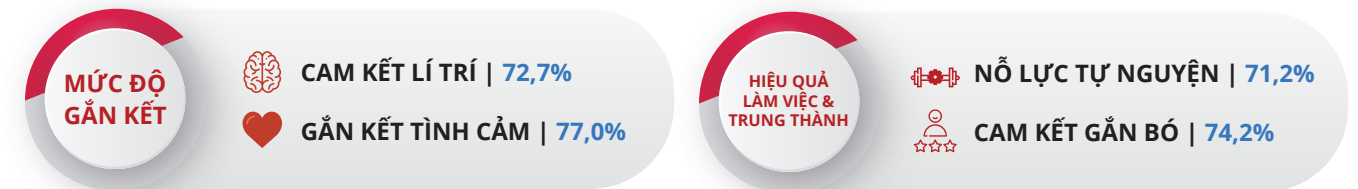
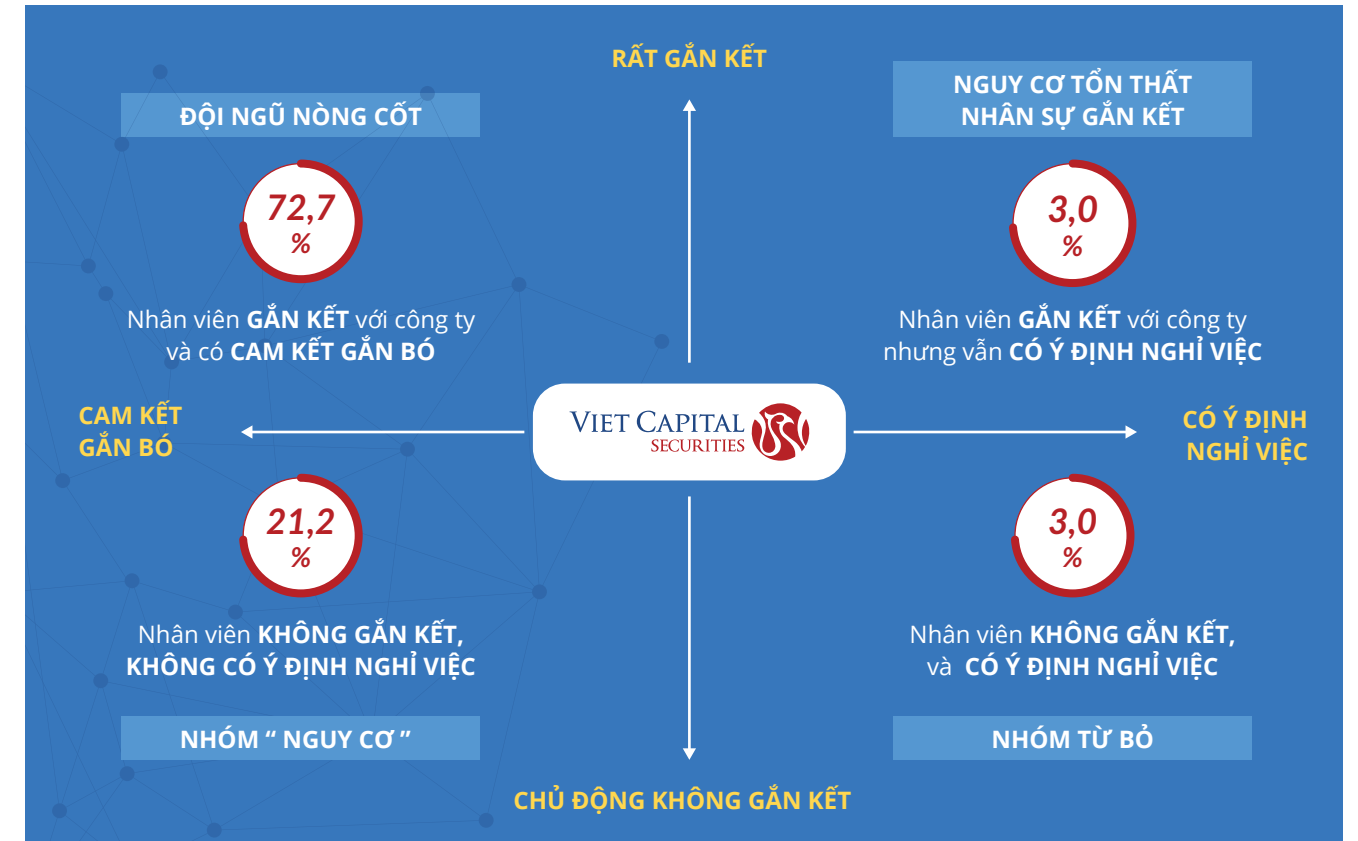
VCSC đã hợp tác với Công ty Cổ phần Anphabe thực hiện cuộc khảo sát Môi trường làm việc hạnh phúc tại VCSC, mục đích ghi nhận các chỉ số hạnh phúc, cảm nhận của Nhân viên về một môi trường làm việc trực tiếp, về cấp quản lý và các đồng nghiệp và những chia sẻ về động lực nghề nghiệp cả về hiện tại lẫn tương lai, qua đó góp phần xây dựng tốt hơn nữa về một môi trường làm việc lý tưởng.

Cuộc khảo sát đã cho chúng tôi những chỉ số cụ thể trong việc phân bổ nhóm nhân viên theo các tiêu chí gắn kết nơi làm việc và chỉ số nguồn nhân lực hạnh phúc.

Phân bổ nhóm nhân viên:

Tiêu biểu, Cuộc khảo sát chỉ ra rằng 72,7% nhân viên cam kết "gắn bó lâu dài" và không có ý định cởi mở với các cơ hội việc làm khác. Điều này cho thấy rằng VCSC đã mang lại cho nhân viên những lợi ích xứng đáng với sự đóng góp của họ cho sự phát triển của công ty.

Ngược lại, Cuộc khảo sát cũng giúp chúng tôi nhận dạng được nhóm "Nguy cơ" và Nhóm "Từ bỏ"; cụ thể, 3% nhân viên gắn kết với công ty nhưng vẫn có ý định nghỉ việc và 3% nhân viên không gắn kết và có ý định nghỉ việc.



Những con số cụ thể từ kết quả khảo sát chỉ ra sự hạnh phúc gắn kết VCSC của nhân viên trên tiêu chí gắn kết lý trí và gắn kết tình cảm. Từ suy nghĩ và tình cảm đi đến hành động làm việc hiệu quả và lòng trung thành của nhân viên dành cho VCSC. Kết quả, 73,9% nhân viên cảm thấy sự hạnh phúc khi được làm việc và cống hiến cho sự phát triển bền vững của VCSC.

Chỉ số Hạnh Phúc Của Công Ty **73,9%**

Xu hướng nghỉ việc:

Cuộc khảo sát cũng cho chúng tôi dự đoán được xu hướng nghỉ việc trong năm 2018 với tỷ lệ là 6,1%. Theo thống kê tình hình nhân sự nghỉ việc của VCSC, chúng tôi ghi nhận rằng trong năm 2018, tỷ lệ nhân sự nghỉ việc đã giảm đến 50% so với năm 2017, từ 16,82% trong năm 2017 giảm xuống còn 8,16% trong năm 2018. Điều này cho thấy nỗ lực của chúng tôi trong việc không ngừng cải tiến và xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, đồng thời cũng ghi nhận sự cam kết gắn bó làm việc của nhân viên dành cho VCSC.

DỰ ĐOÁN XU HƯỚNG NGHỈ VIỆC



Nhân viên KHÔNG thể hiện cam kết gắn bó

Xu Hướng Nghỉ Việc trong năm 2018

6,1%

THU HÚT VÀ TUYỂN DỤNG NHÂN TÀI

Văn hóa tích cực, gắn kết thể hiện qua những cá nhân cam kết gắn bó và chịu cải thiện, biết chia sẻ tầm nhìn và giá trị cốt lõi của công ty. Công ty tuyển chọn nguồn nhân lực này thông qua nhiều kênh khác nhau. Ưu tiên hàng đầu của công ty là cân nhắc dùng nhân viên hiện tại lấp vào các vị trí trống. Chuyển dịch nội bộ giúp hình thành các mối liên kết trong toàn công ty và cho phép nhân viên ở tất cả các cấp tận dụng kỹ năng hiện có và phát triển các kỹ năng mới. Triển vọng nghề nghiệp lâu dài của công ty là động lực quan trọng giúp nhân viên hiện tại hài lòng với công việc và giúp thu hút tài năng bên ngoài.

Ngoài ra, công ty cũng tuyển nguồn ứng viên trực tiếp thông qua sự giới thiệu của nhân viên nội bộ, phương tiện truyền thông xã hội, quảng cáo và các đơn vị tuyển dụng thuê ngoài. Là một nhà tuyển dụng được nhiều ứng viên lựa chọn, chúng tôi đã nhận được hơn 2.000 đơn xin việc trong năm 2018 và đã tuyển dụng chính thức 59 ứng viên phục vụ cho từng giai đoạn công việc.

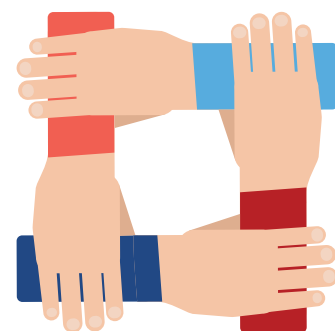
Trong năm 2018, VCSC đã tuyển chọn 75 thực tập sinh thực tập tại các bộ phận Ngân hàng đầu tư, Nghiên cứu & phân tích và Bộ phận Môi giới; trong đó đã có 7 thực tập sinh được VCSC tuyển dụng làm việc chính thức cho Bộ phận Nghiên cứu & phân tích, Bộ phận Môi giới Tổ chức, Dịch vụ khách hàng và Bộ phận Môi giới, 15 thực tập sinh đã và đang là những Cộng tác viên tiềm năng cho Bộ phận Môi giới và được VCSC tạo cơ hội để trở thành những Chuyên viên Môi giới chính thức của VCSC trong tương lai.

Kỹ năng, kinh nghiệm và cam kết của nhân viên công ty chính là chìa khóa vạch ra chiến lược kinh doanh, do đó, chiến lược của phòng nhân sự là tìm kiếm, tuyển dụng, phát triển và thu hút nhân tài, nguồn lực giỏi ở mọi cấp độ, những đối tượng có kiến thức nền và khả năng đa dạng, có thể tư vấn cho khách hàng, phát triển sản phẩm mới, quản lý rủi ro và thích ứng với các quy định phát triển. Vì vậy, công ty đầu tư nhiều vào nguồn lực và thúc đẩy các sáng kiến giúp hình thành sự gắn kết và văn hóa chung tay làm việc.

**Cơ hội thăng tiến
- Mẫu chốt giữ chân nhân tài**



Song song với nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, chúng tôi không ngừng ghi nhận sự cống hiến của tất cả nhân sự VCSC, đặc biệt đối với những cá nhân có những đóng góp hiệu quả và lâu dài sẽ được công ty tạo cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Trong năm 2018, chúng tôi ghi nhận 55 lượt nhân viên được thăng chức.



TUYỂN DỤNG 2018

59 Nhân viên Chính thức

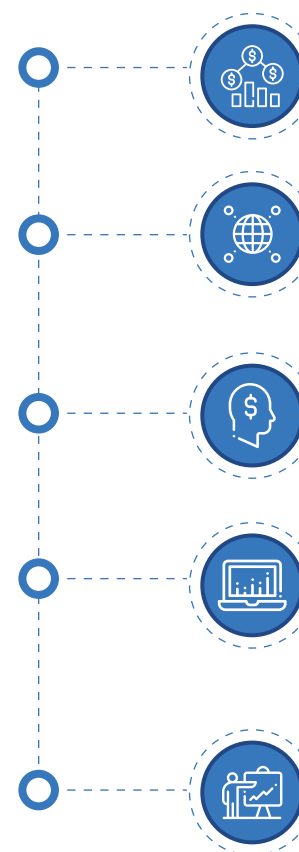
75 Thực tập sinh



**Đào tạo
- Chìa khóa dẫn đến thành công**

Tối đa hóa khả năng làm việc là điều bắt buộc đối với mỗi nhân viên, do đó, trong những năm qua, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được xem là một phần tối quan trọng tại VCSC.

Thay vì xem ngân sách đào tạo là một khoản chi phí lớn, chúng tôi lại xem đó như là một khoản đầu tư chiến lược mang lại lợi ích lâu dài cho VCSC. Vì vậy, chúng tôi không ngừng hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng gồm:



Đào tạo lấy chứng chỉ chứng khoán và chứng khoán phái sinh:

Đảm bảo tất cả nhân viên nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề và chứng khoán phái sinh theo quy định của Ủy ban Chứng khoán.

Chứng chỉ CFA (Chứng chỉ phân tích tài chính quốc tế):

Hỗ trợ hoàn toàn chi phí cho Nhân viên Khối Kinh doanh có nguyện vọng thi lấy chứng chỉ CFA theo từng cấp độ. Hiện tại, VCSC có 21 nhân viên đã đạt được Chứng chỉ CFA Cấp I/II/III, trong số đó có 4 nhân viên đạt chứng chỉ CFA Charter Holder.

Chứng chỉ Thẩm định viên về giá:

Đối với nhân viên thuộc khối Ngân hàng đầu tư, việc lấy chứng chỉ Thẩm định viên về giá do Bộ Tài Chính ban hành cũng là ưu tiên hàng đầu.

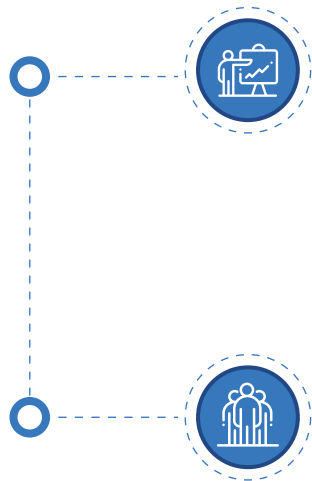
Quản trị mạng:

Công việc quản trị mạng đóng vai trò tối quan trọng đối với hoạt động của công ty nên hàng năm chuyên viên Công nghệ thông tin đều được tham gia các khóa đào tạo quản trị mạng tại các học viện uy tín, giúp trau dồi kinh nghiệm xử lý, khắc phục nhanh khi có sự cố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Đào tạo nội bộ - Khối Môi giới:

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục tập trung vào công tác đào tạo nội bộ dành cho tất cả nhân viên Khối Môi giới từ cấp Chuyên viên đến cấp Quản lý. VCSC tiếp tục triển khai chương trình thi trắc nghiệm trên máy tính nhằm kiểm tra và nâng cao kiến thức và hiệu quả công việc cho Nhân viên Môi giới. Chúng tôi thực hiện chương trình này định kỳ 3 tháng/1 lần cho tất cả các phân mục: Công ty-sản phẩm, Chính sách-Đạo đức, Luật, Phân tích cơ bản-Phân tích kỹ thuật, Quy định giao dịch-Chứng khoán phái sinh. Kết quả của Kỳ thi giúp cho cấp quản lý đánh giá được thực trạng và biện pháp đào tạo phù hợp nhằm giám sát và nâng cao chất lượng dịch vụ Khối Môi giới hàng năm.

Bên cạnh đó, chúng tôi không ngừng cập nhật và nâng cấp hệ thống ngân hàng câu hỏi đa dạng và thực tế, cải tiến và nâng cấp các tính năng tiện ích cho website thi trắc nghiệm và hệ thống tài liệu đào tạo phục vụ công tác đào tạo cho Nhân viên Môi giới.



Đào tạo nội bộ – Khối Môi giới: (tiếp theo)

Việc đào tạo và kiểm tra thường xuyên giúp nhân viên không ngừng trau dồi và cập nhật thêm kiến thức về nghiệp vụ và chuyên môn, đồng thời nhân viên cũng ý thức chấp hành nghiêm túc việc đào tạo và thi định kỳ hàng năm.

Ngoài ra, dưới sự phối hợp hỗ trợ của các phòng ban liên quan như phòng Nghiên cứu và Phân tích, IT và Dịch vụ khách hàng đã giúp chúng tôi tổ chức thành công những chuyên đề đào tạo nội bộ hiệu quả và nhận phản hồi rất tích cực của các Nhân viên Môi giới.

Kỹ năng mềm:

Để tăng cường sự tương tác, hiệu quả công việc và triển vọng nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Các khóa đào tạo kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng trình bày tạo ảnh hưởng lớn, Kỹ năng đàm phán hiệu quả, Kỹ năng chăm sóc khách hàng, v.v... cũng được tổ chức hàng năm do các trung tâm đào tạo có uy tín và kinh nghiệm tại Việt Nam thực hiện cho nhân viên chuyên trách.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ NĂM 2018

Chính sách đãi ngộ của công ty giúp gắn kết lợi ích của nhân viên với lợi ích của khách hàng và của các cổ đông.



Nguyên tắc xác định chính sách đãi ngộ cho nhân viên là thiết lập trên một cơ cấu cân bằng giữa việc duy trì thành tích cá nhân và mạo hiểm chấp nhận rủi ro, trong đó chú trọng vào cách kiểm soát và quản lý rủi ro trong thực tiễn và chính sách đạo đức. Cơ cấu đãi ngộ phù hợp với các ưu tiên chiến lược của công ty, do đó, nó liên kết lợi ích của nhân viên công ty với các bên liên quan và khuyến khích nhân viên tập trung hơn vào khách hàng, tạo ra giá trị bền vững và đạt được các tiêu chuẩn thành tích cao nhất. Chính sách đãi ngộ nhân viên còn dựa trên hiệu quả công việc của từng cá nhân, hiệu quả của đội ngũ và phòng kinh doanh phù hợp với bối cảnh của thị trường.

Mỗi vị trí tuyển mới tại VCSC đều được chúng tôi cân nhắc xác định mức lương khởi điểm phù hợp nhằm đảm bảo chế độ tương xứng và cạnh tranh nhất so với thị trường. Chúng tôi không ngừng xây dựng cải tiến chính sách lương, thưởng đúng đắn với những thành tựu mà cá nhân đã đóng góp vào sự phát triển của toàn công ty.

Mỗi chặng đường phát triển nổi bật của nhân viên đều được chúng tôi ghi nhận thông qua việc điều chỉnh lương và thăng tiến cấp bậc hàng năm, nhờ đó giúp ghi nhận và khơi dậy tinh thần làm việc nhiệt tình, sáng tạo, có trách nhiệm cao để đạt hiệu quả tối đa trong công việc của nhân viên.

NGUYÊN TẮC THƯỞNG THÀNH TÍCH



Quá trình **thưởng thành tích** bao gồm xác định nguồn thưởng quỹ chung, phân bổ thưởng và phân chia thưởng, và dựa vào hiệu quả công việc của nhân viên. Dưới đây là bảng tổng hợp các Nguyên tắc trả lương và thưởng tại Công ty:

Thu hút và tuyển dụng nguồn lực tài năng và đa dạng:

Công ty trả cho nhân viên một mức lương thưởng hợp lý, cả khoản cố định và khoản biến động, dựa trên các yếu tố cạnh tranh thị trường, và trả trong một khoảng thời gian thích hợp.



Kiểm soát thành tích cá nhân và giao tiếp hiệu quả:

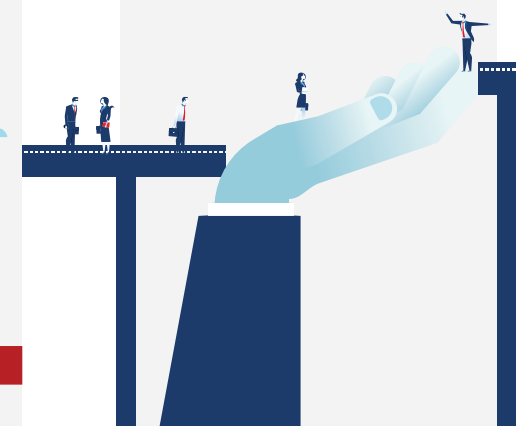
Việc **đánh giá thành tích cá nhân** một cách kỹ lưỡng, **kết hợp với việc giao tiếp hiệu quả**, sẽ cho thấy mối liên hệ trực tiếp giữa mục tiêu kinh doanh đạt được và các đãi ngộ trong toàn công ty.

Phương pháp đãi ngộ thúc đẩy sự gắn kết giữa các nhân viên và điều này phục vụ cho việc gắn kết lợi ích lâu dài của nhân viên với khách hàng và các bên liên quan.



Hỗ trợ thích hợp và kiểm soát chấp nhận rủi ro:

Chính sách đãi ngộ được xây dựng sao cho **thái độ cư xử của nhân viên phù hợp với cơ cấu và mức độ rủi ro cho phép của công ty**, do đó chúng tôi có thể bảo vệ vốn và danh tiếng của công ty, nâng cao chất lượng kết quả tài chính, phù hợp với kỳ vọng của các bên liên quan.



CÁC PHÚC LỢI KHÁC

Công ty cam kết đảm bảo rằng các quyền và chính sách pháp lý hợp pháp của nhân viên sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và sẽ có chính sách khám sức khỏe hàng năm cho toàn thể nhân viên.

Ngoài ra, chúng tôi còn hỗ trợ gói bảo hiểm y tế chất lượng cao của công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân viên. Với Bảo hiểm PVI, nhân viên có thể hưởng các lợi ích và dịch vụ y tế chất lượng cao trong cũng như ngoài nước.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Môi trường kinh tế vĩ mô đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của các doanh nghiệp. Rủi ro kinh tế được định nghĩa là rủi ro hệ thống đến từ các yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bao gồm: i) tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Công ty có thể ghi nhận thua lỗ từ hoạt động kinh doanh và đầu tư do biến động và tính bất ổn của thị trường. Thị trường hoặc điều kiện kinh doanh bất lợi có thể làm giảm đáng kể doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO NHÂN SỰ

Công ty chú trọng chặt chẽ đến rủi ro nhân sự vì nguồn nhân lực là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của bất kỳ doanh nghiệp nào. Hoạt động kinh doanh chứng khoán đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, chưa kể đến thực tế là các nhân viên chất lượng cao thường được tiếp cận và tuyển dụng bởi các công ty cạnh tranh. Do đó, để đảm bảo lực lượng lao động ổn định và có chất lượng cao, Công ty luôn tập trung xây dựng đội ngũ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các chương trình đào tạo và các đãi ngộ phù hợp cho mỗi nhân viên. Công ty luôn đánh giá khách quan sự đóng góp của từng nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện và tạo cơ hội cho nhân viên phát triển năng lực và sự sáng tạo của mình. Công ty cũng áp dụng chính sách tiền thưởng dựa trên tính chất công việc và hiệu quả hoạt động của từng nhân viên. Cuối cùng, công ty hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hiểm cho người lao động.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý bắt nguồn từ việc doanh nghiệp không áp dụng đúng quy định pháp luật kịp thời. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn chưa hoàn chỉnh. Các quy định mới có thể là một thách thức đối với các doanh nghiệp nếu họ không hiểu đầy đủ. Các sửa đổi và điều chỉnh được cập nhật thường xuyên, có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Như vậy, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý, Công ty luôn tập trung vào việc cập nhật hệ thống pháp lý; nghiên cứu, phân tích và dự báo những điều chỉnh quy định; đồng thời phối hợp với bộ phận pháp lý để đào tạo và phổ biến kiến thức pháp luật cho nhân viên Công ty.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên đối tác sẽ không thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Nó bao gồm rủi ro vỡ nợ tín dụng hoặc vỡ nợ trái phiếu, cũng như rủi ro khi một bên bảo lãnh không thể thực hiện nghĩa vụ của mình.

CẠNH TRANH

Với khoảng 73 công ty chứng khoán đang hoạt động tính đến tháng 12 năm 2018, sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán về khách hàng, chất lượng dịch vụ và phí dịch vụ đang ngày càng gay gắt. VCSC đứng đầu trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và môi giới tổ chức nước ngoài, có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu cao nhất trên thị trường cũng như cơ sở khách hàng riêng biệt và dịch vụ khác biệt. Tuy nhiên, việc có nhiều công ty chứng khoán trên thị trường sẽ dẫn đến việc cạnh tranh về phí dịch vụ có thể gay gắt hơn nữa hoặc thậm chí là cạnh tranh không lành mạnh có thể phát sinh.

RỦI RO THANH KHOẢN

Là một công ty chứng khoán, rủi ro thanh khoản của Công ty liên quan đến khả năng đáp ứng các cam kết một cách kịp thời. Việc không tiếp cận với các nguồn vốn có hiệu quả về chi phí có thể dẫn tới việc thiếu khả năng theo đuổi các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận và tiếp tục khả năng kinh doanh. Rủi ro thanh khoản có thể phát sinh bất cứ khi nào lượng thanh khoản thu được từ tài sản hoặc từ vay nợ trong bảng cân đối kế toán ít hơn dự kiến hoặc nhu cầu thanh khoản lớn hơn dự kiến. Do đó, rủi ro thanh khoản có thể phát sinh khi xảy ra rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động hoặc bất kỳ rủi ro chung nào.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro về tổn thất về tài chính phát sinh từ quá trình, con người hoặc hệ thống nội bộ có sai sót hoặc hư hỏng hoặc từ các sự kiện bên ngoài. Nhìn chung, mặc dù Công ty có kế hoạch bảo đảm kinh doanh liên tục, việc kinh doanh cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro trong hoạt động, bao gồm cả rủi ro công nghệ phát sinh từ sự phụ thuộc vào công nghệ thông tin, các nhà cung cấp bên thứ ba và cơ sở hạ tầng viễn thông cũng như từ sự kết nối với các đối tác và các tổ chức tài chính khác. Nguy cơ rủi ro cũng có thể nảy sinh từ hành vi sai lầm hoặc sơ suất và gian lận của nhân viên, có thể dẫn đến các vụ điều tra và cáo buộc dân sự hoặc hình sự, các hình thức xử phạt và gây tổn hại về danh tiếng hoặc tài chính.

CÁC RỦI RO KHÁC

Hoạt động của Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt, .v.v., có thể gây ra thiệt hại cho tài sản cũng như hoạt động của Công ty.

Vun Đắp Nền Tảng

Trải qua hơn một thập kỷ hình thành và phát triển trên nền tảng vững chắc về tài chính, nguồn nhân lực và hệ thống quản trị, Công ty Cổ Phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) đã khẳng định vị thế vững chắc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Những giá trị đó được VCSC vun đắp qua từng ngày để ngày càng phát triển vững mạnh.



MÔI TRƯỜNG KINH TẾ

↑ 7,08% GDP Việt Nam năm 2018 đạt tăng trưởng 7,08%, mức cao nhất trong 11 năm qua



Mặc dù rủi ro toàn cầu gia tăng vào cuối năm, nền kinh tế Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 7,08% trong cả năm 2018, mức cao nhất trong 11 năm qua. Cả 3 khu vực của nền kinh tế bao gồm Nông/Lâm nghiệp/Thủy sản, Công nghiệp/Xây dựng và Dịch vụ đều tăng trưởng tốt, dẫn dắt bởi nhu cầu ổn định từ thị trường trong nước và nước ngoài và dòng vốn FDI gia tăng. Các kết quả này đạt được dựa trên một nền tảng bao gồm môi trường kinh doanh cải thiện, tỷ giá và mặt bằng lãi suất ổn định và lạm phát được kiểm soát hiệu quả.

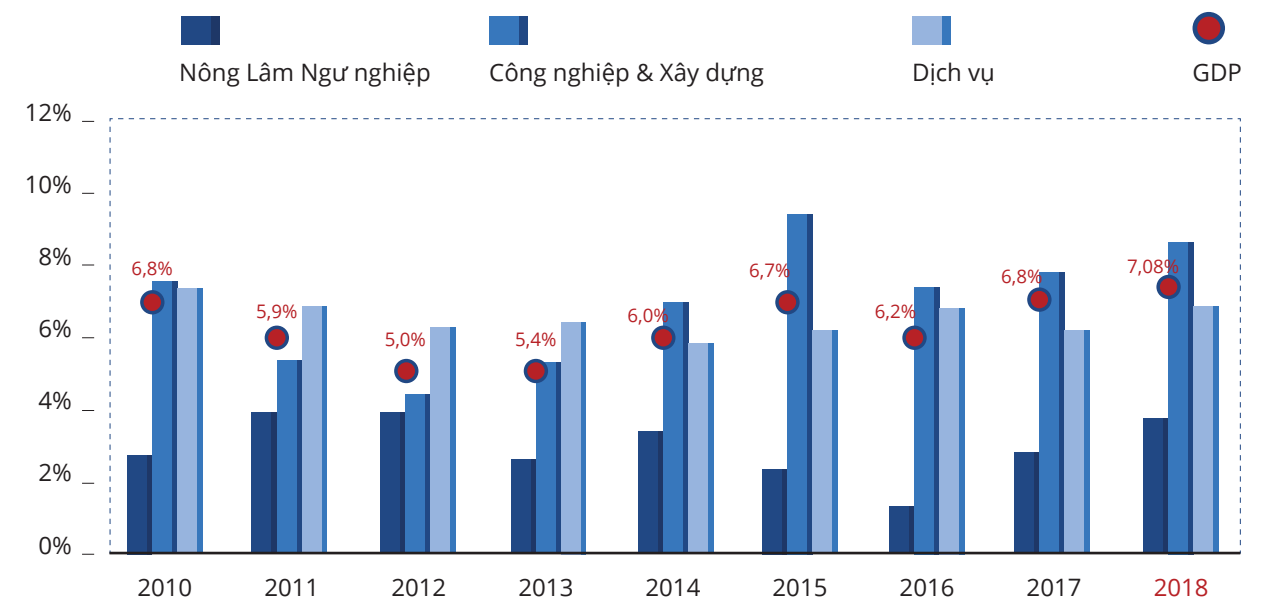
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

- Môi trường Kinh tế
- Môi trường Ngành
- VCSC
- Ngân hàng Đầu tư
- Môi giới Chứng khoán
- Nghiên cứu và Phân tích
- Đầu tư
- Dịch vụ Chứng khoán

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

- Tình hình tài chính
- Quản trị rủi ro

TĂNG TRƯỞNG GDP THEO KHU VỰC



Nguồn: TCTK, VCSC Research



Nông/Lâm nghiệp và Thủy sản ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2012.

Khu vực Nông/Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 3,8% trong năm 2018, mức cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, nhờ thời tiết thuận lợi và tái cơ cấu ngành. Nông dân đang dần chuyển đổi từ các giống lúa năng suất thấp sang các giống lúa năng suất cao, hoặc các loại cây trồng và thủy sản có giá trị cao hơn.



Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng mạnh nhất trong 3 năm qua, trong đó lĩnh vực sản xuất là yếu tố dẫn dắt của nền kinh tế.

Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng 8,8%, trong đó lĩnh vực sản xuất/chế biến/chế tạo tăng mạnh 13,0% nhờ nhu cầu ổn định của thị trường trong nước và nước ngoài.



Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) của Việt Nam đã duy trì trên mốc 50 điểm (thể hiện sự tăng trưởng) 37 tháng liên tiếp. PMI trung bình cả năm của Việt Nam cũng đạt mức cao kỷ lục kể từ thời điểm bắt đầu khảo sát vào năm 2011 và cao hơn nhiều so với các quốc gia ASEAN và EM, nhờ xuất khẩu và đơn hàng trong nước tăng mạnh bất chấp các trở ngại đang gia tăng trên toàn cầu.

Khu vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng tích cực.

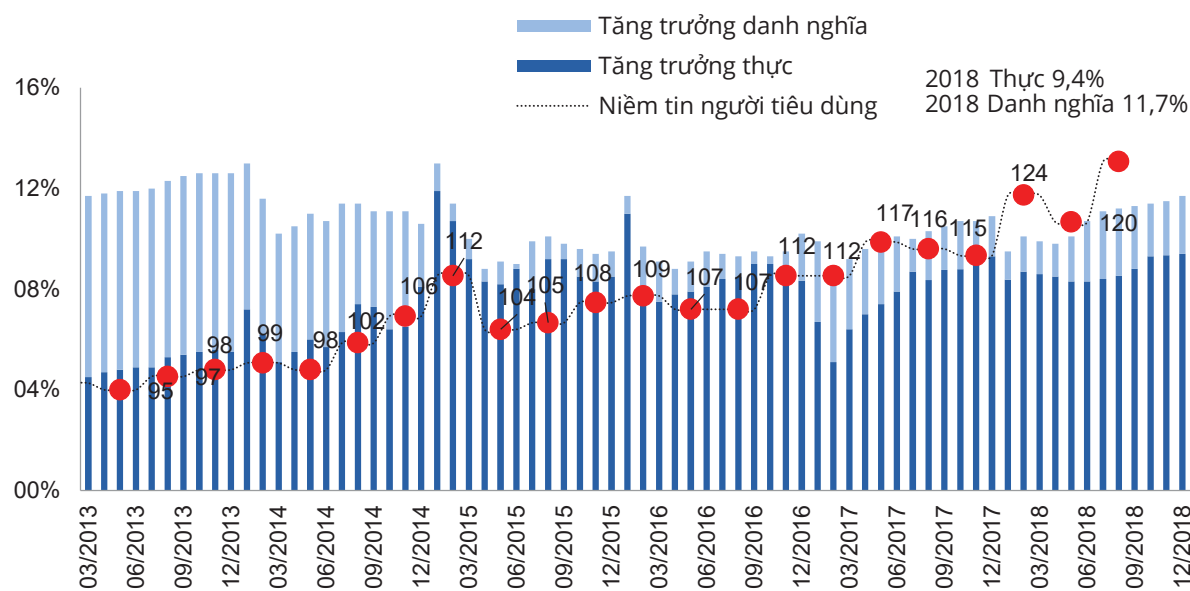
Khu vực Dịch vụ tăng 7,0%, trong đó một số ngành ghi nhận tăng trưởng mạnh bao gồm bán buôn/ mức bán lẻ (tăng 8,5% - tăng trưởng cao nhất trong các ngành của khu vực Dịch vụ) và tài chính/ngân hàng/bảo hiểm (tăng 8,2%). Ngoài ra, trong năm 2018, Việt Nam đã đón tiếp 15,5 triệu lượt khách nước ngoài, tăng 19,9%.



Tiêu dùng tư nhân được hỗ trợ bởi tâm lý lạc quan của người tiêu dùng.

Trong khi các nền kinh tế châu Á đang bị ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tâm lý người tiêu dùng Việt Nam vẫn duy trì tích cực. Theo khảo sát của Nielsen, chỉ số niềm tin tiêu dùng (CCI) của Việt Nam tăng 9 điểm lên 129 điểm trong quý 3/2018, cao nhất trong một thập kỷ qua và là quốc gia lạc quan thứ hai trên toàn cầu. Điều này cũng được thể hiện trong số liệu tiêu dùng cá nhân tích cực trong năm 2018. Tổng mức bán lẻ đạt 4.396 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% (loại trừ yếu tố giá tăng 9,4%, cao nhất kể từ năm 2011).

TĂNG TRƯỞNG BÁN LẺ VÀ NIỀM TIN TIÊU DÙNG



Nguồn: TCTK, Nielsen Global, VCSC Research

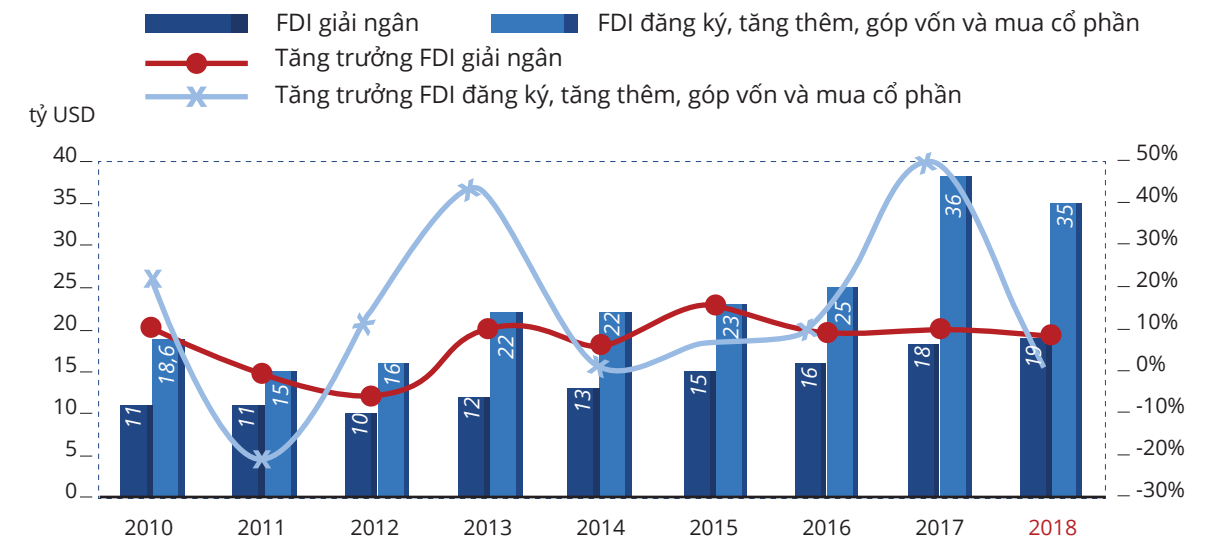
Đầu tư ngoài Nhà nước tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11,2% đạt 33,5% GDP, mức cao nhất trong 6 năm qua. Trong đó, đầu tư bởi khu vực tư nhân tăng mạnh 18,5% trong năm 2018, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng 3,9% và 9,6% đầu tư của Nhà nước và nhóm FDI. Đáng chú ý, hệ số đầu tư tăng trưởng (ICOR) của Việt Nam giảm còn 6,0 trong năm 2018 so với trung bình 6,3 ghi nhận trong giai đoạn 2011-2015.

Việt Nam là địa điểm thu hút vốn FDI hàng đầu.

Theo Khảo sát APEC CEO 2018 của PwC, Việt Nam là địa điểm thu hút đầu tư hàng đầu trong số 21 nền kinh tế APEC năm thứ 2 liên tiếp. Trong năm 2018, vốn FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1%. Trong khi đó, tổng vốn FDI đăng ký duy trì ổn định đạt 35,5 tỷ USD (-1,2%) mặc dù rủi ro toàn cầu gia tăng và mức cơ sở cao của năm 2017.

FDI ĐĂNG KÝ VÀ GIẢI NGÂN

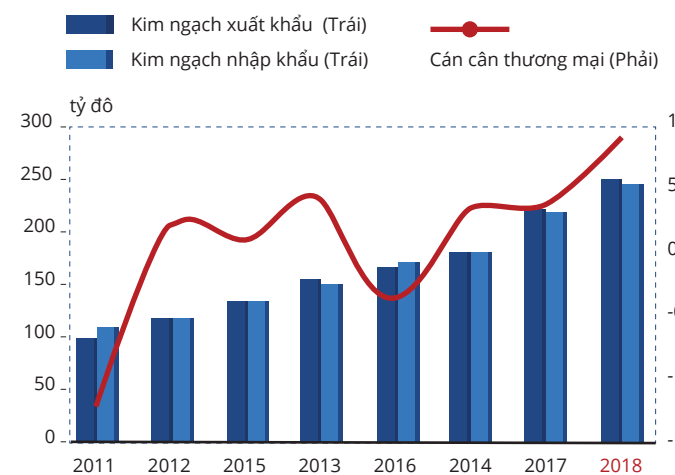


Nguồn: FIA, VCSC Research

Thặng dư thương mại đạt mức cao kỷ lục

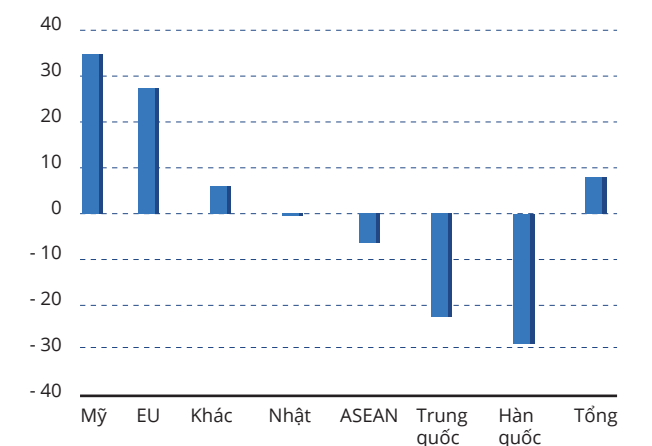
Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 243,5 tỷ USD, tăng 13,2% so với năm 2017, trong khi nhập khẩu đạt 236,7 tỷ USD, tăng 11,1%, giúp thặng dư thương mại đạt mức cao kỷ lục 6,8 tỷ USD (cao hơn nhiều so với mức thặng dư thương mại đạt 2,1 tỷ USD trong năm 2017). Thêm một diễn biến tích cực khác, xuất khẩu của khu vực trong nước lần đầu ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao hơn so với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (15% so với 12,4% cùng kỳ).

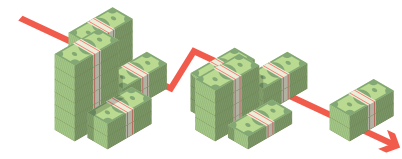
CÁN CÂN THƯƠNG MẠI



Nguồn: Vietnam Customs, VCSC Research

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VỚI CÁC ĐỐI TÁC CHÍNH 2018, TỶ USD

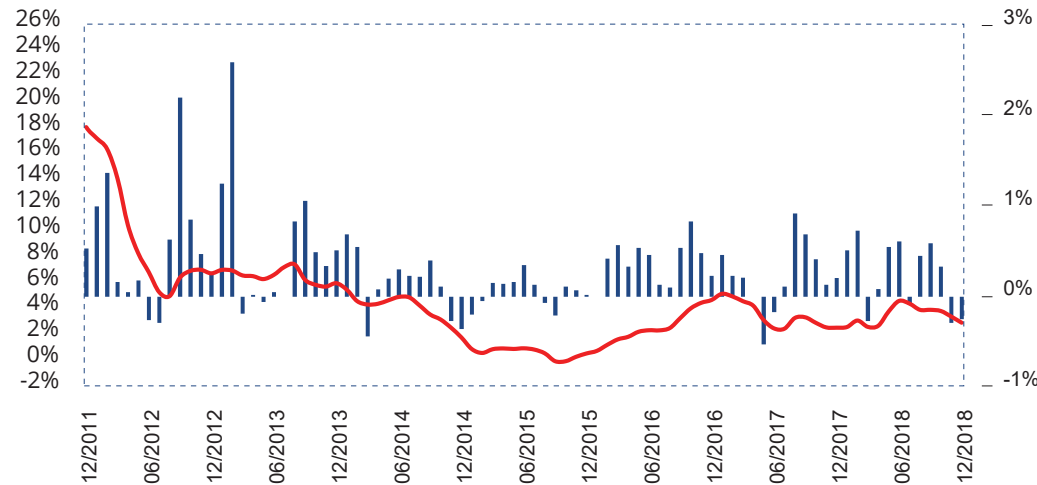




Lạm phát 2018 thấp hơn so với mục tiêu 4% của Chính phủ.

Dù lạm phát tăng mạnh trong 3 quý đầu năm 2018 do giá thịt heo và nhiên liệu gia tăng, lạm phát cả năm 2018 chỉ ở mức 3,0%, trong khi lạm phát trung bình duy trì ở mức 3,5%, thấp hơn nhiều so với mức trần mục tiêu của Chính phủ là 4%, nhờ giá nhiên liệu giảm vào cuối năm. Lạm phát cơ bản trung bình (không tính thực phẩm, năng lượng, và hàng hóa do Nhà nước trợ giá, trong đó có Y tế và Giáo dục) chỉ tăng 1,5%, thấp hơn so với mức mục tiêu 1,6% - 1,8%, cho thấy NHNN đã sử dụng chính sách tiền tệ phù hợp.

LẠM PHÁT



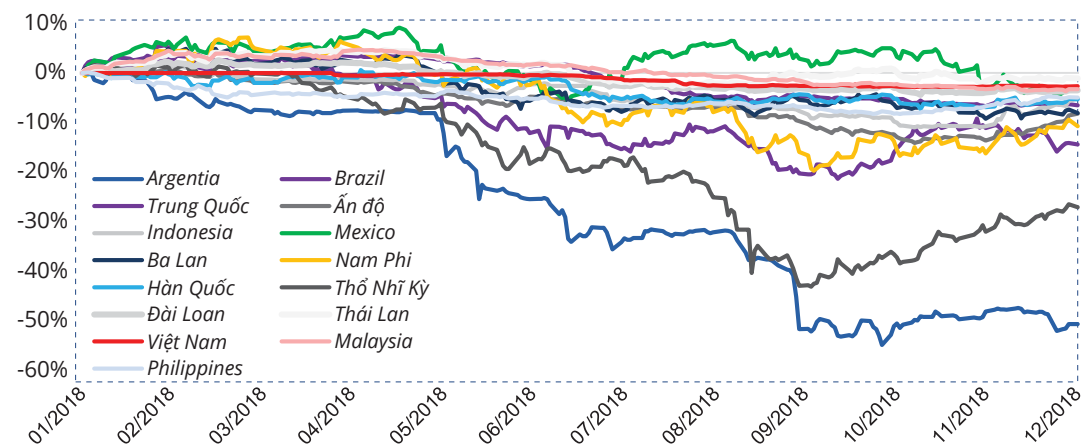
Nguồn: GSO, VCSC Research

Đồng VND tiếp tục ổn định dù chịu áp lực bên ngoài.

Trong năm 2018, đồng VND đã chịu áp lực do một số yếu tố bên ngoài. Tuy nhiên, dòng vốn ngoại đến từ giải ngân FDI, kiều hối, thặng dư thương mại cao kỷ lục hay dự trữ ngoại hối cải thiện đã giúp hỗ trợ đồng VND. Tính đến cuối năm 2018, VND/USD trên thị trường liên ngân hàng vẫn chỉ trượt giá 2,1% giao dịch ở mức 23.175VND/USD mặc dù đồng tiền tại các thị trường mới nổi khác mất giá mạnh.



DIỄN BIẾN CỦA VND VÀ ĐỒNG TIỀN CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI SO VỚI USD



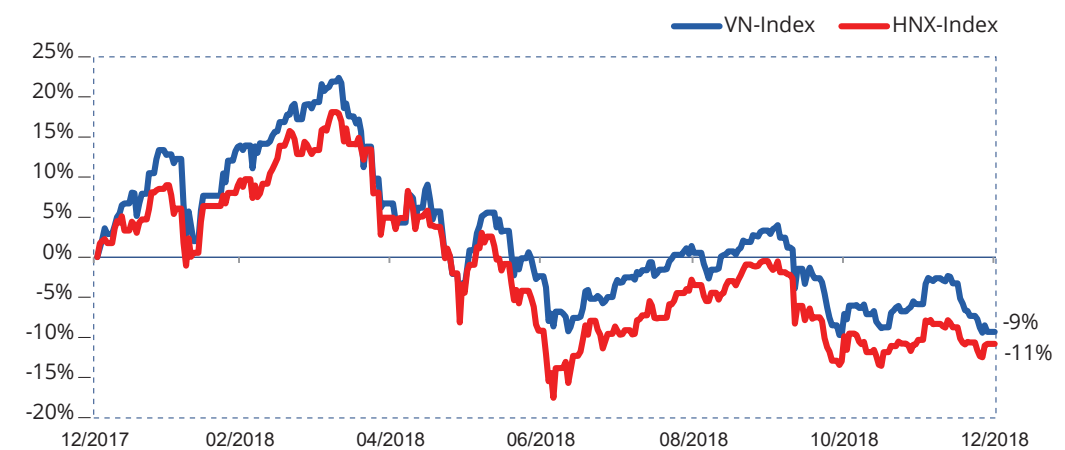
Nguồn: Bloomberg, VCSC Research

MÔI TRƯỜNG NGÀNH

Điều chỉnh mạnh sau khi tăng điểm ấn tượng trong năm 2017 và Q1 2018.

VN-Index tiếp nối đà tăng từ năm 2017 đến hết Q1 2018 và đạt mức đỉnh 1.204 vào ngày 9/4/2018. Tuy nhiên sau đó mọi thành quả trong quý đầu năm đã bị xóa sạch do Việt Nam không thể cưỡng lại xu hướng điều chỉnh của thị trường chứng khoán toàn cầu. Quá trình điều chỉnh diễn ra đầu tiên tại các thị trường mới nổi vào Q2 2018 và sau đó lan sang các thị trường phát triển. VN-Index kết thúc năm 2018 với mức giảm 9% trong năm, trái ngược hoàn toàn so với mức tăng 44% ghi nhận trong năm 2017. VN-Index trong năm 2018 cũng có mức biến động mạnh nhất kể từ 2010.

DIỄN BIẾN CỦA VN-INDEX VÀ HNX-INDEX TRONG NĂM 2018



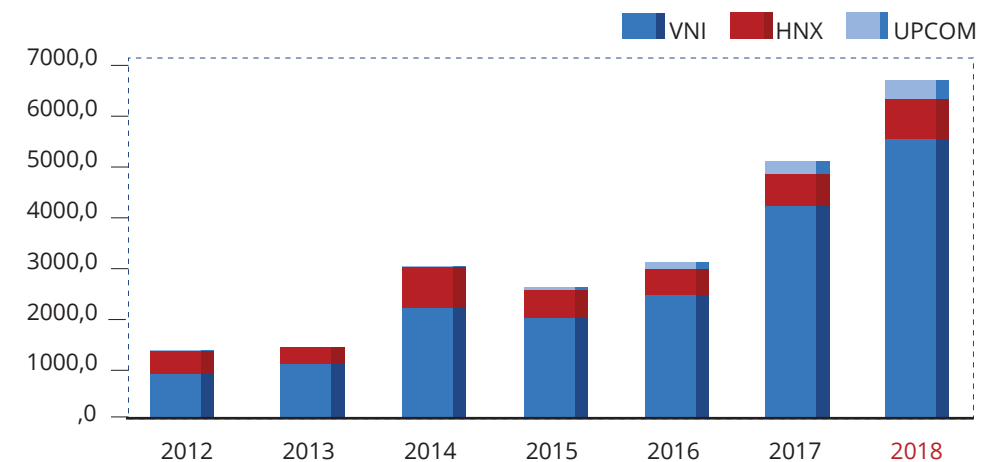
Nguồn: Bloomberg, VCSC Research

Tác động chính tới chỉ số VN-Index	
Mã	Điểm
VNM	-31.1
ROS	-22.8
VHM	-13.7
BVH	6.4
BID	10.7
VIC	37.4

Thanh khoản cải thiện và tập trung vào các cổ phiếu lớn trong rổ VN30.

Giá trị giao dịch trung bình (GTGDTB) tiếp tục cải thiện trong năm 2018 với mức tăng trưởng 31,6% so với năm 2017 cho toàn thị trường và đạt 6,66 nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Sự cải thiện này tập trung chủ yếu vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30. GTGDTB mỗi phiên của nhóm này tăng tới 56,5%.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH BÌNH QUÂN HÀNG NGÀY TỪ 2012-2018 (tỷ VND)

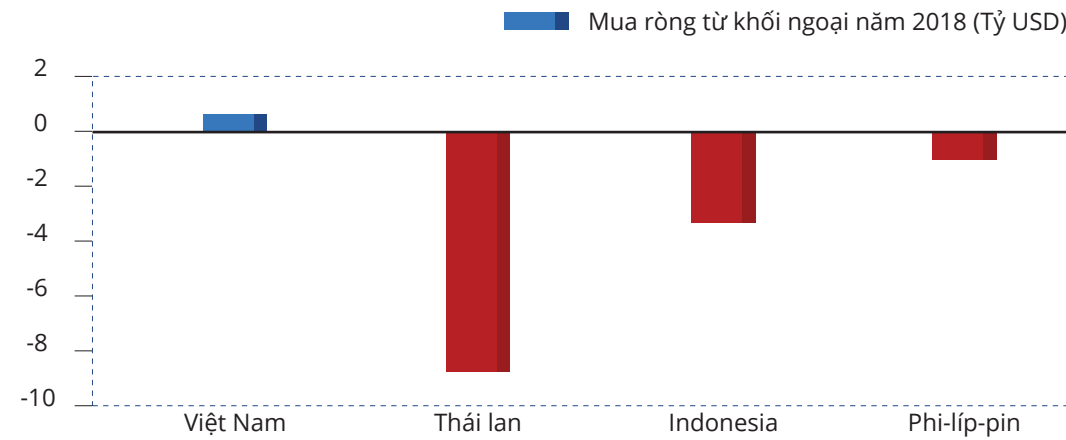


Nguồn: Stoxplus, VCSC Research

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị 0,6 tỷ USD trong năm 2018.

Hoàn toàn đối lập với tình trạng bán ròng tại các thị trường khác trong khu vực như Thái Lan (bán ròng 8,9 tỷ USD), Indonesia (bán ròng 3,7 tỷ USD) và Philippines (bán ròng 1,1 tỷ USD).

GIÁ TRỊ MUA/BÁN RÒNG CỦA NĐT NN TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG TRONG KHU VỰC (tỷ USD)

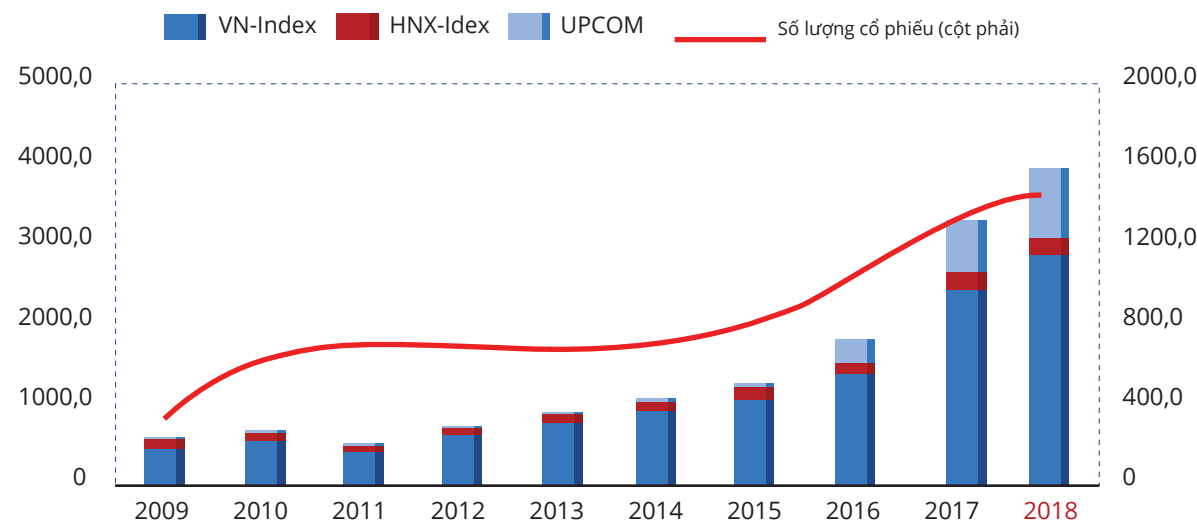


Nguồn: Bloomberg, VCSC Research. Chúng tôi loại bỏ 1,3 tỷ USD (liên quan đến việc niêm yết VHM) khỏi dữ liệu Bloomberg do dữ liệu Bloomberg loại bỏ 900 triệu USD thương vụ niêm yết TCB. Nếu thêm TCB và giữ nguyên VHM, giá trị mua/bán ròng sẽ tăng lên 2,8 tỷ USD trong năm 2018.

Các cổ phiếu mới niêm yết giúp vốn hóa thị trường tăng trưởng.

Số lượng các cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên 3 sàn tăng từ 1.420 mã trong năm 2017 lên 1.551 mã vào cuối năm 2018. Dù cả 3 chỉ số đều giảm điểm so với năm ngoái, vốn hóa toàn thị trường vẫn tăng 13,7% và đạt hơn 4 triệu tỷ đồng vào cuối năm 2018, tương đương 72,3% GDP, tăng so với mức 70,3% GDP trong 2017 nhờ một số cổ phiếu mới niêm yết. Tiêu biểu nhất phải kể đến một số công ty có vốn hóa trên 1 tỷ USD như VHM (BĐS), TCB và HDB (ngân hàng), VEA (ô tô), BSR (dầu khí), POW (năng lượng), GVR (cao su) và VGL (viễn thông).

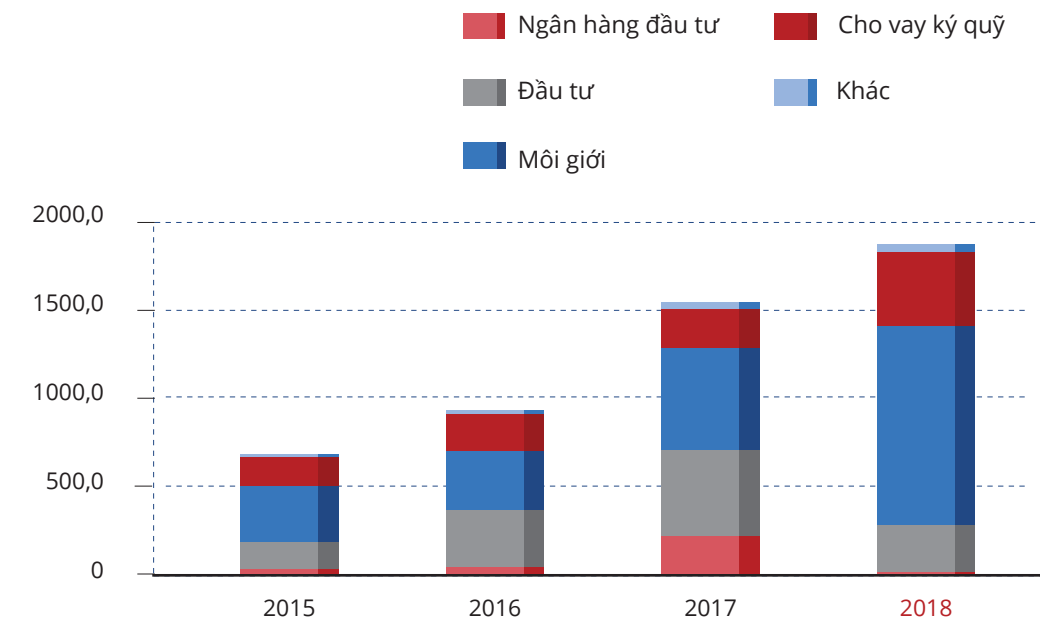
TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM (nghìn tỷ VND) VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NIÊM YẾT VÀ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TỪ 2009-2018



Nguồn: Bloomberg, VCSC Research

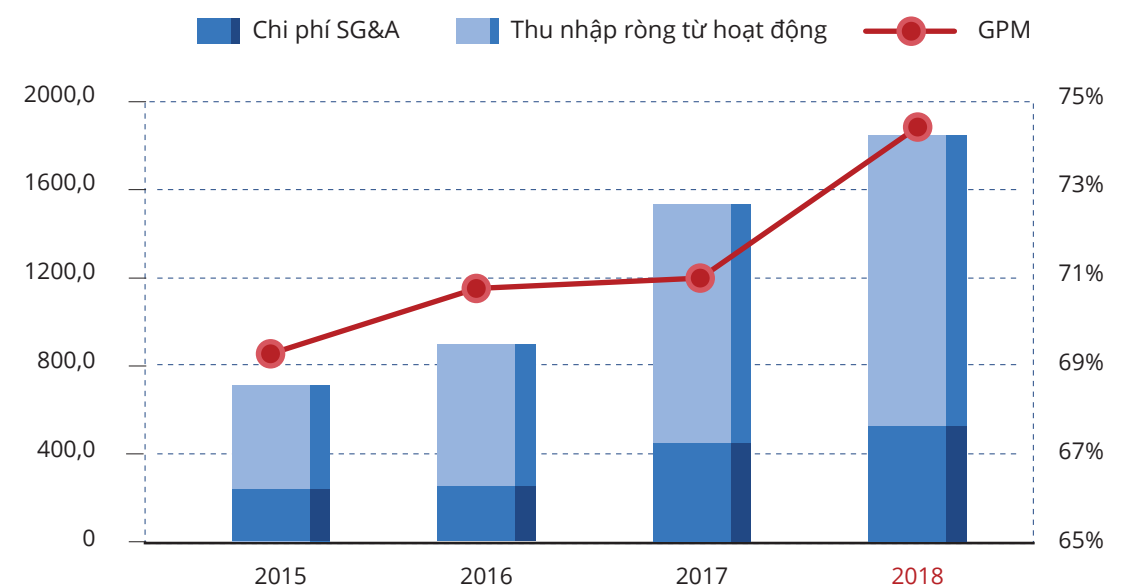
VCSC

CƠ CẤU DOANH THU (tỷ đồng)



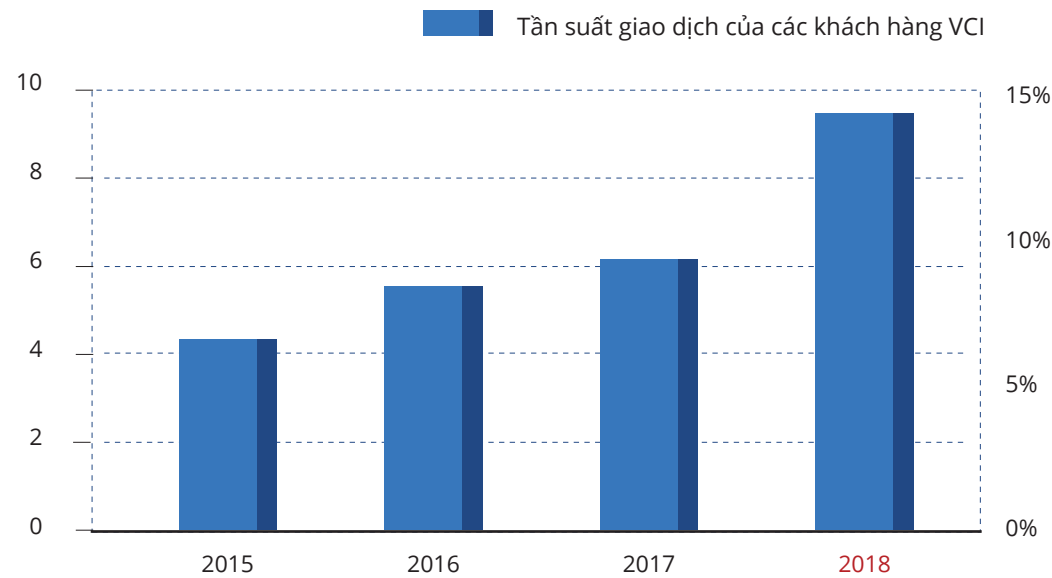
Nguồn: VCSC

CƠ CẤU THU NHẬP TỪ HĐKD (tỷ đồng) VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP



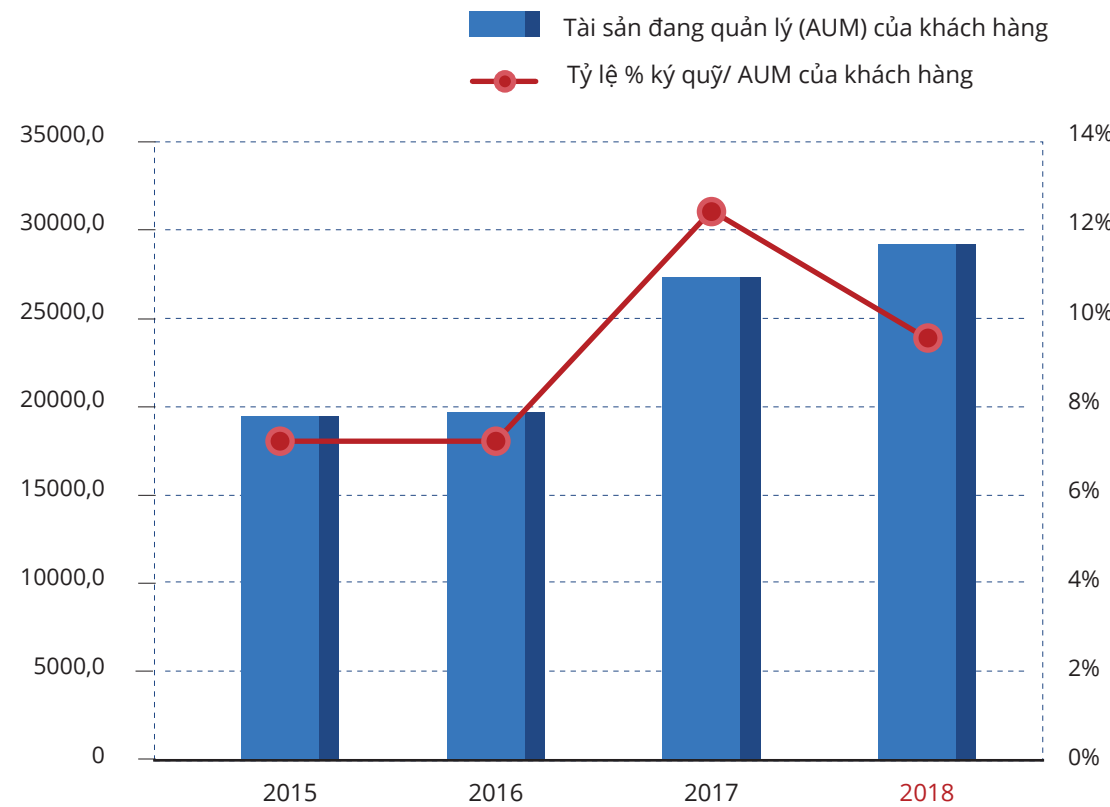
Nguồn: VCSC

TẦN SUẤT GIAO DỊCH CỦA KHÁCH HÀNG CỦA VCSC VÀ LÃI SUẤT CHO VAY MARGIN



Nguồn: VCSC

TÀI SẢN QUẢN LÝ CÁC KHÁCH HÀNG VÀ HIỆU SUẤT SỬ DỤNG VAY MARGIN CỦA VCSC (tỷ đồng)

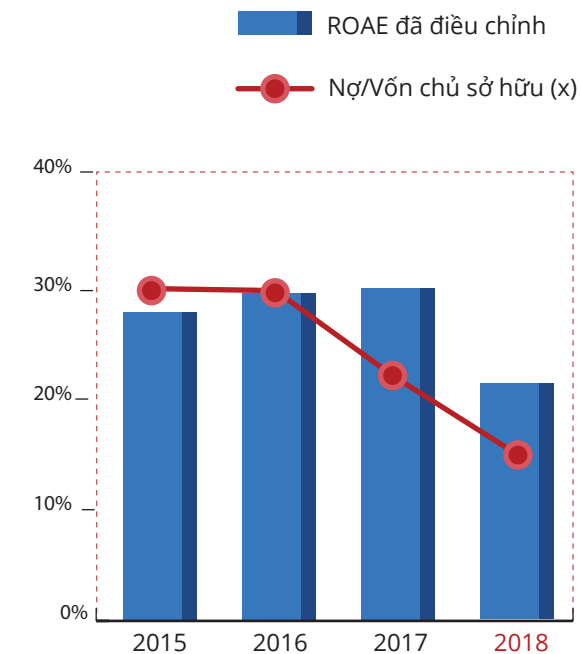


Nguồn: VCSC

Tổng doanh thu hoạt động đạt 1,8 nghìn tỷ đồng trong năm 2018 (tăng 18,5% YoY so với 1,5 nghìn tỷ đồng trong năm 2017). Với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ mảng ngân hàng đầu tư với nhiều thương vụ thành công, mảng môi giới chứng khoán ghi nhận hơn 1 nghìn tỷ đồng doanh thu trong năm 2018, tăng gấp đôi so với con số 2017 và đóng góp khoảng 56% cho tổng doanh thu. Doanh thu từ cho vay ký quỹ ghi nhận mức tăng trưởng 66% YoY (so với cùng kỳ năm ngoái) trong năm 2018, đóng góp 24,3% cho tổng doanh thu. Đóng góp từ mảng tự doanh giảm còn 17,2% trong năm 2018 so với mức 31,9% trong năm 2017 do các biến động khó lường của thị trường.

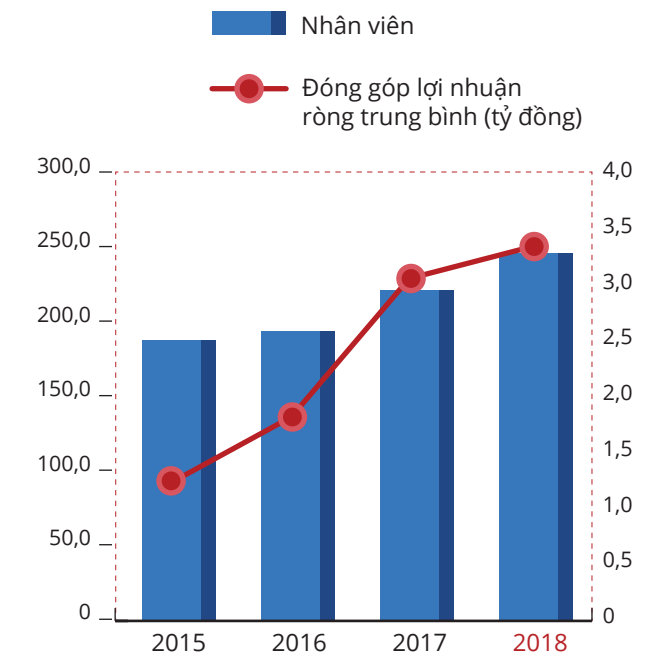
Tính đến hết năm 2018, giá trị tài sản quản lý (AUM) của các khách hàng VCI, vốn thường được xem là thước đo cho tài sản của các khách hàng cá nhân đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và số dư tiền mặt của khách hàng cá nhân, tăng nhẹ 3,2% YoY, đạt 29,1 nghìn tỷ đồng (1,3 tỷ USD), tương ứng với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) trong giai đoạn 2015-2018 đạt 13,9%. Lãi suất áp dụng cho vay ký quỹ đi ngang đạt 13,3% trong năm 2018, cho thấy không có áp lực cạnh tranh đáng kể trong mảng này.

TỶ SUẤT SINH LỜI TRÊN VỐN CSH VÀ TỶ LỆ ĐÒN BẨY



Nguồn: VCSC

TÍNH HIỆU QUẢ CỦA NHÂN VIÊN



Nguồn: VCSC

Tăng trưởng lợi nhuận ròng đạt 25,6%, ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh hơn so với doanh thu do (1) tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) được quản lý tốt hơn đạt 25,8% trong năm 2018 (so với 28,8% trong năm 2017) và (2) cải thiện liên tục trong tính hiệu quả của nhân viên.

Vốn chủ sở hữu tăng 20,6% trong năm 2018 đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, với vốn điều lệ tăng thêm 35,8% trong cùng giai đoạn, củng cố cho tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Công ty đã thành công duy trì tỷ lệ ROE ở mức cao với kế hoạch duy trì ROE ổn định ở mức khoảng 20-25% trong vòng 3-5 năm tới.

Tích Lũy Giá Trị

Nguồn nhân lực là động lực tăng trưởng bền bỉ của Công ty. VCSC luôn xác định phải phát triển một đội ngũ nhân sự thực sự giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề để cùng xây nên những giá trị vững bền theo thời gian. VCSC không ngừng tìm kiếm các giải pháp nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả.



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



VCSC là đơn vị cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB) hàng đầu trên thị trường với các dịch vụ tư vấn chiến lược và tài chính cho đa dạng khách hàng, bao gồm các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và quỹ đầu tư.

TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Chúng tôi hỗ trợ khách hàng của mình đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra bằng cách cung cấp các dịch vụ tư vấn trọn gói, toàn diện cho tất cả các lĩnh vực ngành nghề chủ yếu. Đội ngũ chuyên gia IB giàu kinh nghiệm của chúng tôi tư vấn khách hàng liên quan đến các quyết định chiến lược quan trọng nhất, trong đó có hoạt động mua bán sáp nhập (M&A), phát hành cổ phần ra công chúng (IPO), tái cơ cấu và các vấn đề tài chính doanh nghiệp khác.

VCSC được thành lập vào năm 2007 bởi các chuyên gia tư vấn kỳ cựu giúp lập nên một đội ngũ IB có khả năng đưa ra các giải pháp đa dạng cũng như năng lực thực hiện các giao dịch khó dựa trên các tiêu chuẩn cao nhất về tính bảo mật và sự chuẩn bị kỹ lưỡng. Chúng tôi có khả năng tạo dựng các mối quan hệ khách hàng lâu dài bằng cách đưa ra các ý tưởng tư vấn sáng tạo thông qua phương thức làm việc nhóm với tinh thần hợp tác cao.

Kể từ khi thành lập, chúng tôi đã đạt được tăng trưởng nhanh chóng bằng cách tuyển chọn các chuyên gia có trình độ cao, mở rộng phạm vi dịch vụ tư vấn, phát triển mối quan hệ khách hàng mới và trau dồi năng lực đội ngũ thông qua đào tạo và huấn luyện. Hiện tại, đội ngũ IB của chúng tôi có hơn 25 chuyên gia tư vấn, làm việc ở 2 văn phòng tại Việt Nam. Đây là năm thứ mười một tăng trưởng liên tục của chúng tôi trong suốt 11 năm hoạt động và VCSC đã tư vấn trên hàng tỷ USD giá trị giao dịch kể từ khi thành lập.



CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN CỦA CHÚNG TÔI




Với năng lực và am hiểu sâu về ngành, chúng tôi đã tư vấn cho khách hàng trong tất cả các ngành nghề chính bao gồm Tiêu dùng, Bán lẻ & Nhà hàng; Cơ cấu năng lượng, Điện và hạ tầng; Tổ chức tài chính; Công nghiệp; Chăm sóc sức khỏe; Bất động sản, Truyền thông & Viễn thông, v.v. Chúng tôi cũng hợp tác với các đối tác trên toàn cầu để mang kiến thức sâu rộng của họ về thị trường địa phương nơi khách hàng của chúng tôi hoạt động.

Chúng tôi hướng đến đa dạng khách hàng từ các tập đoàn lớn đang niêm yết cho đến các công ty tư nhân quy mô vốn trung bình cũng như các doanh nghiệp tư nhân, và chúng tôi luôn tập trung toàn bộ nguồn lực cũng như mức độ quan tâm chăm sóc tốt nhất cho mọi khách hàng, không phân biệt quy mô vốn hay tình trạng khách hàng.

Chúng tôi đã thiết lập được một đội ngũ tư vấn M&A chất lượng cao bao gồm mua bán sáp nhập và thoái vốn. Chúng tôi tư vấn cho khách hàng tất cả các giai đoạn của quy trình M&A bao gồm việc đưa ra các phương án chiến lược khác nhau, đánh giá bên mua / bên bán tiềm năng, cung cấp các báo cáo phân tích định giá và tư vấn về các điều khoản giao dịch bao gồm giá, cấu trúc thương vụ, thời gian thực hiện và các giải pháp về tài chính.



Dưới đây là một số giao dịch tiêu biểu của chúng tôi trong năm 2018 vừa qua:

- TECHCOMBANK**  Đồng tư vấn cho đợt chào bán cổ phần của Ngân hàng Techcombank (TCB), trong đó, khoảng 922 triệu đô la Mỹ đã được huy động thành công từ các nhà đầu tư tổ chức có uy tín trên thế giới. Đây là một trong những đợt chào bán thành công nhất từ trước đến nay tại Việt Nam. Quá trình dựn số đã thu hút số lượng nhà đầu đăng ký vượt mức bốn lần mức chào bán dự kiến;
- KIM TIN**  Tư vấn độc quyền cho các cổ đông hiện hữu chào bán 20% cổ phần của Tập đoàn Kim Tín, một doanh nghiệp sản xuất que hàn nổi tiếng ở Việt Nam, cho một quỹ đầu tư tư nhân;
- MASAN GROUP**  Đồng tư vấn thoái vốn cho cổ đông hiện hữu của Tập đoàn Masan (MSN) với tổng quy mô giá trị giao dịch là 309 triệu đô la Mỹ.

↳ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi tìm cách đạt được những mục tiêu này thông qua những điều sau đây:

Chúng tôi tiếp tục củng cố và mở rộng các mối quan hệ khách hàng, đó là nền tảng của việc kinh doanh của chúng tôi. Chúng tôi liên tục theo đuổi mục tiêu cung cấp các dịch vụ tư vấn trọn gói với chất lượng cao nhất và các giải pháp sáng tạo nhất nhằm hướng đến sự thành công bền vững của khách hàng. Chúng tôi tin rằng phương thức này đã giúp nâng cao danh tiếng của chúng tôi trở thành một nhà tư vấn đáng tin cậy và chúng tôi dự định sẽ thúc đẩy cách tiếp cận này hơn nữa khi chúng tôi tăng tiếp xúc với khách hàng và phát triển các mối quan hệ khách hàng mới.

Chúng tôi dự định theo đuổi và mở rộng phạm vi tư vấn cho các ngành nghề mới và giới thiệu các dịch vụ tư vấn chuyên môn mới dựa trên nhu cầu thực tiễn của khách hàng. Ngoài việc mời gọi các chuyên gia chất lượng cao về lãnh đạo đội ngũ IB, những người sẽ đóng góp không nhỏ vào việc mở rộng danh mục các hợp đồng tư vấn, chúng tôi còn đầu tư và đào tạo một cách bài bản các thể hệ chuyên gia IB nối tiếp và tiếp tục tuyển dụng nhận sự từ các chương trình đại học và sau đại học hàng đầu ở Việt Nam và trên thế giới. Chúng tôi tin rằng phát triển tài năng trong nội bộ sẽ tạo ra một đội ngũ IB bền vững hơn và hơn hết là củng cố văn hóa của công ty chúng tôi từ lúc thành lập công ty.

Hiện tại, chúng tôi đang có một danh mục hợp đồng tư vấn đa dạng ở các giai đoạn khác nhau, bao gồm IPO của cả doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, các giao dịch M&A, tái cấu trúc, phát hành trái phiếu và thoái vốn. Chúng tôi kỳ vọng năm 2019 sẽ chứng kiến Việt Nam là một điểm đến mới vừa an toàn và vừa sinh lợi thu hút dòng vốn quốc tế đổ vào, nơi mà ít chịu sự tác động bởi các sự kiện toàn cầu do các yếu tố cơ bản vĩ mô ổn định làm nền tảng hấp dẫn đầu tư của Việt Nam.



MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

VCSC là công ty dẫn đầu thị phần môi giới cho tổ chức nước ngoài.



MÔI GIỚI TỔ CHỨC (ISB)

Bộ phận ISB cung cấp nhiều loại hình môi giới và giao dịch bao gồm:

Môi giới chứng khoán và trái phiếu

Giao dịch khối (block) và tư vấn Đầu tư/ thoái vốn

Lưu ký chứng khoán

Kết nối với doanh nghiệp

Hỗ trợ DMA, STP và FIX

Bộ phận ISB gồm 17 chuyên viên am hiểu chuyên môn và dày dặn kinh nghiệm (tại thị trường trong nước lẫn quốc tế), chịu trách nhiệm tư vấn đầu tư. Ngoài ra, ISB còn nhận được sự hỗ trợ đặc lực từ Bộ phận Nghiên cứu gồm 24 chuyên viên với khả năng phân tích nhạy bén và độc lập. Trong năm 2018, xét trên tốc độ mở rộng cơ sở khách hàng, VCSC vẫn là đơn vị môi giới tổ chức nước ngoài hàng đầu, chiếm hơn 28% thị phần trên sàn giao dịch Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Bộ phận ISB thuộc VCSC đã được tạp chí Finance Asia bình chọn là "Đơn vị môi giới tốt nhất" của năm 2018.

17

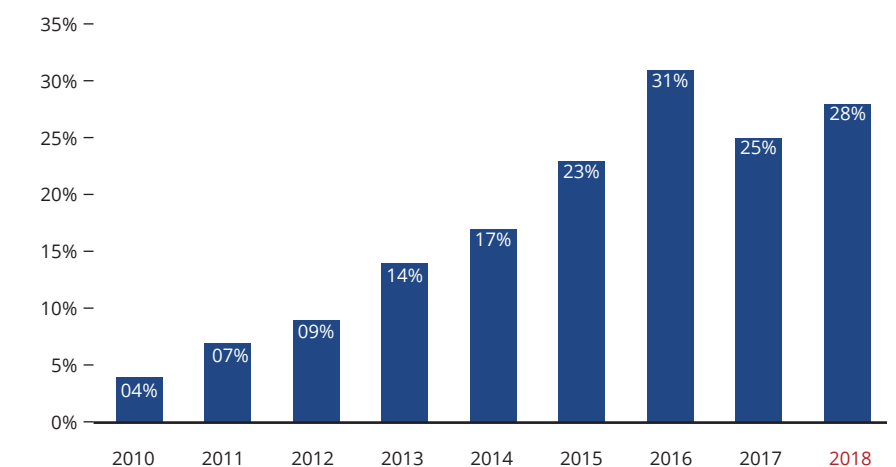
Chuyên viên bộ phận ISB
Có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn

24

Chuyên viên bộ phận Nghiên cứu và Phân tích
Khả năng phân tích độc lập và kỹ càng

Nhờ có hậu thuẫn vững mạnh trong mảng tài chính doanh nghiệp và tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A), bộ phận ISB có thể trực tiếp tiếp cận nhiều công ty lớn và danh tiếng, từ đó cho phép ISB giới thiệu các cơ hội đầu tư sinh lợi đến nhiều nhà đầu tư. Bộ phận ISB chiếm 50% tổng doanh thu từ dịch vụ môi giới của VCSC.

Bộ phận ISB là đơn vị chủ trì tổ chức Hội nghị đầu tư quốc tế "Vietnam Access Day" - VAD, một hội nghị uy tín diễn ra hàng năm và thu hút nhiều nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước với hơn 500 người tham gia. Cụ thể, vào đầu năm 2018, sự kiện VAD diễn ra trong ba ngày tại thành phố Hồ Chí Minh đã giúp kết nối 257 nhà đầu tư nước ngoài và 222 nhà đầu tư trong nước với nhiều công ty Việt Nam đang niêm yết hoặc đang có nhu cầu huy động vốn. Ngoài ra, Bộ phận ISB còn kết nối các công ty hàng đầu Việt Nam với nhiều nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan doanh nghiệp hoặc các hội nghị giới thiệu cơ hội đầu tư (roadshow) tại thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore và Thái Lan.



THỊ PHẦN NƯỚC NGOÀI TRÊN SÀN HSX

Nguồn: VCSC

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

VCSC là 1 trong 3 công ty dẫn đầu về thị phần môi giới trên HSX.

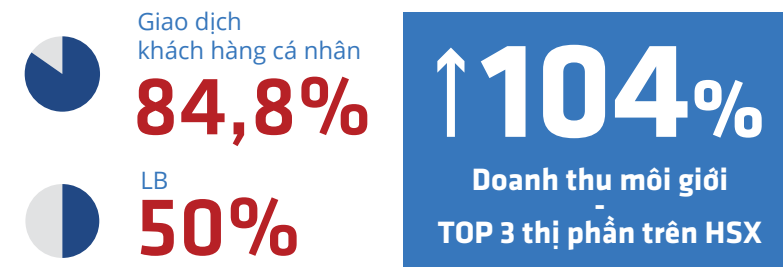
MÔI GIỚI TRONG NƯỚC (LB)

Phòng LB cung cấp gói đầy đủ các dịch vụ môi giới cho khách hàng cá nhân trong nước và hiện tại có hơn 39.600 tài khoản hoạt động thường xuyên (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018). Các dịch vụ cung cấp bao gồm môi giới, lưu ký chứng khoán, quản lý cổ đông và cho vay ký quỹ, được cung cấp bởi một đội ngũ gồm 112 chuyên viên có kinh nghiệm, có kiến thức và tận tâm.

Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhất của LB trong việc nâng cao chất lượng hoạt động môi giới cũng như VCSC đang hướng đến những khách hàng có chiến lược đầu tư ổn định lâu dài và mức sinh lợi hiệu quả thể hiện qua:

- Phòng LB cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên sâu và toàn diện với sự trợ giúp của phòng Nghiên cứu & Phân tích, hỗ trợ các nhà đầu tư đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý và hiệu quả.
- Phòng LB liên tục cải tiến hiệu quả hoạt động cũng như hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc tương tác trực tuyến như V-Pro, V-Web và V-Mobile; Hỗ trợ DMA và STP để đảm bảo sự nhanh chóng, tiện lợi và bảo mật thông tin.

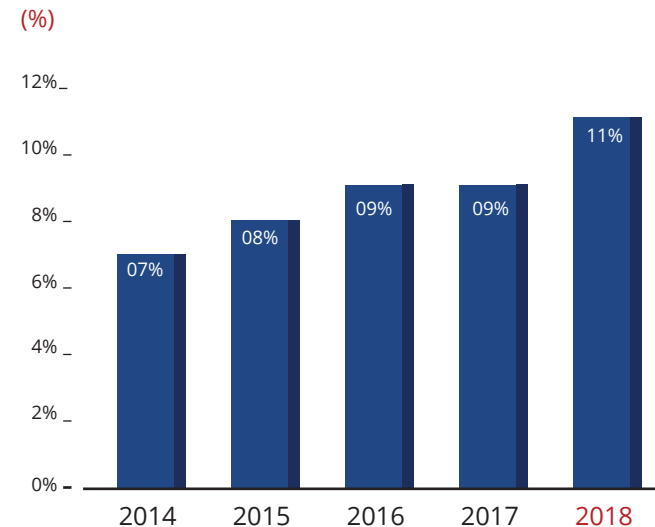
Số lượng khách hàng cá nhân của VCSC tăng dần qua các năm và là thị trường trọng tâm quan trọng vì khối lượng giao dịch của khách hàng cá nhân chiếm 84,8% tổng giao dịch toàn thị trường trong năm 2018. VCSC đạt tổng thị phần môi giới trên sàn HSX là 11,0% trong năm 2018, tiếp tục duy trì vị trí top ba công ty hàng đầu. LB chiếm 50% tổng doanh thu môi giới của VCSC trong năm 2018. VCSC nhắm tới nhóm khách hàng mục tiêu là những người có thu nhập cao và chiến lược đầu tư dài hạn, ổn định.



VCSC theo đuổi chính sách thận trọng khi mà: tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,79 lần trong năm 2018 (so với 1,12 lần trong năm 2017), thấp hơn đáng kể so với giới hạn quy định là 3 lần.

Doanh thu môi giới, bao gồm cả ISB và LB, đã tăng 104% Y-o-Y trong năm 2018.

TỔNG THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỦA VCSC TRÊN HSX (%)



Nguồn: HSX, VCSC

NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

Trong những năm qua, Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích của VCSC đã có nhiều bước tiến vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, toàn đội ngũ cùng nhau nỗ lực đưa ra các khuyến nghị chuyên sâu, hợp lý, bắt kịp xu hướng và tâm lý đầu tư vào thị trường Việt Nam.

Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích được cơ cấu thành nhiều nhóm chuyên viên phân tích, phần lớn là các nhân sự trẻ hoạt bát làm việc dưới sự dẫn dắt của một trưởng phòng dày dặn kinh nghiệm, mỗi nhóm sẽ chịu trách nhiệm cho một lĩnh vực cụ thể, điều này cho phép chuyên viên phân tích dễ dàng hiểu sâu hơn về các ngành họ đang nghiên cứu, được hướng dẫn và truyền thụ kinh nghiệm trực tiếp từ các trưởng phòng. Theo yêu cầu công việc, chuyên viên phân tích phải trình bày tất cả khuyến nghị thông qua công cụ webinar, trực tiếp gặp gỡ khách hàng tổ chức và tổ chức hội thảo cho các

chuyên viên môi giới khách hàng cá nhân nhằm mục đích truyền đạt hiệu quả các khuyến nghị của VCSC, đồng thời hiểu thêm về nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, công ty còn khuyến khích và hỗ trợ cho các chuyên viên phân tích tham gia các khóa học chuyên môn, ví dụ như CFA.



NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH



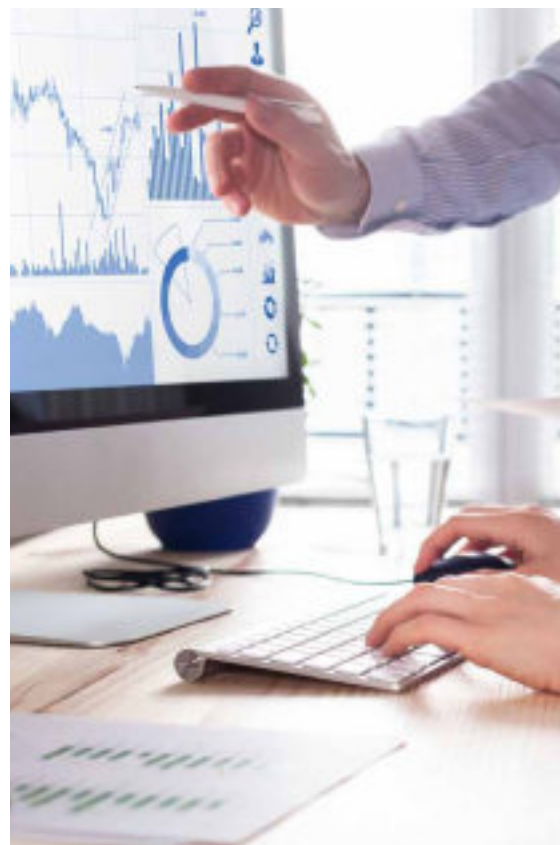
VCSC hiện đang theo dõi và khuyến nghị cho hơn 55 công ty niêm yết lớn của Việt Nam với báo cáo cập nhật chuyên sâu được công bố ít nhất mỗi quý một lần.

Trong suốt năm 2018, chúng tôi cũng đã công bố khuyến nghị cho 21 công ty quy mô vừa và nhỏ.

Đồng thời, trong năm 2018, Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích đã tiến hành hỗ trợ hướng dẫn cho nhà đầu tư bằng cách cung cấp các phân tích khách quan về mặt chuyên môn, sắp xếp tổ chức hội thảo về các đợt IPO và các giao dịch niêm yết lớn như Techcombank và PV Power. Bên cạnh đó, VCSC cũng phát hành báo cáo IPO, báo cáo niêm yết cho các giao dịch lớn tại Việt Nam do các công ty khác thực hiện.

Các sản phẩm Nghiên cứu và Phân tích của VCSC bao gồm các bài nhận định thị trường hàng ngày và hàng tháng, báo cáo chiến lược đầu tư, báo cáo ngành, báo cáo nhanh kết quả hoạt động kinh doanh, các khuyến nghị dành cho các công ty đang theo dõi, báo cáo trái phiếu tiền tệ và phân tích kinh tế vĩ mô toàn diện. Các báo cáo của chúng tôi được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt để đáp ứng tốt nhất cho khách hàng và tối đa hóa tác động của báo cáo đối với các doanh nghiệp mà chúng tôi phân tích. Các khuyến nghị của chúng tôi thường được trích dẫn trên các phương tiện truyền thông và được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các quyết định đầu tư.

Trong năm 2018, VCSC tiếp tục nâng cao chất lượng các khuyến nghị của mình với các ý tưởng có thể hành động, thực hiện bởi các chuyên viên phân tích với kiến thức chuyên ngành vững chắc để tìm kiếm các công ty có giá trị tiềm năng chưa được định giá đúng tầm sau những biến động mạnh mẽ của thị trường năm vừa qua.



ĐẦU TƯ

VCSC đầu tư vào cổ phiếu của các khách hàng mà mình tư vấn, tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.

Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp đang trên đà tăng trưởng chuẩn bị niêm yết lên sàn.

VCSC đặc biệt yêu thích đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tiêu dùng, bán lẻ, tài chính,... những ngành có thể tận dụng sức tiêu thụ của hơn 90 triệu dân số nội địa.

Là ngân hàng đầu tư dẫn đầu, VCSC có thể làm việc trực tiếp với các khách hàng tư vấn và do đó có nhiều cơ hội tham gia vào các khoản đầu tư có giá trị gia tăng.

Kết thúc năm 2018, mảng tự doanh ghi nhận doanh thu 313 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự sụt giảm này không quá ngạc nhiên, khi chỉ số VNIndex đóng năm 2018 ở 892,5 điểm, giảm 9,3% so với cuối 2017 cộng với không có khoản đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường như năm 2017.



Doanh thu 313 tỷ đồng

↓ 36%

VN-Index 892,5 điểm

↓ 9,3%

Thị trường chứng khoán VN giảm trong 2018 chủ yếu đến từ những tiêu cực bên ngoài và nền tảng thị trường chứng khoán trong nước tăng cao trong 2017. Rủi ro toàn cầu gia tăng khi căng thẳng thương mại Mỹ và Trung Quốc leo thang. Cục dự trữ liên bang liên tục tăng lãi suất, làm đồng USD tăng giá, dòng tiền rút mạnh khỏi các thị trường mới nổi. Trong khi đó, các chỉ báo kinh tế vĩ mô trong nước vẫn khá lạc quan trong 2018. Lạm phát chỉ 3,5%; GDP vẫn tăng trưởng 7,1%, mức cao nhất 11 năm qua.

📖 **Hoạt động tự doanh, VCSC không ưu tiên trading ngắn hạn, tập trung đầu tư lâu dài vào các doanh nghiệp tiềm năng, những doanh nghiệp được VCSC tư vấn kỹ lưỡng về tài chính và kinh doanh nhằm nâng cao tính hiệu quả.** 📖

Lạm phát 3,5%

GDP ↑ 7,1%

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

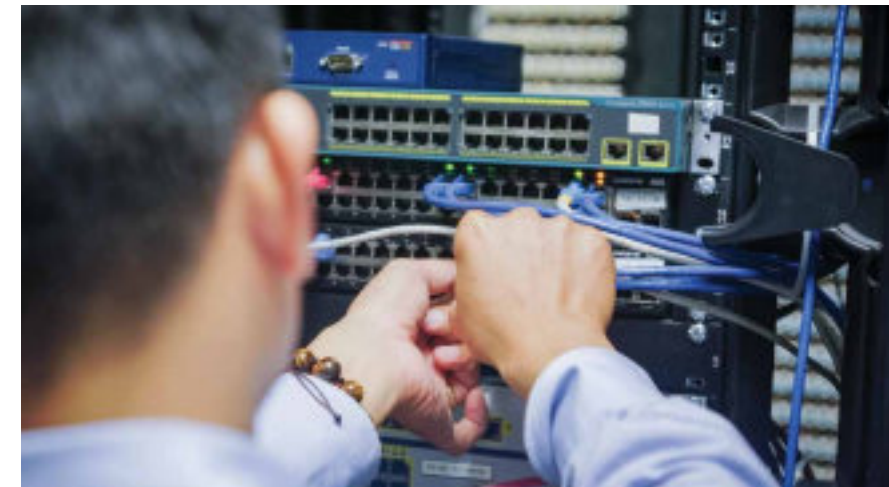
Bộ phận Công Nghệ Thông Tin (CNTT) đóng vai trò nghiên cứu, định hướng và áp dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh của công ty; triển khai, quản lý vận hành và giám sát hệ thống giao dịch; tham vấn Ban giám đốc về công nghệ khi triển khai các sản phẩm, công cụ, nghiệp vụ tài chính và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận nghiệp vụ, môi giới và nhà cung cấp giải pháp để đưa ra nhiều sản phẩm, tiện ích phục vụ nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thường xuyên phối hợp với các Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký và các Ngân hàng thanh toán tham gia kiểm thử và tiên phong triển khai các sản phẩm, công cụ tài chính mới.

Chúng tôi tập trung xây dựng hệ thống CNTT ưu tiên bảo mật, tin cậy và trải nghiệm của người dùng. Bên cạnh các tiện ích giao dịch đa nền tảng, cập nhật thông tin thị trường, giá cổ phiếu nhanh chóng, chính xác; quản lý tài khoản chi tiết, rõ ràng; nhà đầu tư cũng có thể thực hiện giao dịch trên các thiết bị công nghệ phổ biến: Smart phone, tablet iOS, Android thông qua ứng dụng Vmobile, hoặc các trình duyệt trên máy tính thông qua Vweb hoặc phần mềm giao dịch dành cho NĐT chuyên nghiệp - Vpro.



Trong những năm qua bộ phận CNTT không ngừng nâng cấp hạ tầng hệ thống và phần mềm giao dịch lõi, cải thiện đáng kể tốc độ hệ thống, độ tin cậy và tạo được sự tin tưởng cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, từng bước xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng đáp ứng các yêu cầu về bảo mật, sao lưu dữ liệu và dự phòng rủi ro về hệ thống cũng như các vấn đề về thiên tai, thảm họa.



Tổ chức training hàng năm cho nhân viên IT để cập nhật và áp dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh nhằm tăng hiệu quả công việc quản trị, giám sát và vận hành hệ thống, tạo môi trường làm việc an toàn và tiện lợi cho nhân viên và nhà đầu tư khi đến với VCSC.

Chúng tôi luôn lắng nghe ý kiến về trải nghiệm của nhà đầu tư đối với các sản phẩm, dịch vụ của VCSC để kịp thời cung cấp thông tin và hỗ trợ nhà đầu tư tốt nhất có thể.

Trong năm 2018 VCSC là một trong những công ty Chứng khoán tiên phong triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán Phái sinh phục vụ nhà đầu tư.

Kế hoạch CNTT năm 2019 VCSC sẽ nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở thể hệ mới với nhiều tính năng vượt trội đáp ứng yêu cầu đặc tả mới của HOSE, đồng thời triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (CW), Market maker cho CW, ETF.

Bên cạnh đó VCSC dự kiến xây dựng hệ thống backup giao dịch thứ 3 tại Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12 để tăng cường khả năng BCP (Business Continuous Plan).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm. Tính tới thời điểm 31/12/2018, số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Số dư khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Ngắn hạn	927.508	2.340.710	2.320.280
Vay ngắn hạn	627.508	1.434.460	984.860
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	466.500	906.250	1.335.420
Dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	927.508	2.340.710	2.320.280

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

Các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	843	688	550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.418	44.540	25.931
Thuế thu nhập cá nhân	1.201	1.911	1.129
Thuế thu nhập cá nhân thu nhập chứng khoán Công ty nộp hộ	6.103	9.006	10.147
Tổng cộng	36.564	56.145	37.757

TỔNG DƯ NỢ VAY

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/12/2018:

Số dư các khoản vay

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Nợ phải trả ngắn hạn	1.829.858	3.240.236	2.753.315
Nợ phải trả dài hạn	0	142.380	113.703
Tổng dư nợ phải trả	1.829.858	3.382.617	2.867.018

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ HIỆN NAY

A. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Phải thu của khách hàng	81.272	36.170	27.127
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	9.023	8.016	4.841
Phải thu khác	224	173	0
Trả trước cho người bán	299	3.616	319
Dự phòng các khoản phải thu	(10.758)	(19.718)	(1.798)
Tổng cộng	40.930	28.257	30.489

B. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Nợ phải trả ngắn hạn	1.829.858	3.240.236	2.753.315
Nợ phải trả dài hạn	0	142.380	113.703
Tổng cộng	1.829.858	3.382.617	2.867.018

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2016, 2017 và tại 31/12/2018

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng 31/12/2016	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng 31/12/2017	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng 31/12/2018
Tổng giá trị rủi ro thị trường	304.021	446.399	464.652
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	21.690	23.121	5.598
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	105.666	184.410	208.742
Tổng giá trị rủi ro	431.377	653.930	678.992
Vốn khả dụng	1.360.932	2.667.427	3.538.843
Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng	315%	408%	521%

Theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. VCSC luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1,68	1,96	2,34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,0%	52,8%	44,0%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	152,9%	112,0%	78,7%
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	%	32,1%	32,3%	28,2%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	37,8%	42,6%	45,2%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ¹	%	30,3%	30,5%	24,7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	12,9%	14,8%	12,7%
Lợi nhuận thuần HĐKD/ Doanh thu thuần	%	46,6%	51,5%	55,5%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	Đồng / CP	2.584	4.289	5.067

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán của VCSC đều lớn hơn 2 (1,9x năm 2017) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 112% trong năm 2017 xuống còn 79% năm 2018 cho thấy tình hình tài chính Công ty ngày càng lành mạnh, ổn định và thấp hơn so với mức giới hạn 300% áp dụng cho công ty chứng khoán. Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản giảm nhẹ từ 32% năm 2017 xuống 28% năm 2018.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi của Công ty như hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần trong năm 2018 đều tăng cao so với năm 2017 cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của VCSC. Hệ số ROE năm 2018 đạt mức 25%, mức sinh lợi cao so với các công ty trong ngành.

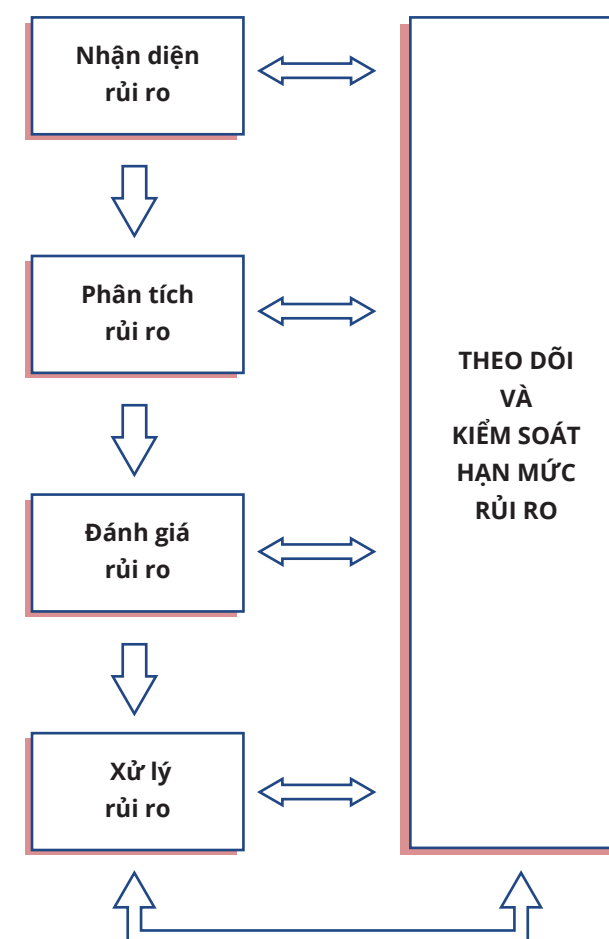
¹ ROE được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát theo Thông tư 29/2017/TT-BTC.

QUẢN TRỊ RỦI RO



📖 **Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.** 🗨️

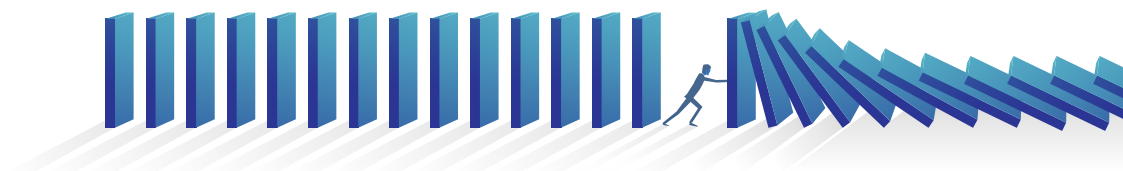
QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO ĐƯỢC KHÁI QUÁT NHƯ SAU:



Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và cam kết của Ban Điều hành.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi Trưởng phòng, nhân viên đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Công ty triển khai các hoạt động giám sát tuân thủ và quản trị rủi ro theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban Chứng khoán về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán. Công ty đã hoàn thiện chính sách và hệ quy trình quản trị rủi ro dựa trên tiêu chuẩn ISO 31000 được vận hành đồng bộ với các chiến lược của Công ty.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY ĐẢM BẢO:

Sự giám sát của Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng Quản trị thông qua;

Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;

Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám đốc;

Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.



Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.



Công ty thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.



Hướng dẫn nội bộ được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật lại các hướng dẫn nội bộ này.

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Môi trường kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty. Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên Công ty nên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao các giá trị đạo đức cũng như làm gương cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty.

Mục tiêu và các thủ tục, quy trình được thực hiện trong việc thiết lập môi trường kiểm soát nội bộ hiệu quả của Công ty bao gồm:



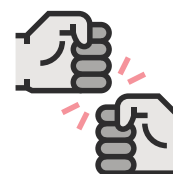
A. Bảo đảm tính trung thực, các giá trị đạo đức và hành vi trong toàn bộ Công ty:

Công ty xây dựng các chuẩn mực và quy tắc ứng xử cho nhân viên.
Toàn bộ Ban Tổng Giám đốc và nhân viên cũng như đối tác đều được đánh giá theo các chuẩn mực đạo đức.
Nhân viên mới được tham gia khóa đào tạo định hướng bắt buộc về các quy định, chuẩn mực, ứng xử trong Công ty với các chế tài thích hợp đối với các trường hợp vi phạm các chuẩn mực đạo đức.



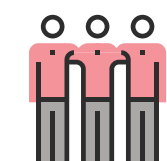
B. Đảm bảo tính độc lập và mức độ tham gia của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc:

Xác định rõ vai trò, trách nhiệm quản trị, và giám sát của Hội đồng Quản trị.
Thiết lập các chính sách và quyết định liên quan đến các cuộc họp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
Thiết lập kênh trao đổi thông tin mở và hiệu quả giữa Hội đồng Quản trị, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập nhằm báo cáo các hoạt động của Công ty kịp thời.



C. Đảm bảo cơ cấu tổ chức, phân công, phân nhiệm và ủy quyền thích hợp:

Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.
Xác định thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành.
Xây dựng và duy trì Bản mô tả Công việc cũng như đảm bảo các hợp đồng lao động được ký kết một cách phù hợp.
Xác định rõ vai trò của Kiểm toán Nội bộ.



D. Cam kết trong việc thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực:

Thiết lập các yêu cầu về năng lực, kiến thức và kỹ năng đối với toàn bộ nhân viên.
Xây dựng quy trình đánh giá năng lực và hành vi.
Gắn kết các chuẩn mực, yêu cầu và đánh giá về Năng lực và Kiến thức với các chính sách và các quyết định tuyển dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự.
Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

III - TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

PHÂN CÔNG, PHÂN NHIỆM VÀ ỦY QUYỀN

Cơ cấu tổ chức của công ty là kiểm soát tập trung với cơ chế quản lý theo chiều dọc từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc Phụ trách, Trưởng/Phó phòng.

Tổng Giám đốc Điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị. Các Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại Hội sở và Chi nhánh, Trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho Phó phòng/ban và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc Trưởng phòng/ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2019

Trong năm 2018, nhiều quy định, thông tư mới liên quan đến thị trường chứng khoán được ban hành và có hiệu lực nhằm tăng cường, hỗ trợ cho sự phát triển không ngừng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó có nhiều chính sách mới tập trung vào việc tuân thủ, kiểm soát của cơ quan chức năng đối với các cá nhân, tổ chức tham gia thị trường chứng khoán.

Ngoài ra, vào ngày 8 tháng 11 năm 2018, dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi) đã chính thức được công bố. Dự thảo luật dự kiến sẽ xử lý các thiếu sót và hạn chế sau hơn 10 năm thực hiện Luật Chứng khoán và đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ hóa với hệ thống pháp lý có liên quan, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư. Luật Chứng khoán sửa đổi đặt ra tiêu chí cao hơn cho người tham gia thị trường; khuyến khích và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin theo hướng tiếp cận thông lệ quốc tế. Dự kiến, dự án luật sửa đổi sẽ được đệ trình lên Quốc hội để xem xét và phê duyệt vào năm 2019.

Do đó, năm 2019 sẽ là một năm có nhiều thay đổi về quy định và thể chế. Vì vậy, ban điều hành của VCSC phải luôn đảm bảo cải tiến liên tục các quy trình quản lý và kiểm soát rủi ro để phù hợp với các quy định của pháp luật và phát triển thị trường.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Đạo đức nghề nghiệp
- Cơ cấu tổ chức
- Thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Ban Kiểm soát
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc
- Nhân sự chủ chốt

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG NĂM 2019

- Triển vọng kinh tế 2019
- Kế hoạch kinh doanh của VCSC 2019

ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI VCSC

Tại VCSC, chúng tôi tin rằng cách tiếp cận có trách nhiệm của chúng tôi đối với việc kinh doanh là yếu tố quyết định để xác định thành công lâu dài của mình. Do đó, chúng tôi mong muốn tất cả nhân viên và thành viên HĐQT tuân thủ các tiêu chuẩn chuyên môn và các giá trị đạo đức được nêu trong Bộ Quy tắc Ứng xử của chúng tôi, bao gồm cam kết tuân thủ tất cả các luật định, quy định và chính sách hiện hành nhằm bảo vệ uy tín của chúng tôi về tính chính trực, công bằng và đo lường rủi ro.



TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY

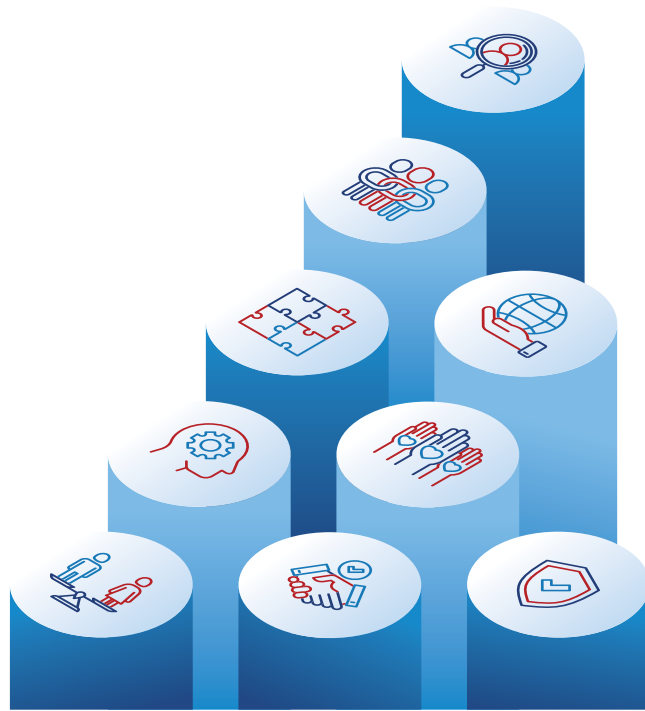
Nhiệm vụ của công ty chúng tôi là cung cấp cho các khách hàng các dịch vụ chuyên nghiệp chất lượng cao và đảm bảo luôn giữ vững sự chính trực của mình. Chúng tôi luôn cố gắng duy trì mối quan hệ tốt nhất và hoạt động kinh doanh tối ưu vì sự phát triển bền vững của các khách hàng và đối tác.

Cách tiếp cận có trách nhiệm với việc kinh doanh là yếu tố chính quyết định sự thành công lâu dài của chúng tôi. Đối với VCSC, trách nhiệm của công ty là tạo ra giá trị bền vững cho các khách hàng, cổ đông, nhân viên và những người liên quan khác. Chúng tôi cố gắng tuân thủ các giá trị đạo đức và các tiêu chuẩn chuyên môn được nêu trong Bộ Quy tắc ứng xử của công ty trong mọi khía cạnh của công việc, bao gồm trong mối quan hệ của chúng tôi với các cổ đông.

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ

Mỗi một nhân viên tuyển mới đều được chúng tôi đều truyền tải quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Chúng tôi đã và đang sử dụng Bộ quy tắc đạo đức như một quy định hướng dẫn trong việc tạo lập và duy trì sự tin nhiệm, cũng như để bảo đảm các giá trị được áp dụng trong toàn công ty. Chúng tôi nhận thức và đề cao những giá trị sau đây như những thế mạnh cốt lõi của công ty, là kim chỉ nam trong mọi hoạt động:

- Chính trực
- Trách nhiệm
- Cam kết tận tâm
- Tinh thần làm việc nhóm
- Xuất sắc trong công việc
- Trách nhiệm của VCSC
- Trách nhiệm của nhân viên
- Tuân thủ pháp luật trong VCSC
- Giao tiếp
- Mâu thuẫn lợi ích
- Cơ hội của Công ty
- Thông tin nội bộ
- Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của công ty
- Cơ hội nghề nghiệp
- Rửa tiền, Tham nhũng và Khủng bố
- Báo cáo vi phạm
- Chế tài vi phạm
- Miễn trừ và Sửa Đổi



CƠ CẤU TỔ CHỨC

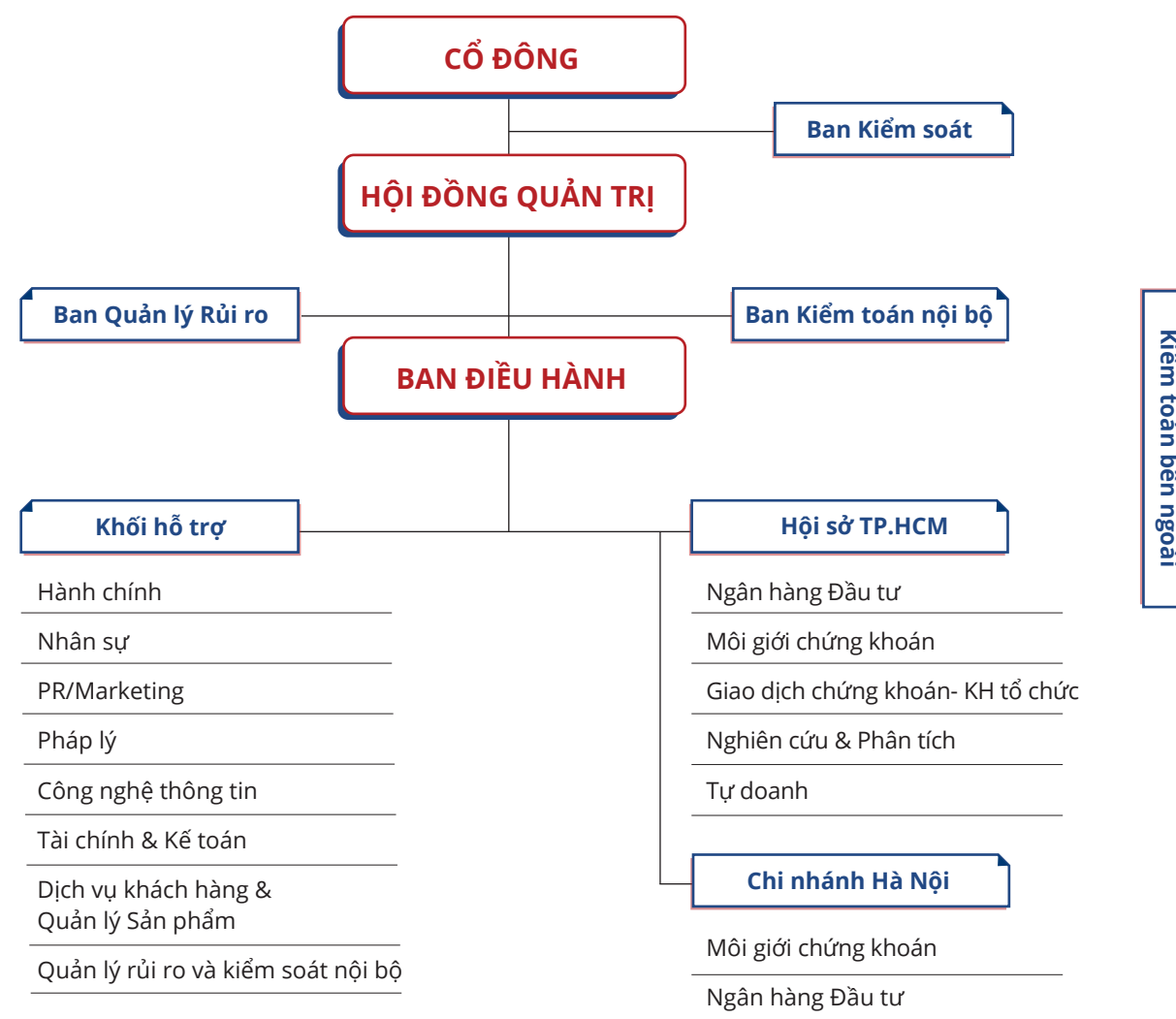
Tổ chức và hoạt động của Công ty phải dựa trên các văn pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty; và
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các cơ quan quản lý của Công ty là:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Chấp hành; và
- Các kiểm toán viên độc lập.

Các cổ đông bầu chọn các thành viên Hội đồng Quản trị và các kiểm toán viên độc lập hàng năm, và thông qua các nghị quyết yêu cầu tại ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm định hướng chiến lược tổng thể, giám sát và kiểm soát công ty và bổ nhiệm các thành viên của Ban Điều hành. Ban Điều hành chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, phát triển và thực hiện các kế hoạch kinh doanh.



Kiểm toán bên ngoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Phương là thành viên sáng lập của Công ty Chứng khoán Bản Việt (Viet Capital Securities - VCSC) và Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (Viet Capital Asset Management - VCAM). Bà đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCSC và VCAM kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Bà Phương cũng là Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bản Việt.

Bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam. Bà cũng từng giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Công ty Vietnam Holding Asset Management.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Đại học Quốc tế tại Geneva - Thụy Sĩ.

Ông TÔ HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị

Trước khi đồng sáng lập VCSC, ông Hải là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. HCM của Công ty Chứng khoán Bảo Việt. Ông Hải cũng đã từng hợp tác cùng Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á với vai trò là Giám đốc Phát triển kinh doanh.

Ông Hải có kiến thức chuyên sâu và vững chắc trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, am hiểu về thị trường chứng khoán Việt Nam. Sau nhiều năm hoạt động trên thị trường, ông Hải đã được biết đến như là một trong những chuyên gia có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành chứng khoán ra công chúng, tái cấu trúc tài chính.

Ông được cấp bằng Cử nhân Quản trị Công nghiệp của Đại học Kỹ thuật TP. HCM và bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của Đại học Sydney, Úc. Ông Hải còn được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của UBCKNN Việt Nam.

Ông HUỖNH RICHARD LÊ MINH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Minh là Phó Tổng Giám đốc VCSC từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2013.

Ông Minh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và quản trị chuyên nghiệp tại Việt Nam và Mỹ.

Trước khi gia nhập VCSC, Ông là Giám đốc Kiểm toán của Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam, chuyên tư vấn và cung cấp các dịch vụ kiểm toán tài chính và các dịch vụ tư vấn khác có liên quan cho khách hàng địa phương cũng như các tập đoàn đa quốc gia. Ông hiện là thành viên của Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (VCAMBF) từ tháng 6 năm 2014.

Ông Minh có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học Curtin phía Tây Úc (Curtin University of Western Australia) và cũng là thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (Australian CPA).

Ông NGUYỄN QUANG BẢO
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Bảo đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán.

Ông là một trong những thành viên đầu tiên của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng này sau đó được chọn làm ngân hàng thanh toán được chỉ định), đã xây dựng quá trình giao dịch và thanh toán ... làm cơ sở để thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam.

Với kinh nghiệm và khả năng của mình, ông Bảo đã tham gia định giá, xây dựng phương án cổ phần hóa, tổ chức bán đấu giá cho rất nhiều doanh nghiệp, trên nhiều địa bàn khác nhau.

Trước khi làm việc tại VCSC, ông Bảo đã từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. HCM của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng.

Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tín dụng tại Học Viện Ngân hàng và bằng Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.



Ông TRẦN QUYẾT THẮNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông NGUYỄN HOÀNG BẢO (HENRY NGUYỄN)
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Thắng hiện đang giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO). Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và quản trị.

Ông Thắng tốt nghiệp ngành Luật từ đại học Luật (Luân Đôn, Anh) và đại học Martin Luther (Đức). Ông đồng thời là sáng lập viên của Văn phòng luật sư Thắng và các đồng sự (Thắng & Associates). Ngoài ra, Ông còn là một trong những người lập nên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) và từng là Tổng Giám đốc của SSI. Ông Thắng còn giữ vị trí Chủ tịch Ủy ban Đầu tư của Quỹ Aureos (Anh) chuyên đầu tư vốn cổ phần cá nhân trên toàn cầu.

Ông Henry Nguyễn hiện đang là Tổng Giám đốc điều hành của Quỹ đầu tư IDG Ventures Vietnam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, công nghệ, truyền thông và viễn thông tại Việt Nam.

Trước khi gia nhập IDGVV, Ông từng làm việc tại Goldman Sachs, Trường Y Khoa Harvard, và Bệnh viện Northwestern Memorial. Ông cũng là đối tác nhượng quyền thương mại của chuỗi thức ăn nhanh McDonald's tại Việt Nam và là Chủ tịch của tạp chí Forbes tại Việt Nam. Ông cũng thành lập đội bóng rổ Saigon Heat, đội bóng chuyên nghiệp duy nhất của Việt Nam tham dự Giải bóng rổ Đông Nam Á (ABL), đồng thời kiêm chức Chủ tịch Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam với nhiệm kỳ 5 năm từ 2015 đến 2020. Ông hiện cũng điều hành Câu lạc bộ bóng đá Los Angeles (LAFC), là đội bóng mới nhất của Giải bóng đá nhà nghề Mỹ (MLS).

Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế Giới, là thành viên của tổ chức Asia Society. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười (Operation Smile Vietnam) và được trao giải thưởng John Connor Humanitarian bởi những đóng góp của ông cho quỹ này tại Việt Nam. Ông cũng là thành viên Hội đồng cố vấn của Trường Đại học Anh Quốc Việt Nam và Thành viên Hội đồng tín thác của trường đại học Fulbright Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Văn chương Đại học Harvard, Tiến sĩ y khoa trường Đại học Northwestern và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Kellogg School of Management - Hoa Kỳ.

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

STT	Thành viên Hội đồng	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ	Lý do vắng mặt
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch HĐQT	8	100%	
2	Ông Tô Hải	Thành viên	8	100%	
3	Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	8	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên	8	100%	
5	Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	8	100%	
6	Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên	8	100%	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy nhiệm, cụ thể là: chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiến hành hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra và giám sát các kết quả hoạt động mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt. Hội đồng Quản trị luôn hướng đến việc mang đến sự hiệu quả, ích lợi và sự tăng trưởng ổn định cho công ty.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị VCSC cũng thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát của Công ty để kiểm tra các mục tiêu sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư đã được Hội đồng Quản trị thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Giám sát việc điều hành các hoạt động của Hội đồng Quản trị để đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với các Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

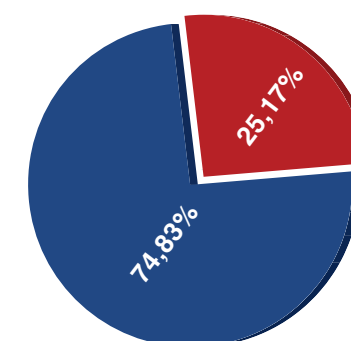
STT	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	03/2018/NQ-HĐQT.VCSC	17.01.2018	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 1 năm 2018, trị giá 500 tỷ đồng
02	05/2018/NQ-HĐQT.VCSC	14.03.2018	V/v: Mở Phòng Giao dịch Pasteur
03	06/2018/NQ-HĐQT.VCSC	22.02.2018	V/v: Chốt danh sách tham dự ĐHCĐ thường niên 2018
04	08/2018/NQ-HĐQT.VCSC	04.04.2018	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 2 năm 2018, trị giá 800.000.000.000 đồng
05	10/2018/NQ-HĐQT.VCSC	11.05.2018	V/v: Bán cổ phiếu quỹ
06	11/2018/NQ-HĐQT.VCSC	17.07.2018	V/v: triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Danh sách được mua cổ phần theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018
07	12/2018/NQ-HĐQT.VCSC	12.06.2018	V/v: Phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty
08	13/2018/NQ-HĐQT.VCSC	22.06.2018	V/v: Chi trả cổ tức
09	16/2018/NQ-HĐQT.VCSC	22.06.2018	V/v: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm
10	17/2018/NQ-HĐQT.VCSC	04.07.2018	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 3 năm 2018, trị giá 800.000.000.000 đồng

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu Cổ đông tính đến hết ngày 28/01/2019

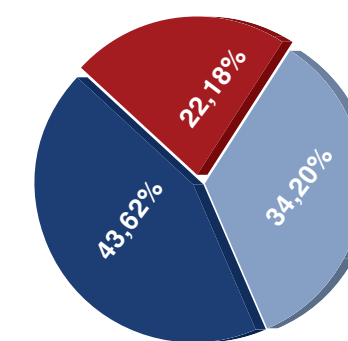
Danh mục
Tổng số vốn cổ phần
Cổ đông nội bộ
HĐQT, BGD, BKS, KTT
Cổ đông khác
Cá nhân, tổ chức
Tổng số vốn cổ phần
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%
Cổ đông sở hữu dưới 1%
Tổng số vốn cổ phần
Cổ đông nước ngoài
Cổ đông trong nước

Cổ đông		
Số lượng CP	Giá trị (10.000 VNĐ)	Tỷ lệ (%)
162.999.890	1.629.998.900.000	100,00%
41.034.228	410.342.280.000	25,17%
121.965.662	1.219.656.620.000	74,83%
162.999.890	1.629.998.900.000	100,00%
55.750.643	557.506.430.000	34,20%
71.097.931	710.979.310.000	43,62%
36.151.316	361.513.160.000	22,18%
162.999.890	1.629.998.900.000	100,00%
66.999.183	669.991.830.000	41,10%
96.000.707	960.007.070.000	58,90%



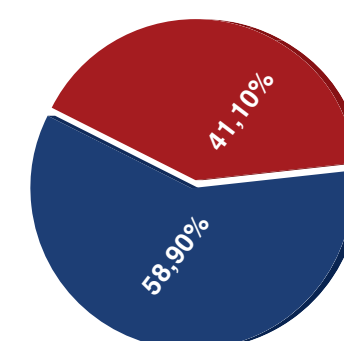
■ Cổ đông khác
■ Cổ đông nội bộ

Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo cổ phần



■ Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên
■ Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%
■ Cổ đông sở hữu dưới 1%

Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo sở hữu



■ Cổ đông trong nước
■ Cổ đông nước ngoài

Biểu đồ cơ cấu cổ đông trong nước & nước ngoài

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**DANH SÁCH CHI TIẾT CỔ ĐÔNG LỚN**

Tính đến ngày: 28/01/2019

STT	Cá nhân / Tổ chức	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu đã được lưu ký	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tô Hải	31.519.883	0	19,34%
2	Trương Ngọc Phượng *	13.667.724	13.667.724	8,39%
2,1	Amersham Industries Limited	2.098.235	2.098.235	1,29%
2,2	Wareham Group Limited	5.066.155	5.066.155	3,11%
2,3	Norges Bank	4.329.880	4.329.880	2,66%
2,4	DC Developing Markets Strategies PLC	1.101.546	1.101.546	0,68%
2,5	Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust (Equity)	5.658	5.658	0,00%
2,6	KB Vietnam Focus Balanced Fund	1.066.250	1.066.250	0,65%
3	Korea Investment Management*	10.563.036	10.563.036	6,48%
3,1	KITMC Vietnam Growth Fund	74.250	74.250	0,05%
3,2	KITMC Worldwide Vietnam Fund 2	298.647	298.647	0,18%
3,3	KITMC Worldwide Vietnam RSP Balanced Fund	2.625.692	2.625.692	1,61%
3,4	KITMC Worldwide China Vietnam Fund	273.870	273.870	0,17%
3,5	KIM Vietnam Growth Equity Fund	7.182.577	7.182.577	4,41%
3,6	KIM Vietnam Fund - Kim Vietnam Growth Fund	108.000	108.000	0,07%

* (Cá nhân/Tổ chức được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và CBTT cho nhóm nhà đầu tư NN)

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Tính đến ngày: 28/01/2019

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch HĐQT	6.750.000	4,14%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT	31.519.883	19,34%
3	Nguyễn Quang Bảo	Thành viên HĐQT	891.370	0,55%
4	Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	270.000	0,17%
5	Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên HĐQT	0	0%
Ban Tổng Giám đốc				
1	Đình Quang Hoàn	Phó TGD	1.582.975	0,97%
Ban Kiểm soát				
1	Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban BKS	0	0,00%
2	Hàn Anh Khoa	Thành viên BKS	0	0,00%
3	Đặng Ngọc Thảo Uyên	Thành viên BKS	0	0,00%
Kế toán trưởng				
1	Đoàn Minh Thiện	Kế toán trưởng	20.000	0,01%
TỔNG CỘNG			41.034.228	25,17%

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà
BÙI THỊ MINH NGUYỆT
Trưởng Ban Kiểm soát



Ông
HÀN ANH KHOA
Thành viên Ban Kiểm soát



Bà
ĐẶNG NGỌC THẢO UYÊN
Thành viên Ban Kiểm soát



Bà Nguyệt hiện đang giữ vị trí Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Phoenix Holdings Limited.

Bà Nguyệt hiện đã từng làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Bản Việt, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán của Công ty. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Kiểm toán tại các công ty hàng đầu tại Việt Nam như KPMG và Ngân hàng Bản Việt.

Bà Nguyệt tốt nghiệp tại Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán.

Ông Khoa từng là Giám đốc Tài chính của công ty chứng khoán Bản Việt từ năm 2007 đến năm 2009. Ông có hơn 16 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

Trước đó, ông Khoa là Kế toán trưởng tại VinaCapital, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán quản trị và kế toán tài chính của công ty. Ông Khoa tốt nghiệp nghiệp vụ cao cấp ngành Ngân hàng của Đại học Ngân hàng TP. HCM.

Bà Uyên hiện Phụ trách Phòng Tài chính Kế hoạch của Công ty tài chính cổ phần Tín Việt (VietCredit); bà chịu trách nhiệm xây dựng, phân bổ kế hoạch kinh doanh toàn hệ thống; kiểm soát giám sát tuân thủ việc thực hiện ngân sách; giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty và các đơn vị liên quan; quản lý tài chính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Bà Uyên tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại The University of Business and International Studies (Thụy Sĩ) và có 8 năm làm ở HDBank với vai trò Phó Phòng phụ trách Phòng Khách hàng doanh nghiệp - Hội sở chính.

THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT: KHÔNG CÓ THAY ĐỔI NÀO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và các Phòng Ban chức năng phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát cập nhật hoạt động kinh doanh và thu thập các thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát.

VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Ban Tổng Giám đốc và phòng Kế toán của Công ty lập nên. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh, và dòng ngân lưu cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.

VỀ VIỆC TUÂN THỦ PHÁP LUẬT, THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ VÀ HĐQT:

Các hoạt động của Công ty trong năm qua được đảm bảo phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật, được triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Ngoài việc mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng về tài chính, và việc giám sát thực hiện các quyết định chính sách, chủ trương và định hướng của ĐHĐCĐ, HĐQT đã được tập trung quán triệt từ HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đến từng Phòng/Ban nghiệp vụ.

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông
TÔ HẢI
Tổng Giám Đốc



Ông
ĐINH QUANG HOÀN
Phó Tổng Giám đốc



Ông
NGUYỄN QUANG BẢO
Phó Tổng Giám Đốc



Xem tại trang số 62 - 63
(Phần IV. Quản trị doanh nghiệp
- Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Hoàn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán. Trước khi gia nhập VCSC, Ông Hoàn giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tư vấn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh TP. HCM, phụ trách các lĩnh vực phát hành, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành, cổ phần hóa, tái cấu trúc hoạt động các công ty.

Trước đó, Ông Hoàn làm việc tại Công ty kiểm toán quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán, phụ trách các dự án kiểm toán, soát xét tài chính cho các tập đoàn đa quốc gia cũng như các doanh nghiệp trong nước.

Ông có bằng Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP. HCM. Ông có chứng chỉ kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài Chính và là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán viên công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).

Xem tại trang số 62 - 63
(Phần IV. Quản trị doanh nghiệp -
Thành viên Hội đồng quản trị)

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Ông
NGÔ VINH TUẤN
Giám đốc điều hành
Ngân hàng đầu tư



Bà
PHẠM THỊ THANH
Giám đốc
Ngân hàng đầu tư
- chi nhánh Hà Nội



Ông
NGUYỄN QUỐC DŨNG
Giám đốc giao dịch chứng khoán
- Khách hàng tổ chức



Ông
ALASTAIR MACDONALD,
CFA, CIPM
Giám đốc
Nghiên cứu & Phân tích



Ông Tuấn có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tư vấn tài chính. Trước khi gia nhập VCSC, ông là thành viên Hội đồng Đầu tư và Hội đồng Quản trị của Quỹ đầu tư mạo hiểm Hoa Kỳ Aden Global Capital/ Smith Management. Và từng dẫn dắt đội ngũ phân tích của Quỹ. Trước đó, ông là Giám đốc đầu tư của Quỹ Fonds Stratégique d'Investissement (FSI), Paris, Pháp.

Trước đó ông cũng từng đảm nhận các vị trí phân tích và ngân hàng đầu tư tại các tổ chức uy tín như Credit Suisse và Ngân hàng America Merrill Lynch tại Luân Đôn, Anh và Deloitte Consulting tại Paris, Pháp.

Ông Tuấn có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Wharton School, thuộc Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ và bằng cử nhân tại Ecole Supérieure de Commerce, Grenoble, Pháp.

Bà Thanh đã có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính. Trước khi gia nhập VCSC, bà đã có thời gian làm việc tại Bộ Tài chính và sau đó là Công ty CP Chứng khoán Vincom với vai trò Giám đốc Khối Tư vấn tài chính và Giao dịch trực tuyến. Bà đã tư vấn thành công nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, tái cấu trúc, huy động vốn và niêm yết doanh nghiệp điển hình tại Việt Nam. Bà Thanh cũng là một trong những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn cổ phần hoá cho các tổng công ty lớn của Nhà nước.

Bà lấy bằng Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế quốc dân và Thạc sĩ Quản lý Tài chính tại Đại học Melbourne, Úc. Bà Thanh cũng đồng thời được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thẻ thẩm định viên về giá bởi Bộ Tài chính.

Ông Dũng có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán. Ông gia nhập VCSC từ đầu tháng 11 năm 2007 và làm việc tại Bộ phận Ngân hàng Đầu tư trước khi chuyển sang bộ phận Giao dịch chứng khoán - Khách hàng tổ chức từ năm 2010.

Trước đó, ông làm việc cho Tập đoàn Gannon, một công ty Hoa Kỳ hoạt động tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và phân phối, với vai trò là Trưởng Phòng Kế toán Quản trị. Trước đó, ông Dũng làm việc trong bộ phận Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập cho Vietnam Brewery Limited (Heineken & Tiger Beer) và KPMG.

Ông Dũng Nguyễn có bằng MBA của CFVG, một chương trình được tài trợ bởi Chính phủ Pháp và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và bằng cử nhân của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp.

Ông Alastair trở thành Giám đốc Phòng Nghiên cứu & Phân tích từ năm 2018.

Trước đó, ông đã có 20 năm kinh nghiệm phân tích cổ phiếu doanh nghiệp tại thị trường Thái Lan, Singapore và Nhật Bản.

Trước đây, ông giữ chức vụ Giám đốc Nghiên cứu và phân tích tại công ty chứng khoán Kasikorn và công ty chứng khoán Macquarie tại Thái Lan và là chuyên viên phân tích cao cấp phụ trách mảng tài chính cho Macquarie tại Nhật Bản.

Trước khi tham gia thị trường Châu Á, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng tiếp thị tại Quỹ đầu tư Gartmore trụ sở ở Luân Đôn.

Ông có bằng Thạc sĩ Khoa học tự nhiên và kinh tế của trường Trinity, Cambridge.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Bà
CHÂU THIÊN TRÚC QUỲNH
Giám đốc Môi giới



Ông
LÝ ĐIỀN ANH
Giám đốc Môi giới



Ông
PHẠM THANH VŨ
Giám đốc Môi giới



Ông
ĐOÀN MINH THIỆN
Kế toán Trưởng



Bà Quỳnh hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Môi giới Trong nước và đã có 14 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ năm 2005 - 2007, Bà Quỳnh đã đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là Trưởng Phòng Môi Giới của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, một trong những công ty chứng khoán lớn nhất của Việt Nam.

Trước đó, từ năm 2001 - 2005, Bà là chuyên viên Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quá trình làm việc tại các công ty chứng khoán đem lại cho Bà những kinh nghiệm đặc biệt là khả năng đáp ứng dịch vụ cho khách hàng chuyên nghiệp cao. Bà Quỳnh đã từng tư vấn cho hàng loạt các cá nhân và tổ chức.

Bà Quỳnh đã tốt nghiệp hệ Cử nhân và hệ Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế TP. HCM, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ông Điền Anh là một trong những người tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong những ngày đầu thành lập. Bắt đầu sự nghiệp của mình từ Công ty Chứng khoán Bảo Việt vào năm 2000. Ông hiện giữ chức vụ Giám đốc Môi giới ở VCSC. Trước khi gia nhập VCSC, Ông là Giám đốc Môi giới tại Công ty Chứng khoán Đông Á.

Ông Điền Anh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Đại học Kinh tế TP. HCM.

Ông Vũ có 10 năm kinh nghiệm môi giới chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Ông hiện giữ chức vụ Giám đốc Môi giới trong nước, xây dựng phòng Môi giới năng động và tiên phong trong phát triển mô hình bán lẻ bền vững với việc tuyển dụng thực tập sinh là sinh viên từ năm 3 của các trường đại học tham gia quá trình đào tạo nghiệp vụ lẫn kỹ năng để trở thành những môi giới có nền tảng kiến thức, đạo đức tốt, có kinh nghiệm thực tiễn và tận tâm với Công ty.

Ông Vũ tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế luật và là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kỹ Thuật TP. HCM (HuTech).

Ông Thiện có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán. Trước đây, ông giữ vị trí Phó phòng tài chính kế toán của Công ty CP Dịch vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí (Petrosetco Distribution).

Ông Thiện có bằng Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết Tụ Tinh Hoa

Thành công không phải là một đích đến mà là một hành trình xây dựng và tích lũy giá trị. VCSC không ngừng nỗ lực để chinh phục những thành công trong chặng đường mới, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong ba công ty chứng khoán hoạt động hiệu quả nhất thị trường Việt Nam, từng bước vươn xa ở thị trường khu vực.



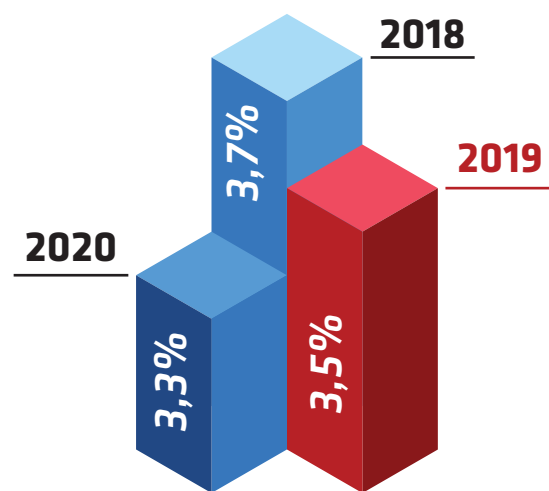
TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2019



Tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại trong năm 2019.

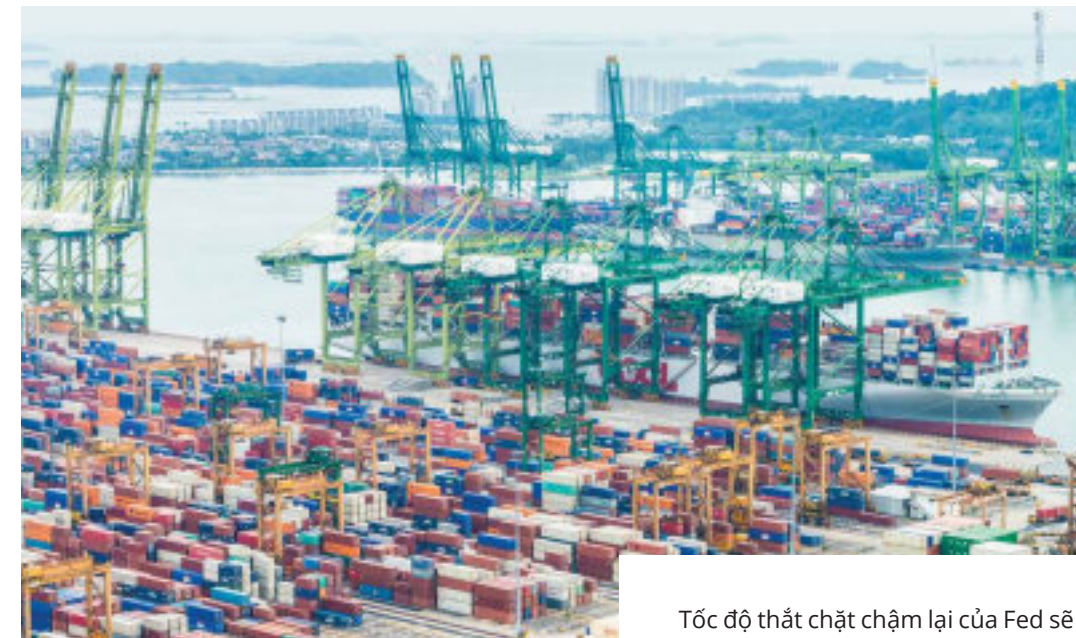
Theo tổng hợp dự báo của Bloomberg, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại từ mức 3,7% năm 2018, còn 3,5% trong năm 2019, và 3,3% vào năm 2020, dẫn dắt bởi tăng trưởng chậm lại tại Mỹ, Trung Quốc và Eurozone (3 khu vực này chiếm đến hơn 60% GDP toàn cầu trong năm 2017).

Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và triển vọng không mấy tích cực của kinh tế toàn cầu, đặc biệt là tại Mỹ và Trung Quốc, hai nền kinh tế lớn nhất thế giới và cũng là những thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, sẽ là những yếu tố đáng lo ngại cho Việt Nam.



Mức kỳ vọng
GDP 6,8%
2019

Chúng tôi nhận thấy có những yếu tố rủi ro từ tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu trong năm 2019. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn kỳ vọng đà tăng trưởng mạnh sẽ tiếp tục trong năm 2019 và tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt 6,8%.



Tốc độ thắt chặt chậm lại của Fed sẽ phần nào hạn chế sự tăng của đồng USD và lãi suất của các ngân hàng trung ương trên toàn cầu, giúp hỗ trợ sự ổn định của tỷ giá VND/USD. Trong khi đó chúng tôi kỳ vọng lạm phát bình quân ở mức 3,5% trong năm 2019 (thấp hơn mục tiêu trần 4% của Chính phủ), hỗ trợ bởi gia năng lượng và giá các loại hàng hóa cơ bản thuộc nhóm công nghiệp giảm so với năm 2018, giúp hạn chế lạm phát nhập khẩu.

Tiêu dùng trong nước sẽ vẫn duy trì tích cực, được hỗ trợ bởi lạm phát ổn định và niềm tin tiêu dùng lạc quan (xếp thứ hai toàn cầu theo khảo sát mới nhất của Nielsen). Xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng với một danh sách dài các hiệp định thương mại tự do. Thêm vào đó các nhà nhập khẩu Mỹ có thể xem xét đến các nhà sản xuất tại Việt Nam như những nguồn thay thế do thuế nhập khẩu từ Trung Quốc gia tăng. Đơn hàng trong nước và xuất khẩu khả quan sẽ đảm bảo cho tăng trưởng ngành sản xuất - động lực chính của nền kinh tế.



Bức tranh vĩ mô nổi bật của Việt Nam bao gồm chính trị và xã hội ổn định, vị trí địa lý, chi phí lao động cạnh tranh, cơ sở hạ tầng và môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện, một danh sách dài các FTA và khả năng điều hành tiền tệ của NHNN sẽ tiếp tục thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Thêm vào đó, căng thẳng thương mại Mỹ-Trung có thể sẽ giúp đẩy nhanh xu hướng dịch chuyển FDI từ Trung Quốc sang Việt Nam đang diễn ra trong những năm gần đây.

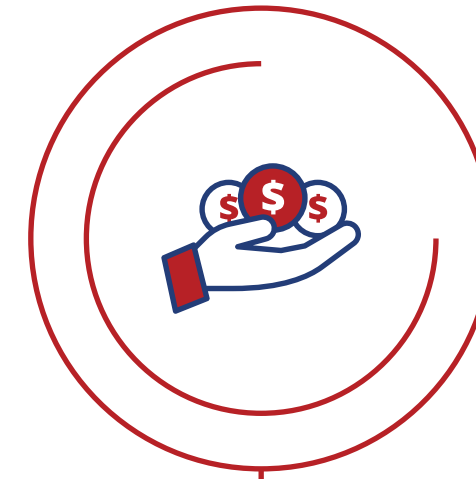
Trong bối cảnh dài hạn, chúng tôi tin rằng nền kinh tế Việt Nam hiện đang ở một thời điểm chín muồi cho tăng trưởng.

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa sẽ tiếp tục hỗ trợ đưa triển vọng tăng trưởng GDP tiến gần đến mức 7% trong năm 2019 và 2020. Nhìn vào dữ liệu lịch sử của 9 nền kinh tế Đông Á khác, hiện có GDP bình quân đầu người cao hơn Việt Nam, cho thấy các nền kinh tế này có mức trung bình tăng trưởng GDP (thực) là 7,9% trong 5 năm đầu tiên và 6,1% trong giai đoạn 5 năm tiếp theo, kể từ năm GDP bình quân đầu người của họ gần nhất với mức hiện tại của Việt Nam.

Mặc dù rõ ràng có một số khác biệt đáng kể giữa các nền kinh tế này và bối cảnh lịch sử trong các quỹ đạo phát triển, chúng tôi tin rằng có đủ sự tương đồng trong giai đoạn phát triển này để cho thấy Việt Nam có thể tiếp tục tăng trưởng GDP nhanh hơn trong nhiều năm tới.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019



ƯU TIÊN HIỆU QUẢ

Duy trì ROE ổn định từ 20-25% trong năm năm tới và giữ chỉ số EPS ổn định.

Chiến lược hạn chế các rủi ro bằng cách kiểm soát các khoản cho vay ký quỹ. Cho vay margin cẩn trọng, tăng hạn mức phù hợp với hoạt động thị trường.

Đầu tư vào các công ty có nhiều triển vọng.



QUẢN LÝ BẰNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP LÝ

Hạn chế hoạt động giao dịch tự doanh cổ phiếu niêm yết ở mức dưới 1% khối lượng giao dịch của công ty.

Hệ số an toàn tài chính (CAR) được tiếp tục duy trì.

Xã hội

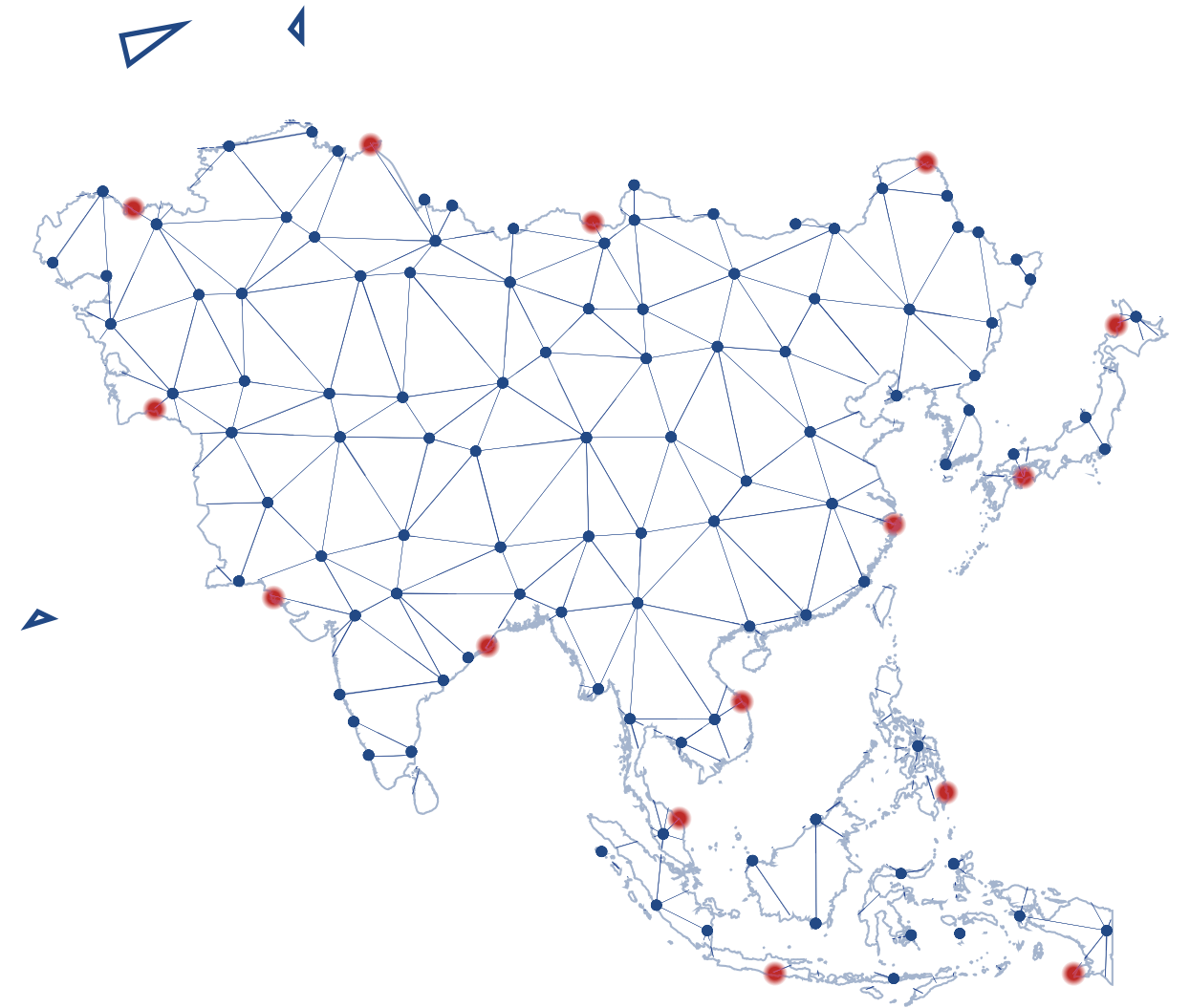
Trách Nhiệm

Cộng đồng

CSR

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



“ Tầm nhìn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) là trở thành một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. ”

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG




A. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Chúng tôi hiểu rằng, sự phát triển bền vững của công ty phải dựa trên tính chính trực và chuyên nghiệp của tất cả các thành viên, bao gồm cả lãnh đạo và toàn thể nhân viên trong công ty.

Để đạt được thành công trong kinh doanh, chúng tôi dựa vào sự tin nhiệm và tin cậy của các đối tác liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các khách hàng, cổ đông và nhân viên của công ty.






Sứ mệnh của Công ty Chứng khoán Bản Việt là cung cấp cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng cao nhất với một phong cách chuyên nghiệp và đảm bảo tính chính trực. Chúng tôi luôn phấn đấu duy trì mối quan hệ tốt nhất và hoạt động kinh doanh vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.

	<p>TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TRONG DOANH NGHIỆP</p> <ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng ổn định Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động Chăm lo đời sống cho người lao động Phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động
	<p>TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI XÃ HỘI</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước Chiến lược "đầu tư xanh" Bảo vệ môi trường Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng
	<p>TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI THỊ TRƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> Duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định cho cổ đông Cung cấp những sản phẩm/ dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách hàng Kết nối vốn và cơ hội đầu tư Tham gia xây dựng đóng góp phát triển thị trường, là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế Hỗ trợ doanh nghiệp có nhu cầu về những tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính.



B. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

<p>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của công ty liên quan đến phát triển bền vững. Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động</p>
<p>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN TRỊ</p>	<p>Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững của VCSC Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn công ty Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.</p>
<p>CÁC KHỐI VÀ BỘ PHẬN CHỨC NĂNG</p>	<p>Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát sinh bền vững theo định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành</p>
<p>NHÂN VIÊN</p>	<p>Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của VCSC</p>

C. NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

<p>ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG</p>	<p> Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang đến cho khách hàng những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả về mặt giá cả và chất lượng;</p>
<p>ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN</p>	<p> Mang đến cho nhân viên môi trường làm việc rộng mở, nhiều thách thức với mức thù lao cạnh tranh, tạo ra cơ hội công bằng để mọi thành viên có điều kiện phát triển sự nghiệp, phát triển năng lực bản thân;</p>
<p>ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG</p>	<p> Bảo đảm các khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội, bền vững;</p>
<p>ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC</p>	<p> Tìm kiếm mối quan hệ song phương cùng có lợi đối với các đối tác. Luôn tuân thủ quy tắc đạo đức hướng tới mối quan hệ bền vững với các đối tác;</p>
<p>ĐỐI VỚI XÃ HỘI</p>	<p> Hoạt động kinh doanh như một thành viên có trách nhiệm trong xã hội nói chung cũng như trong cộng đồng mà công ty đang hoạt động. Thực hiện các cam kết trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.</p>

D. MỤC TIÊU CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VCSC

 VCSC đã đầu tư thực hiện nhiều sáng kiến khác nhau để thúc đẩy các cơ hội tăng trưởng và phát triển bền vững trong công ty, thị trường chứng khoán và xã hội ở Việt Nam. 

Thông qua hoạt động này,

VCSC đã có những đóng góp đáng kể về các phương diện sau:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.
- Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành tài chính chứng khoán.
- Huy động vốn cho nền kinh tế Việt Nam.
- Hỗ trợ tăng trưởng của các mảng kinh doanh thông qua việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh.
- Thúc đẩy các cơ hội phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ.
- Hỗ trợ cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.



TỔNG QUAN BÁO CÁO

A. NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2018 thể hiện định hướng phát triển bền vững cũng như nhìn lại một năm hoạt động tích cực và hiệu quả của VCSC, rà soát những hạn chế cần khắc phục và hoạch định các hoạt động trong tương lai.

Đây là năm đầu tiên VCSC thực hiện báo cáo theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Các vấn đề báo cáo được chi tiết hóa và có hệ thống theo tiêu chuẩn công bố thông tin G4. VCSC lựa chọn nguyên tắc Phù hợp - Cốt lõi cho báo cáo năm 2018, tập trung vào các lĩnh vực: Hiệu quả hoạt động kinh tế, Việc làm, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin nhân sản phẩm và dịch vụ, Cộng đồng địa phương.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm Báo cáo Phát triển Bền vững - Công ty Chứng khoán VCSC, bao gồm các thành viên đến từ Phòng Truyền Thông, Phòng Kế toán, Phòng Nhân sự và Thư ký HĐQT, là những bộ phận chịu trách nhiệm về phần lớn các số liệu, thông tin liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

B. PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững VCSC năm 2018 được xem như một tài liệu bổ sung, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2018, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của VCSC trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm Trụ sở chính và tất cả các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VCSC trên cả nước.

Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của VCSC, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy trình về kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

C. LIÊN HỆ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững VCSC, vui lòng liên hệ:

Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt

Email: info@vcsc.com.vn

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ỨNG XỬ CỦA VCSC ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VCSC xác định mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty, bao gồm Nhân viên, Cổ đông, Khách hàng/ Nhà đầu tư, Cộng đồng địa phương. Để đảm bảo phát triển hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, VCSC thường xuyên tương tác, gắn kết với các bên liên quan thông qua các hoạt động:



KHÁCH HÀNG/ NHÀ ĐẦU TƯ

- Hội thảo
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp
- Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, Trung tâm chăm sóc khách hàng cá nhân và Phòng Dịch vụ
- Hỗ trợ khách hàng qua website VCSC
- Email gửi khách hàng
- Hộp thư góp ý đặt tại các Phòng giao dịch



CỔ ĐÔNG

- Đại hội cổ đông thường niên
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Các buổi thuyết trình cho nhà đầu tư về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty
- Hỏi đáp qua website VCSC
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư



NHÂN VIÊN

- Họp tổng kết hàng quý, tổng kết năm
- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp với Ban Giám Đốc, Sinh nhật nhân viên trong tháng, ...
- Thông tin, trao đổi qua điện thoại, email nội bộ
- Chương trình teambuilding, gắn kết đội ngũ
- Các hoạt động giao lưu được tổ chức hàng quý hoặc các sự kiện ngày gia đình, thiếu nhi...



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Hỗ trợ các hoạt động của giới trẻ qua các tổ chức thanh niên, sinh viên các trường đại học
- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn
- Tham gia các hoạt động môi trường và cộng đồng

XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

01



Xem xét bối cảnh nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính nói riêng, cùng chiến lược phát triển bền vững dài hạn và các mục tiêu, nguyên tắc phát triển bền vững của VCSC.

02



Xác định các bên liên quan & các vấn đề được quan tâm, phân tích mức độ quan tâm và đánh giá của các bên liên quan đối với các vấn đề này.

03



Xác định các lĩnh vực trọng yếu đối với VCSC, trong mối quan hệ giữa tầm quan trọng đối với hoạt động của Công ty và mức độ liên quan tới các bên.

04



Tham vấn Ban lãnh đạo Công ty cùng các bên liên quan ưu tiên nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và trung thực của các lĩnh vực này.

05



Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu để báo cáo.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

A. TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG VỀ MẶT KINH TẾ

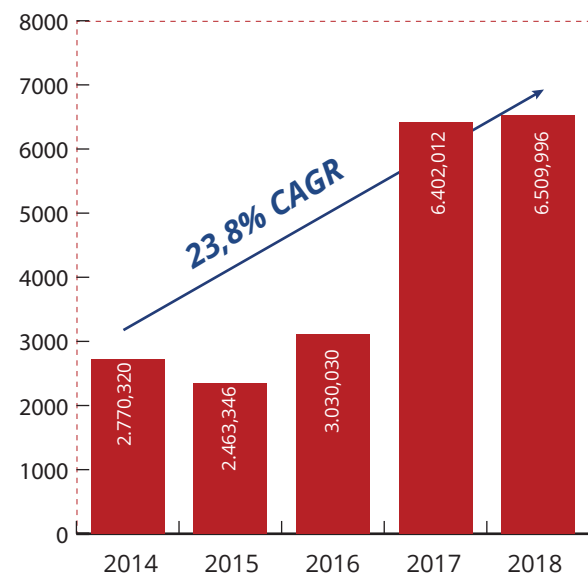
KINH DOANH HIỆU QUẢ

Công ty chúng tôi đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) doanh thu trong giai đoạn 2014 - 2018 là 31% và CAGR lợi nhuận ròng là 54% trong cùng giai đoạn, trong khi tỷ lệ ROE vẫn luôn duy trì ở mức trên 24% kể từ năm 2014. Chúng tôi tự hào là nơi cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư số một trong cả nước và là một trong ba công ty môi giới chứng khoán lớn nhất tính theo thị phần trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

TỔNG DOANH THU
1.800
tỷ đồng

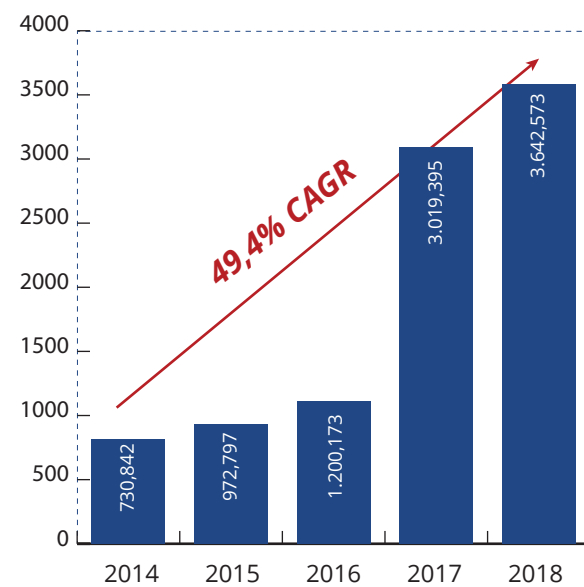
VCSC đã hoàn thành năm 2018 với tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 1.800 tỷ đồng (tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước) và lợi nhuận ròng đạt 823 tỷ đồng (tăng 25,6% so với cùng kỳ năm ngoái). Bộ phận môi giới của chúng tôi đã duy trì vị trí top 3 trên thị trường với 11,0% thị phần tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (tăng từ mức 8,5% trong năm 2017) và giữ vị trí top 2 công ty chứng khoán có doanh thu phí môi giới đạt 1.000 tỷ VNĐ năm 2018 (tăng 104% so với cùng kỳ năm ngoái).

TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



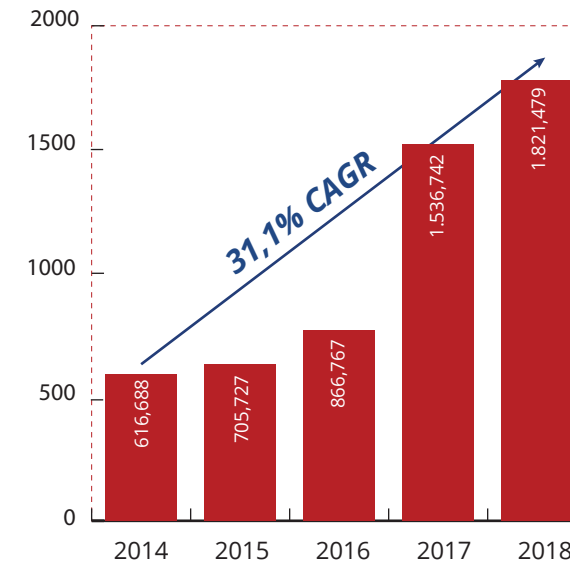
Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG VỐN CSH (tỷ đồng)



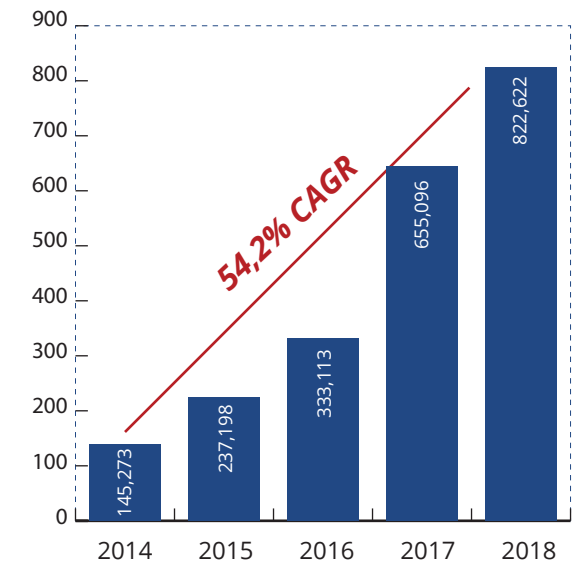
Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG (tỷ đồng)



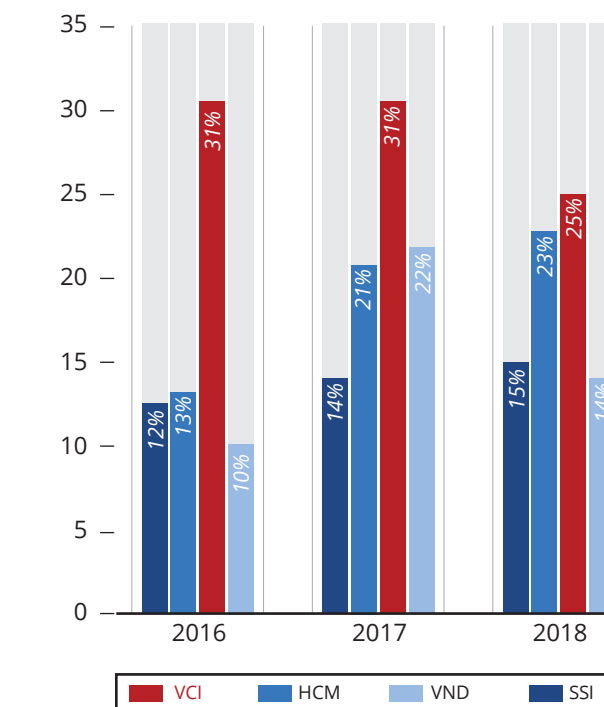
Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP RÒNG (tỷ đồng)



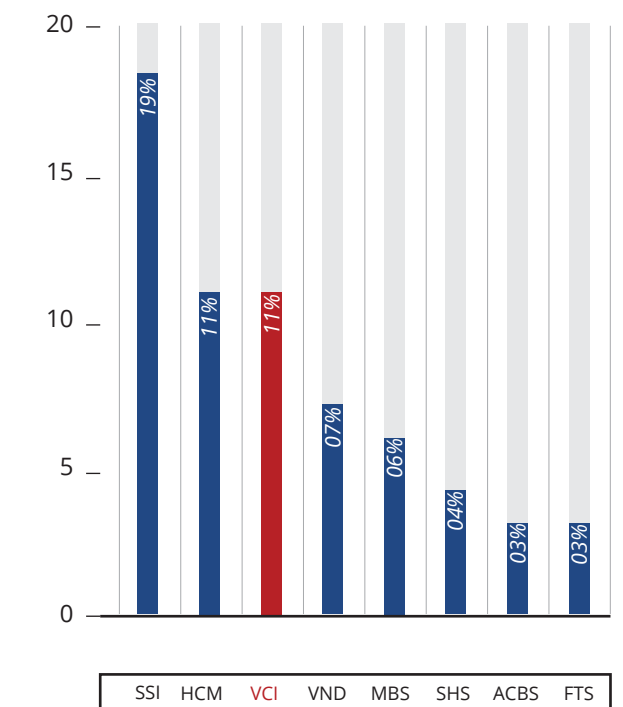
Nguồn: VCSC

SO SÁNH ROAE CỦA TOP 4 CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HÀNG ĐẦU (%)



Nguồn: VCSC

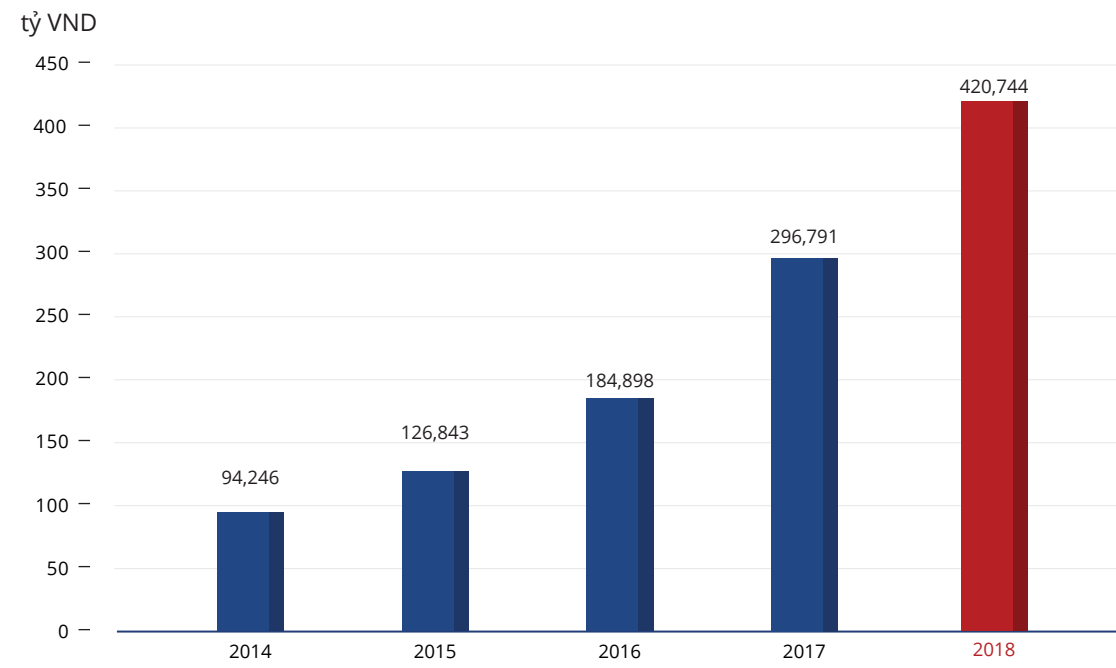
TỔNG THỊ PHẦN TRÊN SÀN HSX (FY2018) (%)



Nguồn: VCSC

ĐÓNG GÓP CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng tăng dần qua các năm. Từ năm 2009 đến nay, mặc dù nền kinh tế toàn cầu rơi vào khủng hoảng, kinh tế Việt Nam đặc biệt là Thị trường Chứng khoán bị ảnh hưởng nghiêm trọng, cùng với chiến lược và quản lý của mình, VCSC vẫn tiếp tục quản lý tốt nguồn vốn của Công ty và các Nhà đầu tư, bảo đảm an toàn và sinh lãi cao, đóng góp đều đặn cho ngân sách Nhà nước.



Mức thuế VCSC đóng góp cho Ngân hàng nhà nước

THÀNH CÔNG TRONG VIỆC KẾT NỐI VỐN VỚI CƠ HỘI ĐẦU TƯ



Tổ chức thành công Hội thảo Vietnam Access Day thường niên thu hút hơn 400 khách mời và diễn giả, cả trong và ngoài nước cùng tham gia sự kiện này. Các diễn giả tham gia báo cáo và thảo luận tại hội nghị là các chuyên gia hàng đầu làm việc cho các định chế tài chính lớn, các tổ chức uy tín.



Thông qua Vietnam Access Day, bức tranh toàn cảnh lạc quan về kinh tế Việt Nam, cùng với góc nhìn chuyên sâu trong từng lĩnh vực được mô tả rõ, giúp các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá chính xác môi trường đầu tư, các cơ hội trên thị trường cũng như kết nối vốn và cơ hội đầu tư.

Hội thảo cũng là cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài gặp gỡ trao đổi và kết nối quan hệ với nhiều các công ty hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực hàng tiêu dùng, ngân hàng tài chính, công nghệ thông tin, bất động sản...

CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC THAM GIA XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Ý thức được trách nhiệm, vai trò cần thiết và quan trọng đối với các nhà đầu tư, các nhà phát hành đối với các quan quản lý thị trường và đối với thị trường chứng khoán nói chung trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của thị trường chứng khoán nói riêng, ngoài việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước về chứng khoán và các quy định khác có liên quan, VCSC luôn nỗ lực đóng góp ý kiến để xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về TTCK, nâng cao tính thực tiễn, đồng thời tích cực tham gia xây dựng một thị trường chứng khoán minh bạch, phát triển và an toàn.

Trong những năm qua bộ phận CNTT không ngừng nâng cấp hạ tầng hệ thống và phần mềm giao dịch lõi, cải thiện đáng kể tốc độ hệ thống, độ tin cậy và tạo được sự tin tưởng cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, từng bước xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng đáp ứng các yêu cầu về bảo mật, sao lưu dữ liệu và dự phòng rủi ro về hệ thống cũng như các vấn đề về thiên tai, thảm họa.

Trong năm 2018, VCSC là một trong những công ty Chứng khoán tiên phong triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán Phái sinh phục vụ nhà đầu tư.



QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ AN TOÀN, MINH BẠCH

VCSC vẫn luôn kiên định với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, tuân thủ luật pháp để không chỉ kinh doanh có lãi mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không bị thất thoát tài sản.

VCSC không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng quản lý tài sản do khách hàng ủy thác. Quy trình đầu tư, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được vận hành bài bản và chuyên nghiệp. Với phương châm phát triển bền vững, VCSC luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng giá trị tài sản lâu dài cho Nhà đầu tư.

B. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỔ ĐÔNG

Ở bất kỳ một thị trường chứng khoán nào, bảo vệ nhà đầu tư luôn được xác định là một trong những mục tiêu quan trọng và cơ bản nhất để duy trì sự ổn định, công bằng và bền vững. Sẽ không có một thị trường chứng khoán “mạnh khỏe” nếu như quyền và lợi ích hợp pháp của những nhà đầu tư - những người kiến tạo nên thị trường không được đảm bảo.



Tại VCSC, chúng tôi tôn trọng tuyệt đối các chính sách bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng tối đa giữa các cổ đông.

Tính đến ngày 28/01/2019, VCSC có hơn 1000 cổ đông, trong đó hơn 100 cổ đông là tổ chức, hơn 900 cổ đông cá nhân.

Những quyền cơ bản của cổ đông như quyền Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông ...; Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty; Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác..., quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của công ty..., được quy định rõ theo luật pháp và theo Điều lệ của Công ty được thực hiện nghiêm túc, rõ ràng. Việc đối xử bình đẳng với mọi cổ đông, không có ưu đãi đặc biệt cho bất kỳ đối tượng nào cũng được đảm bảo, các quyết định do HĐQT đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết công khai.

Ngoài ra, song hành cùng sự phát triển của Công nghệ, chúng tôi cũng kịp thời và liên tục đa dạng hoá các kênh thông tin, truyền thông qua: hệ thống website, email, tích cực đẩy mạnh phát triển các ứng dụng giao dịch bảo mật và tiện lợi nhất Việt Nam trên nền tảng kỹ thuật số như: Desktop application; Web application, Mobile application ... Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các Cổ đông và nhà đầu tư nắm bắt thông tin, thực hiện giao dịch kịp thời, nhanh chóng và chính xác.

Thực hiện việc công bố thông tin bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trên hệ thống website, nhằm đảm bảo sự tiếp thu thông tin đầy đủ cho cả những Nhà đầu tư nước ngoài, góp phần nâng hạng cho thị trường chứng khoán.

VCSC duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định theo hướng cân bằng về lợi ích và lợi nhuận qua các năm; đáp ứng nhu cầu đầu tư sinh lời từ nguồn vốn của Cổ đông và duy trì nguồn vốn để tích lũy cho sự phát triển của Công ty theo hướng bền vững.

Năm 2018, công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền với tỉ lệ như sau:

Tổng số CP hiện tại

Đợt 1 (Tạm ứng Cổ tức 2018)
162.999.890 CP

Tổng số tiền cổ tức

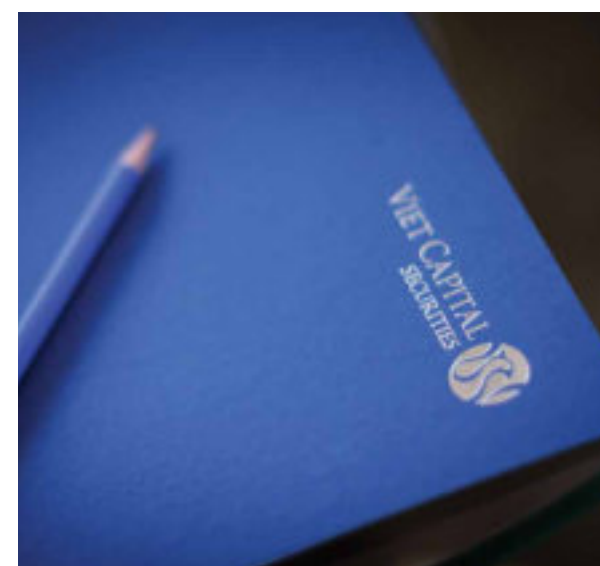
Đợt 1 (Tạm ứng Cổ tức 2018)
114.099.916.700 VNĐ

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

VCSC xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất với một bộ quy trình quản trị rủi ro.

Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

Hệ thống quản trị rủi ro của công ty đảm bảo:



Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát;

Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;

Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của BOM;

Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn công ty, mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng Phòng/ Ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.

Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, VCSC tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống.

Hàng năm, VCSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty. Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Chính sách quản trị rủi ro được xây dựng và trình bày một cách rõ ràng, cụ thể, chi tiết các quy trình quản trị rủi ro cho từng hoạt động của công ty nhằm đảm bảo mọi nhân viên và bộ phận trong Công ty được tiếp cận, nắm vững và hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng/ ban mình cũng như trách nhiệm của bản thân trong công tác quản trị rủi ro của Công ty.

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

VCSC đã đồng hành cùng với khách hàng trong hơn 10 năm phát triển và tồn tại của thị trường chứng khoán Việt Nam. Đối với VCSC, hoạt động quản trị doanh nghiệp luôn được coi trọng hàng đầu, nhằm đảm bảo công ty phát triển bền vững, thích nghi với những biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng và nền kinh tế nói chung. Hoạt động quản trị doanh nghiệp của VCSC được xây dựng và hoàn thiện dựa trên những quy chế, quy định của Pháp luật và văn hóa riêng của công ty.

Công tác quản trị doanh nghiệp tập trung vào các hoạt động kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro được thực hiện hàng ngày bởi phòng Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ. Mọi vi phạm và những rủi ro liên quan đến hoạt động của công ty đều được báo cáo kịp thời, nhanh chóng đến Ban lãnh đạo.

Hệ thống kiểm soát tuân thủ của Công ty bao gồm các quy tắc, quy trình và quy chế chuẩn mực, làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ cho mọi hoạt động của công ty. VCSC xây dựng các chuẩn mực Đạo đức, ứng xử và các chế tài vi phạm được áp dụng cho toàn bộ nhân viên. Vì vậy, nhân viên trước khi gia nhập, làm việc tại công ty đều được tiếp cận các chuẩn mực đạo đức thông qua các chương trình đào tạo nội bộ của Công ty.

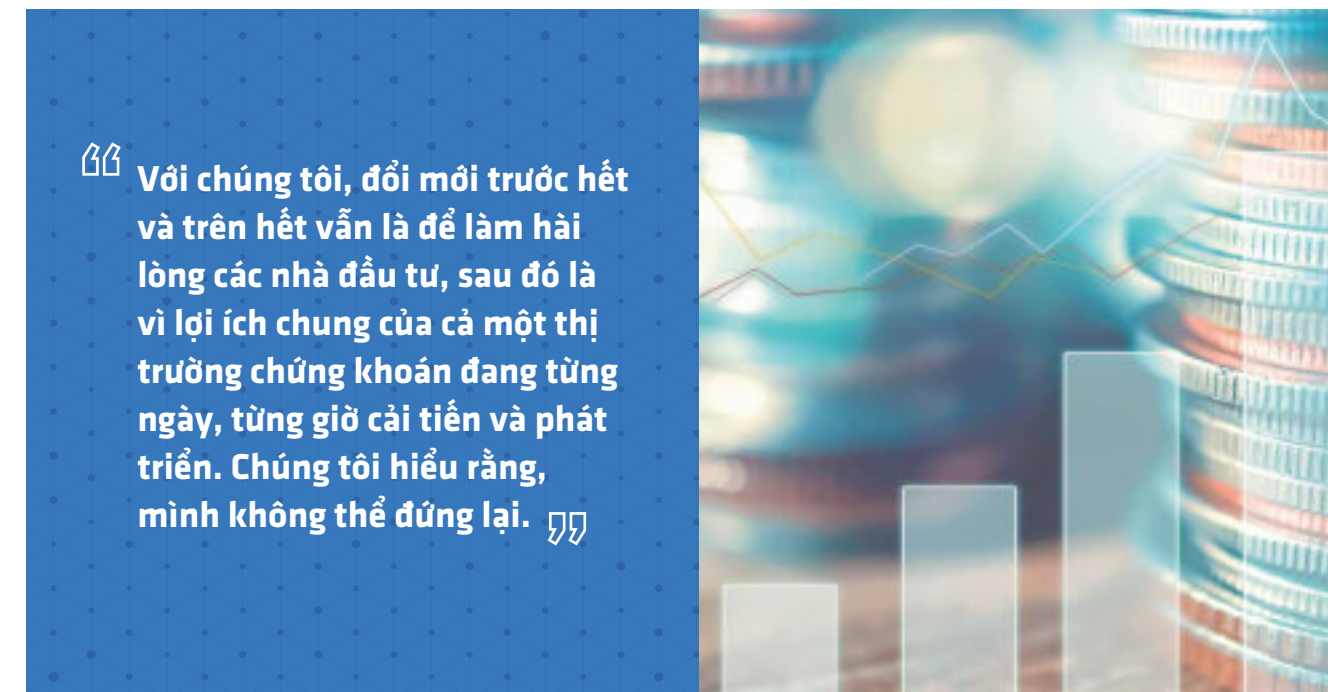
Cơ cấu tổ chức của Công ty được định hướng tách bạch theo chức năng, giảm thiểu xung đột lợi ích trong hoạt động kinh doanh và được phân thành 3 cấp:



Cơ cấu tổ chức của Công ty là kiểm soát tập trung, cơ chế quản lý theo chiều dọc từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc phụ trách, trưởng/phó phòng.

Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị. Các Phó Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại Hội sở và Chi nhánh, Giám đốc bộ phận/Trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho Phó giám đốc/phó phòng và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc Trưởng phòng ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.

C. HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG**KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI, CẢI TIẾN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HIỆN TẠI**

Với chúng tôi, đổi mới trước hết và trên hết vẫn là để làm hài lòng các nhà đầu tư, sau đó là vì lợi ích chung của cả một thị trường chứng khoán đang từng ngày, từng giờ cải tiến và phát triển. Chúng tôi hiểu rằng, mình không thể đứng lại.

Việc cải tiến thường xuyên các quy cách hướng dẫn, các ứng dụng giao dịch, hay chỉ đơn giản là cách thức giao tiếp tận tâm đối với các nhà đầu tư cũng giúp sản phẩm/ dịch vụ của VCSC tốt hơn, tạo được niềm tin, uy tín và sự an tâm cho các nhà đầu tư. Chúng tôi tin rằng, khi tạo ra được những điều có ý nghĩa thiết thực cho khách hàng thì chúng tôi sẽ phát triển. VCSC cải tiến bằng việc đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, không ngừng thiết kế những ứng dụng kỹ thuật số để phục vụ tối đa cho nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin, thực hiện giao dịch nhanh chóng của các nhà đầu tư.

Không chỉ tư vấn và hỗ trợ khách hàng trực tiếp thông qua đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản, VCSC còn duy trì và phát triển các kênh thông tin, ứng dụng hỗ trợ khách hàng đa dạng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến như VPro, VWeb cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.
- Các dịch vụ giao dịch trên thiết bị di động như VM-Trade: phần mềm hỗ trợ thiết bị di động chạy trên nền iOS và Android với những tính năng đáp ứng nhu cầu giao dịch cần thiết nhất.

Sản phẩm giao dịch trực tuyến hoạt động nhanh gọn, hướng dẫn quy trình, hướng dẫn giao dịch đầy đủ rõ ràng, nhân viên sẵn sàng tư vấn và phục vụ.

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

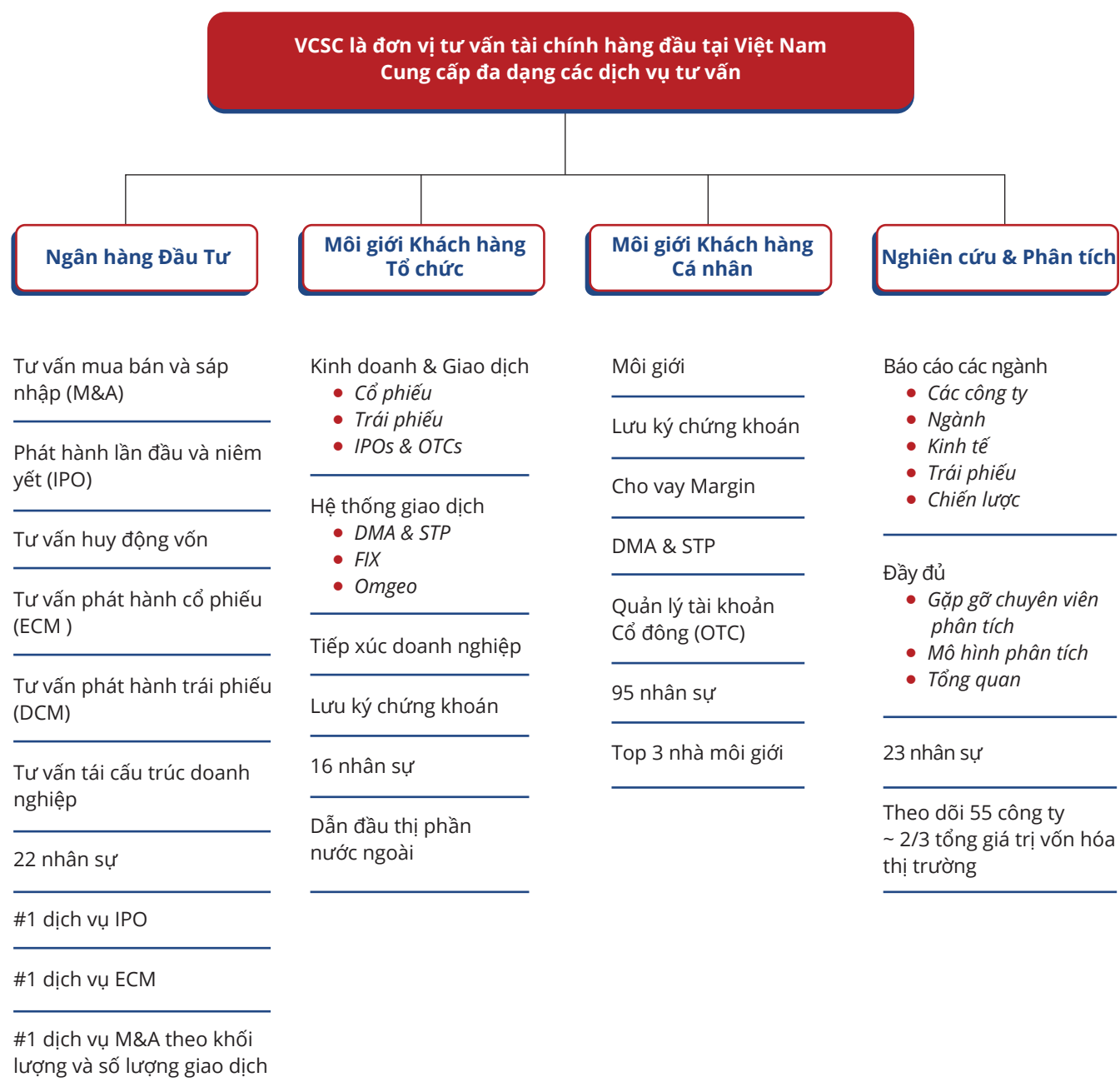
Sự kiện được mong chờ và đánh dấu mốc quan trọng trong TTCK Việt Nam trong năm qua chính là việc TTCK Phái Sinh được đưa vào vận hành song song cùng TTCK cơ sở từ tháng 8/2017. Sản phẩm mới này là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển và tồn tại của VCSC nói riêng cũng như của TTCK nói chung.

Việc phát triển sản phẩm mới được VCSC triển khai theo chủ trương và định hướng của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Chúng tôi chủ động cập nhật kiến thức cho Ban Lãnh đạo cũng như những nhân sự chủ chốt và toàn thể nhân viên thông qua việc đầu tư tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu, hội thảo về sản phẩm Chứng Khoán Phái Sinh. VCSC sẵn sàng đầu tư để dẫn đầu xu hướng phát triển, không sợ khó khăn thử thách. Và thực tế là từ đầu tháng 8/2017 đến nay, các giao dịch Chứng khoán phái sinh tại VCSC đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Ngoài ra, sản phẩm chứng quyền có đảm bảo cũng đang được VCSC triển khai.

CUNG CẤP ĐA DẠNG CÁC DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP CHO KHÁCH HÀNG

VCSC cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính cho các khách hàng cá nhân, tổ chức và khách hàng là các doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, toàn diện, dựa trên những nghiên cứu có cơ sở đáng tin cậy. Tại VCSC, chúng tôi đặt ra các tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia của VCSC.



D. GẮN KẾT ĐỘI NGŨ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

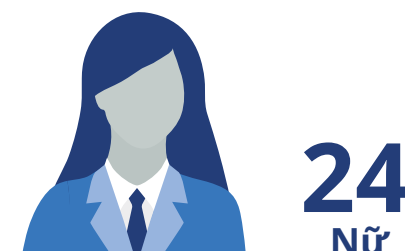
CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG

Chúng tôi luôn xây dựng và đầu tư chặt chẽ mỗi một kế hoạch tuyển dụng, chọn lựa nhân sự.

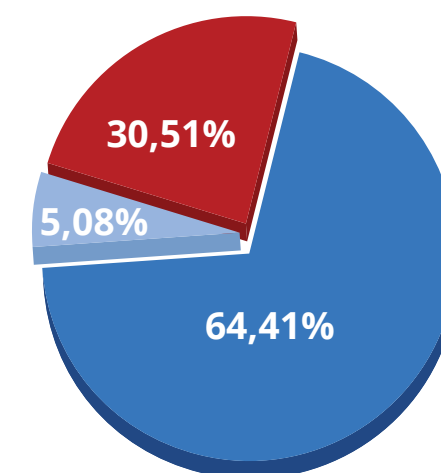
Mỗi một kế hoạch tuyển dụng đều được chúng tôi đầu tư chặt chẽ và hợp lý nhằm chọn ra những ứng viên xuất sắc, nhiệt huyết, có nền tảng kiến thức cũng như chuyên môn phù hợp, nhằm hỗ trợ các chiến lược kinh doanh của Công ty đi đến thành công. Chúng tôi cũng không ngừng tìm kiếm các giải pháp nuôi dưỡng và phát triển những nhân tài trẻ. Hàng năm, VCSC vẫn duy trì tổ chức các buổi hội thảo định hướng nghề nghiệp và chiêu sinh tại các trường Đại học hàng đầu Việt Nam như Đại học Ngoại thương, RMIT, v.v... Các nhân tài trẻ được tạo cơ hội làm việc theo chương trình thực tập sinh, trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp và chứng tỏ năng lực để trở thành nhân viên chính thức.

Số lượng nhân sự tuyển dụng mới 2018:

59 nhân viên



Thống kê độ tuổi nhân sự mới tuyển dụng năm 2018:



■ dưới 30 ■ 30 - 40 ■ 40-50

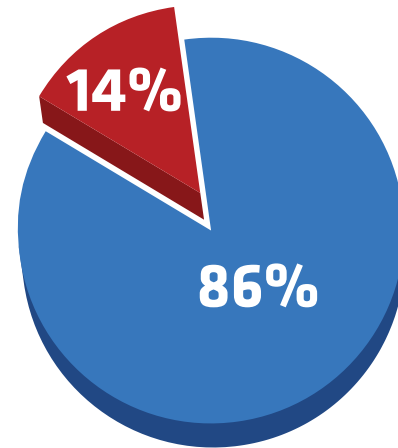
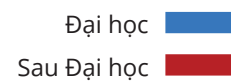
Trong năm 2018, VCSC đã tuyển chọn 75 thực tập sinh thực tập tại các bộ phận Ngân hàng đầu tư, Nghiên cứu & phân tích và Bộ phận Môi giới; trong đó đã có 7 thực tập sinh được VCSC tuyển dụng làm việc chính thức cho Bộ phận Nghiên cứu & phân tích, Dịch vụ khách hàng, Giao dịch chứng khoán - Khách hàng tổ chức và Bộ phận Môi giới; 15 thực tập sinh đang là những Cộng tác viên tiềm năng cho Bộ phận Môi giới và được VCSC tạo cơ hội để trở thành những Chuyên viên Môi giới chính thức của VCSC trong tương lai.

ĐẢM BẢO THU NHẬP VÀ LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

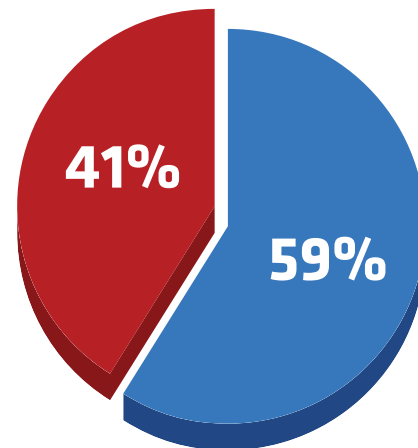
Trong hoạt động của doanh nghiệp, chúng tôi cố gắng duy trì các tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức kinh doanh và hoạt động kinh doanh với sự tôn trọng con người và quyền lao động. Chúng tôi nỗ lực làm tất cả có thể để thúc đẩy và đem đến sự hài lòng cũng như bảo đảm sự an toàn của nhân viên.

Cơ cấu nhân sự

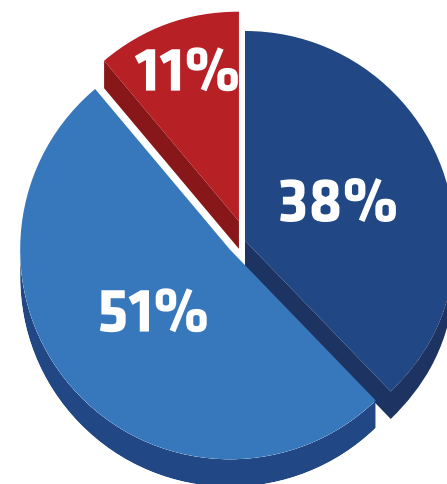
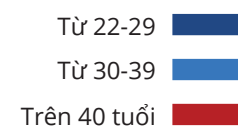
THEO HỌC VẤN



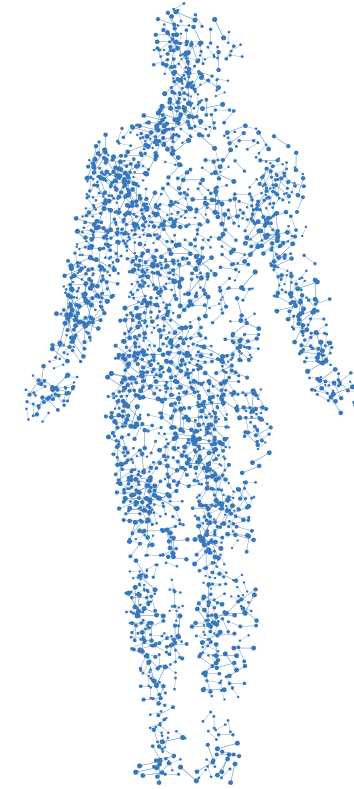
THEO GIỚI TÍNH



THEO ĐỘ TUỔI



VCSC vẫn giữ vững một trong những nguyên tắc hoạt động ban đầu, đó chính là lấy yếu tố “Con người” làm động lực tăng trưởng cốt lõi.



Tại VCSC, yếu tố con người được xem là một trong những nhân tố quan trọng làm nên sự phát triển của VCSC ngày hôm nay. Chúng tôi quan niệm rằng khi nhân viên được làm việc trong một văn hóa doanh nghiệp trân trọng giá trị con người, được hưởng cơ hội phát triển toàn diện cả trong sự nghiệp và cuộc sống, họ sẽ phát huy tối đa năng lực và nhiệt huyết cống hiến cho sự phát triển của VCSC. Vì vậy VCSC không ngừng xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, một văn hóa doanh nghiệp toàn diện nhất gắn liền với thương hiệu VCSC bền vững qua các năm.

Ngoài ra, VCSC đã duy trì áp dụng chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên chủ chốt ESOP (The Employee Stock Ownership Program - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho nhân viên) hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và sự gắn bó lâu dài với Công ty.

ESOP - SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

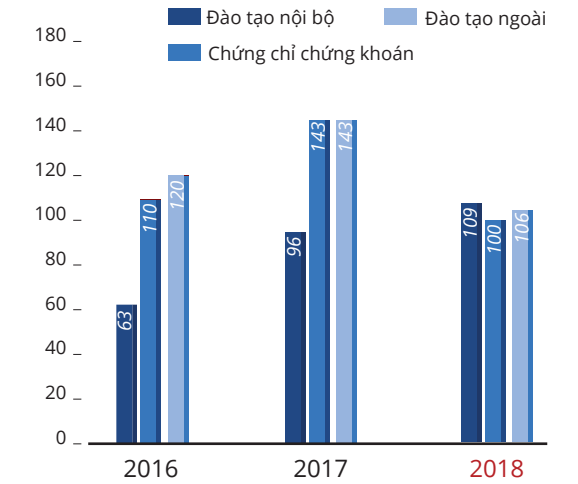
2.000.000 CP năm 2017

1.000.000 CP năm 2018

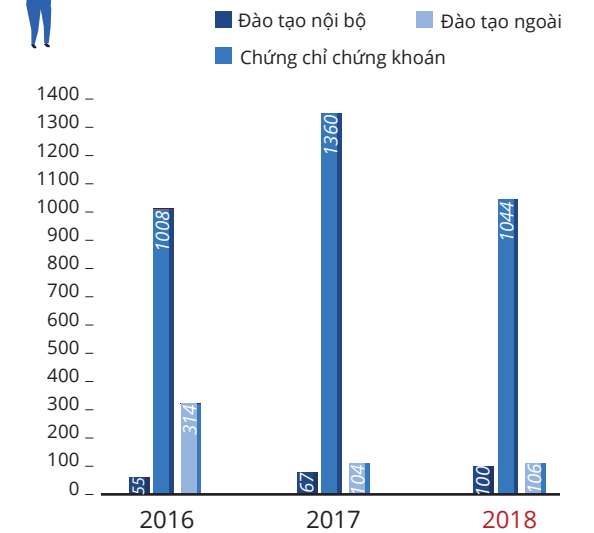
ĐÀO TẠO VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ KẾ THỪA



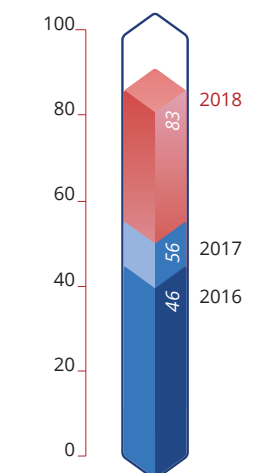
Số người tham gia đào tạo



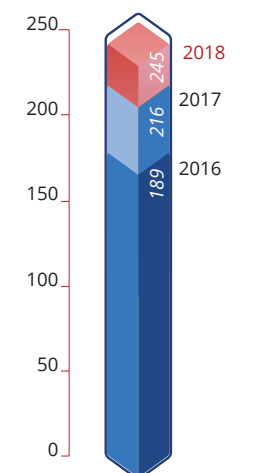
Số giờ đào tạo



Số lượng khóa đào tạo



Số lượng LD



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Trên tiêu chí rõ ràng và minh bạch, chúng tôi nỗ lực mang đến cho nhân viên những giá trị vật chất và tinh thần mà nhân viên xứng đáng nhận được. Chúng tôi cam kết đảm bảo các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ thường niên cho toàn thể nhân viên.

Bên cạnh đó, VCSC luôn quan tâm theo dõi và chăm sóc sức khỏe của nhân viên bằng dịch vụ y tế chất lượng cao bằng gói Bảo hiểm sức khỏe PVI (Bảo hiểm đầu khí). Mức bồi thường của PVI cho phép nhân viên được hưởng những dịch vụ và trợ cấp y tế hiện đại và cao cấp nhất khi ở trong nước cũng như ở nước ngoài.

CHÍNH SÁCH CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



VCSC thành lập các câu lạc bộ: Tennis, Bóng đá, Quần vợt, Cầu Lông... sinh hoạt định kỳ hàng tuần nhằm tạo điều kiện cho mỗi nhân viên VCSC rèn luyện sức khỏe, tăng cường tinh thần đoàn kết. Đây cũng là cơ hội để các cá nhân thể hiện khả năng và tham gia các hoạt động giao lưu thể thao.



Chương trình tổng kết năm, gặp gỡ định kỳ hàng quý, ăn trưa với Tổng Giám Đốc, và các hoạt động nội bộ khác như Chúc mừng sinh nhật, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, ngày gia đình, xem phim định kỳ... được tổ chức định kỳ chính là những hoạt động văn hóa nổi bật được VCSC duy trì qua nhiều năm. Đây là các hoạt động nhằm tăng cường tinh thần hợp tác, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của công ty cũng như sự phát triển bản thân.





VCSC Company Trip 2018 là một trong các hoạt động xây dựng đội ngũ nổi bật của chúng tôi trong năm 2018. Hơn 200 thành viên từ các phòng giao dịch của VCSC ở hai miền Nam - Bắc đã hội tụ tại Osaka, Nhật Bản để cùng nhau nhìn lại hành trình 11 năm xây dựng đội ngũ và Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi liên tục phát triển ấn phẩm báo chí nội bộ như một kênh truyền thông để truyền đạt và truyền tải thông điệp trong nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi cố gắng đảm bảo mỗi nhân viên đều có cơ hội giao tiếp, chia sẻ những khoảnh khắc được ghi lại từ các hoạt động nội bộ của Công ty qua ấn phẩm xuất bản nội bộ.



CÁC CHÍNH SÁCH CHỐNG THAM NHŨNG

VCSC cam kết không để xảy ra các mâu thuẫn lợi ích:

- Tất cả các nhân viên và giám đốc của Công ty phải hành xử theo hướng đem lại lợi ích tối đa cho Công ty;
- Bất cứ cá nhân nào không đảm bảo tính khách quan trong công việc do bị chi phối bởi lợi ích của cá nhân, gia đình hay các mối quan hệ cá nhân khác phải thông báo ngay cho cấp quản lý trực tiếp hoặc đại diện của Phòng Pháp lý;
- Tương tự như vậy, bất kỳ cá nhân nào phát hiện giao dịch hoặc mối quan hệ nào có thể gây ra những mâu thuẫn lợi ích nên thảo luận vấn đề này với Phòng Pháp lý; và
- Trong một số trường hợp hạn chế, các hành vi có khả năng gây ra các mâu thuẫn lợi ích có thể được chấp thuận nếu những mâu thuẫn này được xác định là không gây ảnh hưởng xấu đến VCSC.



VCSC cam kết tuân thủ triệt để các điều luật về chống rửa tiền, tham nhũng và chống khủng bố trên toàn thế giới.

- VCSC sẽ chỉ hợp tác với các khách hàng đáng tin cậy, những người tham gia vào các hoạt động kinh doanh hợp pháp với nguồn vốn hợp pháp;
- Trong mỗi hoạt động kinh doanh của VCSC, chúng tôi luôn thực hiện các quy trình tra soát toàn bộ trên nguyên tắc "Hiểu rõ khách hàng" nhằm ngăn ngừa những rủi ro có thể xảy ra cũng như những thủ tục cần thiết nhằm phát hiện và ngăn chặn những hình thức thanh toán không hợp lý và không rõ ràng; và
- Không phát hiện ra các mối quan hệ và giao dịch của khách hàng tiềm ẩn rủi ro cho VCSC sẽ làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín và sự chính trực của công ty.

E. HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG



Bên cạnh hoạt động kinh doanh, chúng tôi vẫn tiếp tục tập trung vào trách nhiệm xã hội trong năm 2018. Mục đích là tạo ra tác động tích cực cho toàn bộ xã hội đồng thời thúc đẩy việc tạo ra giá trị chia sẻ giữa ban lãnh đạo, cán bộ - nhân viên và cổ đông.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Quỹ VCSC Charity Fund được lập ra với mục đích giúp đỡ các sinh viên, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng có tinh thần, nỗ lực vượt khó trên con đường học vấn.

Quỹ được sự đóng góp thiện nguyện của tập thể nhân viên VCSC đã giúp đỡ cho nhiều trường hợp sinh viên hoàn thành con đường học vấn và trở thành những cá nhân hữu ích cho xã hội.



Sinh viên Nguyễn Thị Ngọc Bích, tốt nghiệp ngành Công nghệ sinh học, đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM.

Thu nhập chính của gia đình em là từ 3 sào ruộng của gia đình (khoảng 3.000 mét vuông). Gần đây, mẹ Bích mới trải qua một đợt phẫu thuật.

Mỗi ngày, Bích phụ bán bánh mì thêm vào buổi sáng, chiều thì đi học. Tiền công bán bánh mì hàng tháng của em được 1,5 triệu đồng, nơi làm việc bao ăn ở.

Bích dùng số tiền ít ỏi này để gửi cho gia đình ở nhà.

Bích đã được Quỹ VCSC hỗ trợ học phí cho hai năm cuối đại học đến khi tốt nghiệp.

Bích hiện đang làm việc tại một bệnh viện tư ở Quận Gò Vấp, với thu nhập ổn định, đủ trang trải chi phí cho bản thân và hỗ trợ gia đình.



Sinh viên Võ Đăng Khoa

Khoa là một ví dụ điển hình về một tấm gương vượt khó. Cha em vừa mới qua đời vì bệnh ung thư, còn mẹ không thể đi làm kiếm tiền trong suốt nhiều năm nay do phải chăm bệnh cho cha Khoa. Khoa còn một em trai 10 tuổi đang sống một mình ở quê, phải nhờ hàng xóm coi sóc.

Khoa đã được Quỹ VCSC hỗ trợ học phí đến khi tốt nghiệp.

Hiện tại, Khoa đang học Thạc Sĩ ở Đại học Gachon University, thành phố Incheon, Hàn Quốc, chuyên ngành Dược động học sau khi nhận được học bổng toàn phần 2 năm.

VCSC hân hạnh là một trong những nhà tài trợ cho chương trình “Thắp sáng niềm tin cho em 2018”



Chúng tôi tin rằng việc giúp đỡ những người có hoàn cảnh thiệt thòi hoặc những người đang cần trợ giúp là một hoạt động có ích cho xã hội và nâng cao tinh thần nhân ái của nhân viên, nó cũng giúp thu hút, giữ chân các nhân viên có chuyên môn, chăm chỉ và gắn bó. Trong năm qua, VCSC đã hỗ trợ Đoàn Thanh niên mua sách giáo khoa cho học sinh cần giúp đỡ ở các tỉnh Sơn La, Yên Bái, Điện Biên, nơi người dân bị ảnh hưởng bởi lũ lụt nặng nề.



VCSC tin rằng hoạt động từ thiện là một cách đóng góp thiết thực nhất cho cộng đồng.

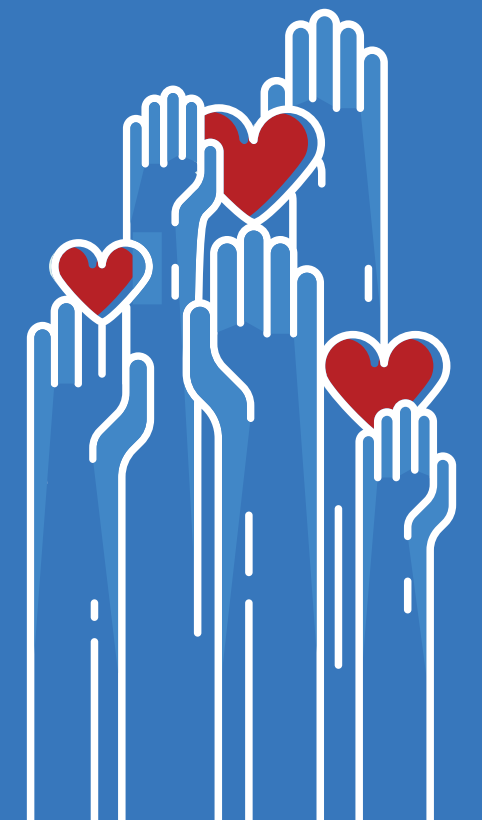
CHUNG TAY KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

VCSC đã tặng quà Tết cho những người có hoàn cảnh khó khăn thông qua hoạt động thường niên của Đoàn Thanh niên tổ chức với mong muốn mang đến một cái Tết ấm lòng hơn cho mọi người... Đồng thời, VCSC tiếp tục tham gia nhiều hoạt động cộng đồng khác do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và Hà Nội tổ chức.

Ngoài ra, chúng tôi tiếp tục duy trì các Quỹ Từ thiện nội bộ cho nhân viên của công ty. Ủy ban Nhân viên của chúng tôi đã gây quỹ để hỗ trợ người dân miền Trung, Tây Nguyên và Nam Trung bộ nơi bị ảnh hưởng nghiêm trọng của bão Damrey. Đoàn công tác từ thiện đã đến Ninh Hòa, tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho cộng đồng và các hoạt động phụ khác để giảm bớt khó khăn của người dân địa phương. Chúng tôi cũng kêu gọi và huy động sự hỗ trợ từ cộng đồng cho những người bị ảnh hưởng bởi cơn bão trong nỗ lực khắc phục hậu quả thiên tai gây ra.



Chúng tôi đã và sẽ tiếp tục tham gia vào các hoạt động thiện nguyện cho xã hội để lan tỏa tinh thần chia sẻ cho thế hệ nhân sự tiếp theo. Tiếp sức, tiếp lửa và tiếp thêm tinh thần nhân ái là những gì chúng tôi mong muốn gây dựng cho tương lai của VCSC.



THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN			
Chiến Lược & Phân Tích			
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	Định hướng phát triển bền vững; Quản trị doanh nghiệp hướng tới PTBV	Trang 88 & 98
Hồ sơ tổ chức			
G4-3	Báo cáo tên tổ chức	Tổng quan về báo cáo	Trang 91
G4-4	Sản phẩm - Dịch vụ chính	Ngành nghề kinh doanh - Báo cáo thường niên	Trang 09
G4-5	Trụ sở chính	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	Trang 09
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý của tổ chức	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	Trang 09
G4-8	Thị trường phục vụ	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	Trang 09
G4-9	Quy mô của doanh nghiệp báo cáo	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	Trang 09
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 103
Xác định các Ranh giới và Lĩnh vực trọng yếu			
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo. Nêu rõ doanh nghiệp đã áp dụng các quy tắc báo cáo để xây dựng nội dung báo cáo như thế nào.	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững; Xác định các Lĩnh vực trọng yếu	Trang 92 & 93

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
Chiến Lược & Phân Tích			
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	Xác định các Lĩnh vực trọng yếu	Trang 93
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó.	Báo cáo không có việc trình bày lại thông tin nào gây ảnh hưởng	
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn trước đây	Báo cáo không có thay đổi gì lớn so với nội dung yêu cầu	
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với Doanh nghiệp	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 92
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan		
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan		
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan, doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)		
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Tổng quan về báo cáo	Trang 91
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	Năm 2019 (thực hiện báo cáo cho năm 2018)	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
G4-31	Địa chỉ liên hệ	Tổng quan về báo cáo	Trang 91



THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
Quản trị			
G4-34	Báo cáo cơ cấu quản trị của tổ chức	Tóm lược về công ty và Bộ máy tổ chức - Báo cáo thường niên	Trang 61
G4-37	Báo cáo các quy trình tham vấn các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Ứng xử với các bên liên quan	Trang 92
Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc thiết lập mục đích, giá trị và chiến lược			
G4-45	Báo cáo vai trò cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội.	Hoạt động quản trị rủi ro - Báo cáo Thường niên; Quản trị Doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	Trang 55 & 98
Thù lao và các khoản lợi ích			
G4-51	Báo cáo cơ chế thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao	Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT & BKS - Báo cáo Thường niên	Trang 71
CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ		MỤC TIÊU KINH TẾ	
Hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	Trang 94
Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp			
G4-EC8	Những tác động gián tiếp về kinh tế	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	Trang 94
CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ		MỤC TIÊU XÃ HỘI	
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG			
Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực.	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 103
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu		

GRI	THÔNG TIN CÔNG BỐ	NỘI DUNG TRONG BÁO CÁO	SỐ TRANG
Giáo dục và Đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi người lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 103
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 103
Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần của các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 103
Công bằng thù lao cho Nữ và Nam			
G4-LA13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của phụ nữ so với nam giới theo danh mục người lao động, và theo địa điểm hoạt động quan trọng	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	Trang 103
Cộng đồng địa phương			
G4-S01	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	Hoạt động vì cộng đồng	Trang 110
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM			
G4-S02	Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng	Hành động vì khách hàng	Trang 101

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính của công ty
- Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy phép thành lập và hoạt động

68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 76/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 9 năm 2018.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành Viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành Viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành Viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành Viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco Số 2 Đường Hải Triều, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 119 đến trang 177. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 119 đến trang 177.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**NGUYỄN HOÀNG NAM**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7902
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LÊ QUANG ĐẠO

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2845-2019-006-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
	TÀI SẢN			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.430.493.843.962	6.342.806.740.944
110	Tài sản tài chính		6.427.809.228.064	6.224.215.993.988
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	1.144.361.568.890	486.703.202.803
111.1	Tiền		1.144.361.568.890	486.703.202.803
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.2(a)	425.293.512.861	451.642.198.967
114	Các khoản cho vay	3.3	2.791.581.873.329	3.437.438.318.672
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.2(b)	2.038.611.632.263	1.824.728.874.900
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3	(2.527.227.974)	(4.552.838.057)
117	Các khoản phải thu	3.4	27.126.898.280	36.169.556.300
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		-	35.092.500.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		27.126.898.280	1.077.056.300
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		27.126.898.280	1.077.056.300
118	Trả trước cho người bán		318.826.200	3.616.481.085
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	4.840.594.215	8.016.149.318
122	Các khoản phải thu khác	3.4	-	172.500.000
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(1.798.450.000)	(19.718.450.000)
130	Tài sản ngắn hạn khác		2.684.615.898	118.590.746.956
131	Tạm ứng		2.136.161.068	439.967.869
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		45.880.000	113.490.000
133	Chi phí trả trước ngắn hạn		502.574.830	1.880.878.087
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.5	-	116.156.411.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		79.502.079.245	59.205.004.260
220	Tài sản cố định		18.226.354.386	25.326.131.092
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	9.706.180.776	11.567.611.326
222	Nguyên giá		48.946.228.571	44.682.700.371
223a	Giá trị hao mòn lũy kế		(39.240.047.795)	(33.115.089.045)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	8.520.173.610	13.758.519.766
228	Nguyên giá		40.541.219.542	40.487.469.542
229a	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.021.045.932)	(26.728.949.776)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.6(c)	1.511.800.000	136.200.000
250	Tài sản dài hạn khác		59.763.924.859	33.742.673.168
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		5.846.350.091	5.678.374.385
252	Chi phí trả trước dài hạn		25.494.063.880	2.171.535.344
254	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	3.7(a)	18.370.264.731	15.870.264.731
255	Tài sản dài hạn khác	3.7(b)	10.053.246.157	10.022.498.708
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.509.995.923.207	6.402.011.745.204

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ			
310	Nợ phải trả ngắn hạn		2.753.315.401.147	3.240.236.456.315
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		984.860.000.000	1.434.460.418.662
312	Vay ngắn hạn	3.9	984.860.000.000	1.434.460.418.662
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.9	1.335.420.000.000	906.250.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.10	9.408.172.090	8.958.095.420
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.11	7.020.900	7.010.148.643
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.12	126.324.890.101	462.392.057.000
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	37.756.566.046	56.145.214.891
323	Phải trả người lao động		127.071.504.662	137.816.845.741
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.14	78.535.185.578	80.466.001.188
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.15	53.932.061.770	146.737.674.770
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
340	Nợ phải trả dài hạn		113.702.791.275	142.380.091.644
356	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.16	113.702.791.275	142.380.091.644
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ		2.867.018.192.422	3.382.616.547.959
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (VCSH)			
410	Vốn chủ sở hữu		3.642.977.730.785	3.019.395.197.245
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.212.516.400.000	1.772.340.000.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.17	1.629.998.900.000	1.200.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.629.998.900.000	1.200.000.000.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		582.517.500.000	572.400.000.000
411.5	Cổ phiếu quỹ		-	(60.000.000)
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.18	398.489.495.556	497.706.089.367
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		44.162.292.914	44.485.624.092
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		122.566.956.504	78.404.663.590
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.19	865.242.585.811	626.458.820.196
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		827.370.269.076	527.962.272.542
417.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		37.872.316.735	98.496.547.654
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.642.977.730.785	3.019.395.197.245
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.509.995.923.207	6.402.011.745.204

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 - CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁ VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.1	25.145.170.448	25.145.170.448
005	Ngoại tệ các loại (quy ra VND)	4.2	14.562.476.386	5.713.011.037
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.3	162.999.890	119.996.000
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		-	4.000
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của công ty chứng khoán	4.4	91.306.808	48.762.031
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		-	100
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		10.250.198	4.684.512
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		2.062.674.688	2.113.926.404
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.791.638.353	1.507.126.534
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		16.663.562	27.941.761
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		231.968.684	546.304.360
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		4.649.821	15.621.215
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		17.754.268	16.932.534
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		7.918.009	13.529.077
026	Tiền gửi của khách hàng		839.738.905.121	692.443.875.409
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		637.630.822.521	554.638.296.909
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		39.055.856.721	6.179.390.075
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		202.108.082.600	137.805.578.500
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		199.529.403.500	134.441.991.700
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		2.578.679.100	3.363.586.800

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	2018 VND	2017 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)		
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	637.630.822.521	554.638.296.909
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	532.867.651.319	542.884.083.927
032.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	104.763.171.202	11.754.212.982



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		312.948.781.051	489.773.731.304
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1(a)	268.375.690.204	288.807.754.669
01.2	(Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1(b)	(28.618.284.283)	132.035.317.177
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		73.191.375.130	68.930.659.458
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		443.326.702.707	267.013.662.931
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.2	1.016.984.106.934	497.731.670.526
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		3.307.742.508	10.804.909.091
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		17.032.479.577	8.129.030.445
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		10.132.880.312	7.042.610.697
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.3	15.975.767.950	254.596.157.420
11	Thu nhập hoạt động khác		1.771.034.536	1.649.891.442
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		1.821.479.495.575	1.536.741.663.856
	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(90.771.741.666)	(55.516.118.973)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1(a)	(43.609.737.300)	(46.601.486.364)
21.2	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1(b)	(47.162.004.366)	(8.914.632.609)
24	Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	3.3	2.025.610.083	1.621.463.162
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(9.432.886.803)	(22.506.271.238)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(328.656.519.961)	(280.510.215.891)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(12.624.214.761)	(14.852.384.325)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(24.030.598.850)	(55.865.921.061)
32	Chi phí các dịch vụ khác		(18.687.948.272)	(14.878.434.566)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(482.178.300.230)	(442.507.882.892)
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		8.024.256.306	6.271.435.342
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		8.024.256.306	6.271.435.342

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B02 - CTCK

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
	CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	Chi phí lãi vay		(250.502.717.563)	(179.160.956.958)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH		(250.502.717.563)	(179.160.956.958)
61	CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.4	(93.751.008.270)	(129.428.406.429)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.003.071.725.818	791.915.852.919
	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		8.554.303.031	11.119.139.864
72	Chi phí khác		(170.119.925)	(57.313.168)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		8.384.183.106	11.061.826.696
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.011.455.908.924	802.977.679.615
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.087.236.197.573	679.856.995.047
92	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện		(75.780.288.649)	123.120.684.568
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	5.5	(188.834.281.573)	(147.881.514.701)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(192.707.433.489)	(128.693.085.155)
100.2	Hoàn nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại		3.873.151.916	(19.188.429.546)
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		822.621.627.351	655.096.164.914
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		(99.216.593.811)	497.706.089.367
301	(Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.18	(99.216.593.811)	497.706.089.367
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		(99.216.593.811)	497.706.089.367
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (Đồng/cổ phiếu)	5.6	5.067	4.289
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	5.6	5.067	4.289

Nguyễn Thị Lành
Người lậpĐoàn Minh Thiện
Kế toán trưởngTô Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b - CTCK

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	2018 VND	2017 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.011.455.908.924	802.977.679.615
02	Điều chỉnh cho các khoản:	215.004.168.906	172.694.517.596
03	Khấu hao tài sản cố định	11.577.959.706	9.773.790.332
04	Các khoản dự phòng	(19.945.610.083)	(15.149.537.030)
06	Chi phí lãi vay	250.502.717.563	179.160.956.958
07	Lãi từ thanh lý tài sản cố định	(4.000.000)	(13.636.364)
08	Dự thu tiền lãi	(27.126.898.280)	(1.077.056.300)
10	Tăng các chi phí phi tiền tệ	47.162.004.366	8.914.632.609
11	Tăng chênh lệch giảm đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	47.162.004.366	8.914.632.609
18	Giảm/(tăng) các doanh thu phi tiền tệ	28.618.284.283	(132.035.317.177)
19	Giảm/(tăng) chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	28.618.284.283	(132.035.317.177)
30	Thay đổi trong vốn lưu động	(518.725.282.730)	(2.831.415.493.901)
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(49.431.602.543)	306.471.778.276
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay	645.856.445.343	(2.040.283.218.567)
34	Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(313.099.351.174)	(953.772.576.533)
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35.092.500.000	8.207.500.000
36	Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	1.077.056.300	60.671.050
37	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.175.555.103	6.745.304.519
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	172.500.000	(172.500.000)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác	114.329.104.646	(116.556.875.593)
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	(42.352.980.827)	41.652.021.898
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(21.944.225.279)	7.849.849.858
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty chứng khoán đã nộp	(211.316.537.346)	(112.571.088.709)
44	Lãi vay đã trả	(222.080.552.346)	(161.315.692.305)
45	Giảm phải trả người bán	(3.705.472.858)	(5.380.837.617)
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	(22.248.456)
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	(24.583.693.441)	128.472.283.919
48	Tăng phải trả người lao động	1.254.658.921	83.171.561.691
50	Giảm phải trả, phải nộp khác	(428.668.687.229)	(11.448.928.624)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.500.000.000)	(12.522.498.708)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	783.515.083.749	(1.978.863.981.258)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu số B03b - CTCK

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(5.853.783.000)	(24.651.591.476)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.000.000	13.636.364
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết		-	41.516.000.000
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.849.783.000)	16.878.044.888
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	6.1	20.470.000.000	740.400.000.000
72	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(292.500.000)	(60.000.000)
73	Tiền vay gốc	6.2	7.499.020.870.841	5.317.822.218.662
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	6.3	(7.519.451.289.503)	(4.071.119.800.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(119.754.016.000)	(62.216.391.100)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(120.006.934.662)	1.924.826.027.562
90	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		657.658.366.087	(37.159.908.808)
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3.1	486.703.202.803	523.863.111.611
101.1	Tiền		486.703.202.803	523.728.711.611
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	134.400.000
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	1.144.361.568.890	486.703.202.803
103.1	Tiền		1.144.361.568.890	486.703.202.803
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	-

* Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền được trình bày tại Thuyết minh 6.1.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu số B03b - CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNGNăm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	2018 VND	2017 VND
	Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	137.941.142.498.525	90.252.523.423.409
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(179.758.562.237.506)	(108.677.677.295.152)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	41.941.489.875.490	18.616.065.581.711
07.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	35.849.107.964	6.179.390.075
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(12.624.214.761)	(14.852.384.325)
20	Tăng tiền thuần trong năm	147.295.029.712	182.238.715.718
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	692.443.875.409	510.205.159.691
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	692.443.875.409	510.205.159.691
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	554.638.296.909	389.164.247.516
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	137.805.578.500	121.040.912.175
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	839.738.905.121	692.443.875.409
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	839.738.905.121	692.443.875.409
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	637.630.822.521	554.638.296.909
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	202.108.082.600	137.805.578.500

Nguyễn Thị Lành
Người lậpĐoàn Minh Thiện
Kế toán trưởngTô Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B04 - CTCK

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ chưa phân phối VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2017	1.032.000.000.000	-	-	-	16.655.643.229	50.574.682.727	100.942.617.008	1.200.172.942.964
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	655.096.164.914	655.096.164.914
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	-	497.706.089.367	-	-	-	497.706.089.367
Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư bên ngoài (i)	148.000.000.000	562.400.000.000	-	-	-	-	-	710.400.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	20.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(60.000.000)	-	-	-	-	(60.000.000)
Cổ tức đợt 2 năm 2016 (iii)	-	-	-	-	-	-	(61.920.000.000)	(61.920.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.17(c))	-	-	-	-	27.829.980.863	27.829.980.863	(55.659.961.726)	-
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (iv)	-	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31.12.2017	1.200.000.000.000	572.400.000.000	(60.000.000)	497.706.089.367	44.485.624.092	78.404.663.590	626.458.820.196	3.019.395.197.245

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Mẫu số B04 - CTCK

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ chưa phân phối VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2018	1.200.000.000.000	572.400.000.000	(60.000.000)	497.706.089.367	44.485.624.092	78.404.663.590	626.458.820.196	3.019.395.197.245
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	822.621.627.351	822.621.627.351
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	-	(99.216.593.811)	-	-	-	(99.216.593.811)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(292.500.000)	-	-	-	-	(292.500.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.500.000	352.500.000	-	-	-	-	470.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (v)	419.998.900.000	-	-	-	(44.485.624.092)	-	(375.513.275.908)	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (vi)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Cổ tức năm 2017 (vii)	-	-	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.17(c))	-	-	-	-	44.162.292.914	44.162.292.914	(88.324.585.828)	-
Tại ngày 31.12.2018	1.629.998.900.000	582.517.500.000	-	398.489.495.556	44.162.292.914	122.566.956.504	865.242.585.811	3.642.977.730.785

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Mẫu số B04 – CTCK

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ 14.800.000 cổ phần phổ thông. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 48.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 2.000.000 cổ phần phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và công nhân viên của Công ty. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 15.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2017, cổ tức đợt 2 cho năm 2016 là 6% trên vốn điều lệ 1.032 tỷ Đồng.
- (iv) Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2017 để sử dụng cho các hoạt động từ thiện xã hội.
- (v) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 6 năm 2018 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10 : 3,5 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 3,5 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu được nhận được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ phiếu lẻ thập phân được hủy bỏ. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 41.999.890 cổ phiếu vào ngày 17 tháng 7 năm 2018.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được trình bày lại do điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ đợt phát hành này (Thuyết minh 5.6).
- (vi) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 7 năm 2018, Công ty đã phát hành 1.000.000 cổ phần phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và nhân viên của Công ty vào ngày 21 tháng 8 năm 2018. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 20.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (vii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2018, cổ tức cho năm 2017 là 10% trên vốn điều lệ 1.200 tỷ đồng.

Nguyễn Thị Lành
Người lập**Đoàn Minh Thiện**
Kế toán trưởng**Tô Hải**
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

**THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mẫu số B09 – CTCK

**Thành lập
và niêm yết**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 76/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 9 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 233/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**Trụ sở chính
và thông tin
liên hệ**

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@vcsc.com.vn
Điện thoại: (+84) 28 3914 3588

**Điều lệ
hoạt động**

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 19 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 21 tháng 8 năm 2018.

**Hoạt động
chính**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.629.998.900.000 Đồng.

**Mục tiêu
đầu tư và
hạn chế đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

**Mạng lưới
hoạt động**

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có 1 chi nhánh và 3 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

Cơ sở lập báo cáo tài chính	<p>Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”) và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).</p> <p>Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.</p>
Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng	Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
Năm tài chính	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán	<p>Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).</p> <p>Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.</p> <p>Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.</p>
Tiền và các khoản tương đương tiền	<p>Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.</p> <p>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.</p>
Tài sản tài chính	<p>(a) Phân loại</p> <p><i>(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</i></p> <p>Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.</p> <p>Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc • Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của 1 danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc • Nó là 1 công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tài sản tài chính (tiếp theo)**(a) Phân loại (tiếp theo)***(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)(tiếp theo)*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ chỉ định một tài sản tài chính là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết và tất cả công cụ phái sinh, bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ, trừ các công cụ phái sinh được chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định;
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí mua, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)**(a) Phân loại (tiếp theo)****(iii) Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

(iv) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

(v) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu. Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua bao gồm cả các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này. Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về doanh thu.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là 1 bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

Tài sản tài chính (tiếp theo)**(b) Phân loại lại****(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL**

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này.
- Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động – Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch – là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản các tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL) được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua bao gồm các chi phí mua.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

(e) Cơ sở đánh giá lại tài sản tài chính

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán và Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về quy chế tài chính của công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ để làm căn cứ đánh giá lại các tài sản tài chính, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày đánh giá lại được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Giá mua
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản
tài chính
(tiếp theo)**(e) Cơ sở đánh giá lại tài sản tài chính (tiếp theo)***(ii) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”)*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại nhưng không quá một (1) tháng tính đến ngày đánh giá lại. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

Trường hợp không có đủ tối thiểu ba (3) báo giá như quy định nêu trên, các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá từ các báo giá
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất
- Giá trị sổ sách
- Giá mua
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(iii) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Mệnh giá
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(iv) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày báo cáo gần nhất trước ngày đánh giá lại
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(v) Cổ phần, phần vốn góp khác

Các cổ phần này được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Giá mua/giá trị vốn góp
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(vi) Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế.

Các trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày đánh giá lại được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá mua cộng lãi lũy kế
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế

(vii) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá yết trên hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn cộng lãi lũy kế
- Giá mua cộng lãi lũy kế
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế

Tài sản
tài chính
(tiếp theo)*(viii) Chứng chỉ quỹ đóng đại chúng*

Chứng chỉ quỹ đóng đại chúng được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại.

Các chứng chỉ quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày đánh giá lại được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày đánh giá lại.

(ix) Chứng chỉ quỹ thành viên/ quỹ mở/ cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ

Các chứng chỉ quỹ/cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) đơn vị phần vốn góp/ chứng chỉ quỹ/ cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày đánh giá lại.

(x) Chứng chỉ quỹ/ cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán khác

Các chứng chỉ quỹ/cổ phiếu này được đánh giá lại theo phương pháp nội bộ của Công ty.

(xi) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày báo cáo.

(xii) Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu

Các công cụ tài chính này được định giá bằng giá mua cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày đánh giá lại.

(f) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được lập khi có sự suy giảm về giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay. Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(g) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228/2009/TT-BTC”) như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)	<p>(h) Hạch toán lãi/(lỗ)</p> <p><i>Chi phí mua</i></p> <p>Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá mua của tài sản.</p> <p><i>Chi phí bán</i></p> <p>Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động.</p> <p><i>Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán</i></p> <p>Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.</p> <p><i>Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính</i></p> <p>Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.</p>								
Tài sản cố định	<p>Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình</p> <p>Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.</p> <p><i>Khấu hao</i></p> <p>Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr> <td>Chi phí nâng cấp văn phòng</td> <td>33,33%</td> </tr> <tr> <td>Phương tiện vận chuyển</td> <td>16,67%</td> </tr> <tr> <td>Thiết bị văn phòng</td> <td>33,33%</td> </tr> <tr> <td>Phần mềm vi tính</td> <td>33,33% - 50%</td> </tr> </table> <p><i>Thanh lý</i></p> <p>Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.</p>	Chi phí nâng cấp văn phòng	33,33%	Phương tiện vận chuyển	16,67%	Thiết bị văn phòng	33,33%	Phần mềm vi tính	33,33% - 50%
Chi phí nâng cấp văn phòng	33,33%								
Phương tiện vận chuyển	16,67%								
Thiết bị văn phòng	33,33%								
Phần mềm vi tính	33,33% - 50%								
Thuê tài sản cố định	<p>Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.</p>								
Chi phí trả trước	<p>Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng hoặc dựa trên thời hạn phân bổ.</p>								
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn	<p>Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.</p>								

Nợ phải trả	<p>(a) Ghi nhận/ chấm dứt ghi nhận</p> <p>Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.</p> <p>(b) Phân loại</p> <p>Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nợ vay; • Trái phiếu phát hành; • Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán gồm các số dư với các sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; • Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và • Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. <p>Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.</p>
Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính	<p>Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để xác định một tài sản và một khoản nợ phải trả đồng thời.</p>
Thuế thu nhập của nhà đầu tư	<p>Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.</p>
Chi phí đi vay	<p>Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với quá trình hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.</p>
Chi phí phải trả	<p>Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi vào chi phí trong năm.</p>
Các khoản dự phòng	<p>Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.</p> <p>Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.</p>
Vốn chủ sở hữu	<p>(a) Vốn góp của chủ sở hữu</p> <p>Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.</p>



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Mẫu số B09 – CTCK

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(a) Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

(b) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kể đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính thanh lý, nhượng bán. Giá vốn này được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên. Thu nhập khác được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động
- Chi phí tài chính
- Chi phí quản lý
- Chi phí khác

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh tại các nước mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được công bố theo điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

Các bên liên quan (tiếp theo)	Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.
Báo cáo bộ phận	Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động. Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.
Số dư bằng không	Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2017/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt tại quỹ	404.829.749	374.256.985
Tiền gửi ngân hàng	1.143.956.739.141	486.328.945.818
Tổng cộng	1.144.361.568.890	486.703.202.803

DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	343.416.657.742	103.417.032.894	(56.076.636.975)	390.757.053.661
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	34.536.459.200	-	-	34.536.459.200
Tổng cộng	377.953.116.942	103.417.032.894	(56.076.636.975)	425.293.512.861
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	322.892.355.199	132.035.317.177	(8.914.632.609)	446.013.039.767
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	5.629.159.200	-	-	5.629.159.200
Tổng cộng	328.521.514.399	132.035.317.177	(8.914.632.609)	451.642.198.967

Mẫu số B09 - CTCK

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2018		Tại ngày 31.12.2017	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	343.416.657.742	390.757.053.661	322.892.355.199	446.013.039.767
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)	89.632.030.481	181.915.668.000	59.878.375.003	100.663.270.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa phát (HPG)	52.050.844.053	40.159.234.400	59.152.295.715	77.405.242.050
CTCP Xuất nhập khẩu Khánh Hội (KHA)	28.345.344.122	38.176.498.850	28.345.344.122	29.533.695.100
Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB)	8.656.629.915	7.521.360.000	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (HT1)	5.798.945.267	6.057.337.650	5.798.792.547	6.900.312.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	6.321.516.720	5.335.173.900	2.133.119	3.784.600
Công ty cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC)	3.684.660.194	3.939.100.000	-	-
Công ty cổ phần xây dựng Cotec (CTD)	3.870.526.075	3.808.640.000	14.641.075	19.932.000
TCTCPBia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB)	772.748.285	936.250.000	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	919.878.497	932.400.000	13.082.263	19.817.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (VIC)	907.672.327	860.463.700	10.056.569	18.552.000
Công ty cổ phần Hàng không VIETJET (VJC)	642.860.537	549.240.000	7.565.457.332	56.698.710.800
Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng MASAN (MCH)	29.694.256	57.984.150	44.132.620.000	52.340.530.200
CTCP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCI)	-	-	29.753.365.098	38.843.032.500
Cổ phiếu khác	141.783.307.013	100.507.703.011	88.226.192.356	83.566.160.217
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	34.536.459.200	34.536.459.200	5.629.159.200	5.629.159.200
CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	5.629.159.200	5.629.159.200	5.629.159.200	5.629.159.200
CTCP Đầu tư Xây dựng Tây Hồ	2.060.500.000	2.060.500.000	-	-
Cổ phiếu khác	26.846.800.000	26.846.800.000	-	-
Tổng cộng	377.953.116.942	425.293.512.861	328.521.514.399	451.642.198.967

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.284.096.123.105	618.309.998.424	(120.198.128.979)	1.782.207.992.550
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	256.403.639.713	-	-	256.403.639.713
Tổng cộng	1.540.499.762.818	618.309.998.424	(120.198.128.979)	2.038.611.632.263
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Cổ phiếu niêm yết	746.230.250.091	622.132.611.709	-	1.368.362.861.800
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	456.366.013.100	-	-	456.366.013.100
Tổng cộng	1.202.596.263.191	622.132.611.709	-	1.824.728.874.900

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

	Tại ngày 31.12.2018		Tại ngày 31.12.2017	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.284.096.123.105	1.782.207.992.550	746.230.250.091	1.368.362.861.800
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB)	180.200.829.100	487.458.981.900	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIG)	437.988.487.479	365.568.693.500	207.509.550.004	224.541.586.200
CTCP Đầu tư Thế giới di động (MWG)	51.690.792.983	290.835.780.000	50.626.237.945	327.779.292.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	267.383.674.595	287.666.770.650	147.787.090.100	287.000.902.000
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (POW)	148.200.000.000	154.720.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	63.581.673.285	105.695.430.000	191.874.691.508	315.676.337.600
Công ty cổ phần Xây lắp điện 1 (PC1)	54.050.093.363	57.040.099.200	67.432.680.534	96.964.744.000
CTCP Thép Nam Kim (NKG)	81.000.572.300	33.222.237.300	81.000.000.000	116.400.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	256.403.639.713	256.403.639.713	456.366.013.100	456.366.013.100
CTCP Masan Nutri – Science	123.553.584.000	123.553.584.000	123.553.584.000	123.553.584.000
Cổ phiếu khác	132.850.055.713	132.850.055.713	332.812.429.100	332.812.429.100
Tổng cộng	1.540.499.762.818	2.038.611.632.263	1.202.596.263.191	1.824.728.874.900

Các cổ phiếu được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày ở Thuyết minh 3.8.



Mẫu số B09 - CTCK

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ***(a) Các khoản cho vay*

	Tại ngày 31.12.2018		Tại ngày 31.12.2017	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (i)	2.657.851.798.270	(2.527.227.974)	3.315.298.184.158	(4.552.838.057)
Tạm ứng giao dịch chứng khoán (ii)	133.730.075.059	-	122.140.134.514	-
	2.791.581.873.329	(2.527.227.974)	3.437.438.318.672	(4.552.838.057)

(i) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Các khoản tài trợ này có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày giải ngân theo quy định và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày (2017: từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày).

(ii) Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho khách hàng tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày làm việc và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày (Năm 2017: từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày).

(b) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Tình hình biến động số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Số dư đầu năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	4.552.838.057	-	(2.025.610.083)	2.527.227.974

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Mẫu số B09 - CTCK

	Tại ngày 31.12.2018		Tại ngày 31.12.2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	35.092.500.000	18.000.000.000
Phải thu bán chứng khoán chưa niêm yết	-	-	35.092.500.000	18.000.000.000
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	-	-	-	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	27.126.898.280	-	1.077.056.300	-
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	27.126.898.280	-	1.077.056.300	-
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	4.840.594.215	1.798.450.000	36.169.556.300	18.000.000.000
Phải thu khác	-	-	8.016.149.318	1.718.450.000
	-	-	172.500.000	-

Công ty không có các khoản phải thu từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Chi tiết biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng	
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	18.000.000.000	-	-	(18.000.000.000)
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phương Việt	18.000.000.000	-	-	(18.000.000.000)
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	1.918.450.000	1.918.450.000	80.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm QVD Đồng Tháp	462.000.000	462.000.000	-	-
Các khách hàng khác	1.456.450.000	1.256.450.000	80.000.000	-
Tổng cộng	19.918.450.000	1.918.450.000	80.000.000	(18.000.000.000)
				1.798.450.000



3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tiền ứng trước cho các hoạt động đầu tư	-	116.156.411.000

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1.1.2018	33.000.000	3.330.335.577	41.319.364.794	44.682.700.371
Mua trong năm	-	-	4.424.433.000	4.424.433.000
Thanh lý trong năm	-	-	(160.904.800)	(160.904.800)
Tại ngày 31.12.2018	33.000.000	3.330.335.577	45.582.892.994	48.946.228.571
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1.1.2018	33.000.000	3.330.335.577	29.751.753.468	33.115.089.045
Khấu hao trong năm	-	-	6.285.863.550	6.285.863.550
Thanh lý trong năm	-	-	(160.904.800)	(160.904.800)
Tại ngày 31.12.2018	33.000.000	3.330.335.577	35.876.712.218	39.240.047.795
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1.1.2018	-	-	11.567.611.326	11.567.611.326
Tại ngày 31.12.2018	-	-	9.706.180.776	9.706.180.776

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán tài sản cố định có giá trị lớn chưa thực hiện.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 30.267 triệu Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 27.035 triệu Đồng).

Công ty không có tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2018	40.487.469.542
Mua trong năm	53.750.000
Tại ngày 31.12.2018	40.541.219.542
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2018	26.728.949.776
Khấu hao trong năm	5.292.096.156
Tại ngày 31.12.2018	32.021.045.932
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2018	13.758.519.766
Tại ngày 31.12.2018	8.520.173.610

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 25.229 triệu Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 23.451 triệu Đồng).

Công ty không có tài sản cố định vô hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	136.200.000	1.924.538.883
Tăng trong năm	1.375.600.000	1.057.824.622
Kết chuyển vào chi phí trả trước	-	(2.846.163.505)
Số dư cuối năm	1.511.800.000	136.200.000

CÁC KHOẢN KÝ QUỸ TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng.



3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

CÁC KHOẢN KÝ QUỸ TẠI TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (tiếp theo)

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	15.870.264.731	13.370.264.731
Tiền nộp bổ sung	1.590.112.852	1.744.948.783
Tiền lãi phân bổ trong năm	909.887.148	755.051.217
Số dư cuối năm	18.370.264.731	15.870.264.731

(b) Tiền nộp quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Đây là tiền đóng góp tối thiểu ban đầu đối với thành viên bù trừ trực tiếp theo Quy Chế Quản Lý Và Sử Dụng Quỹ Bù Trừ ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và tiền lãi phân bổ.

TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THỂ CHẤP

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tài sản tài chính (Thuyết minh 3.2) theo giá trị thị trường/giá trị hợp lý		
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.231.560.000.000	1.079.928.200.000

Các tài sản đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.9).

CÁC KHOẢN VAY VÀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Tổng hợp tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

		Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng trong nước	(i)	300.000.000.000	800.000.000.000	(900.000.000.000)	200.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(ii)	295.000.000.000	1.295.150.000.000	(1.590.150.000.000)	-
Vay ngân hàng trong nước	(iii)	239.975.000.000	471.900.000.000	(665.875.000.000)	46.000.000.000
Vay công ty tài chính trong nước	(iv)	180.000.000.000	474.000.000.000	(524.000.000.000)	130.000.000.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

CÁC KHOẢN VAY VÀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (tiếp theo)

Tổng hợp tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

		Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngân hàng trong nước	(v)	163.000.000.000	633.500.000.000	(696.500.000.000)	100.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(vi)	140.000.000.000	220.000.000.000	(360.000.000.000)	-
Vay ngân hàng nước ngoài	(vii)	68.133.000.000	597.735.000.000	(549.168.000.000)	116.700.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	(viii)	45.508.000.000	138.812.000.000	(92.160.000.000)	92.160.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(ix)	2.844.418.662	303.123.870.841	(205.968.289.503)	100.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(x)	-	364.000.000.000	(264.000.000.000)	100.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(xi)	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Tổng vay ngắn hạn		1.434.460.418.662	5.398.220.870.841	(5.847.821.289.503)	984.860.000.000
Trái phiếu phát hành	(xii)	906.250.000.000	2.100.800.000.000	(1.671.630.000.000)	1.335.420.000.000
Tổng		2.340.710.418.662	7.499.020.870.841	(7.519.451.289.503)	2.320.280.000.000

- (i) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 400 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 năm 2019.
- (ii) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 30 tháng 11 năm 2018.
- (iii) Đây là một khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 250 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 8 tháng 8 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty (Thuyết minh 3.8).
- (iv) Đây là các khoản vay từ một công ty tài chính trong nước với hạn mức tín dụng là 185 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 5 tháng 11 năm 2019.
- (v) Đây là một khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 27 tháng 12 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty (Thuyết minh 3.8) và chứng khoán niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba là đối tác của Công ty.
- (vi) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 350 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 31 tháng 1 năm 2019.
- (vii) Đây là một khoản vay từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 5 triệu đô la Mỹ cấp ngày 3 tháng 10 năm 2017 và tự động gia hạn sau một năm kể từ ngày ký kết.
- (viii) Đây là một khoản vay từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 4 triệu đô la Mỹ cấp có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- (ix) Đây là một khoản vay từ một ngân hàng trong nước với tổng hạn mức tín dụng là 210 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 10 tháng 9 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty (Thuyết minh 3.8).
- (x) Đây là một khoản vay tín chấp từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 216 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 22 tháng 5 năm 2019.
- (xi) Đây là một khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 100 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 12 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty (Thuyết minh 3.8).

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CÁC KHOẢN VAY VÀ TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH (tiếp theo)

- (xii) Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 Đồng Việt Nam và kỳ hạn 2 năm kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu áp dụng tùy thuộc vào thời gian nắm giữ của trái chủ.

Toàn bộ các khoản vay và trái phiếu phát hành của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay và trái phiếu phát hành chịu lãi suất từ 4,25% đến 11% một năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân/phát hành.

Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan hay trái phiếu nào phát hành cho các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

PHẢI TRẢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	7.668.919.247	4.987.791.466
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	618.630.361	744.131.857
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	1.120.622.482	3.226.172.097
	9.408.172.090	8.958.095.420

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Phải trả mua chứng khoán niêm yết	7.020.900	3.601.927.900
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.408.220.743
	7.020.900	7.010.148.643

Công ty không có khoản phải trả người bán là các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Số dư này chủ yếu bao gồm tiền ứng trước cho các dịch vụ cung cấp.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	25.930.505.022	44.539.608.879
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	10.146.822.717	9.005.719.567
Thuế thu nhập cá nhân	1.128.859.849	1.911.474.113
Thuế giá trị gia tăng	550.378.458	688.412.332
	37.756.566.046	56.145.214.891

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số chi trả trong năm VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	44.539.608.879	192.707.433.489	(211.316.537.346)	25.930.505.022
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	9.005.719.567	156.987.347.502	(155.846.244.352)	10.146.822.717
Thuế thu nhập cá nhân	1.911.474.113	69.385.784.316	(70.168.398.580)	1.128.859.849
Thuế GTGT hàng bán nội địa	688.412.332	1.664.048.328	(1.802.082.202)	550.378.458
	56.145.214.891	420.744.613.635	(439.133.262.480)	37.756.566.046

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	63.003.951.601	6.679.787.246
Phí dịch vụ phải trả	12.000.000.000	40.784.434.000
Chi phí lãi trên tiền khách hàng ứng trước	-	28.919.712.795
Chi phí phải trả khác	3.531.233.977	4.082.067.147
	78.535.185.578	80.466.001.188



3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Phải trả nhân sự quản lý chủ chốt	38.900.000.000	26.800.000.000
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	13.946.867.500	13.946.867.500
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	1.020.255.900	774.271.900
Tạm ứng từ khách hàng (*)	-	105.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.938.370	216.535.370
	53.932.061.770	146.737.674.770

(*) Đây là khoản tiền khách hàng chuyển cho Công ty thanh toán hộ để thực hiện các giao dịch chứng khoán của khách hàng.

THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng (i)	505.445.595	6.670.567.611
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng (ii)	(114.208.236.870)	(149.050.659.255)
Tổng cộng	(113.702.791.275)	(142.380.091.644)

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	(142.380.091.644)	1.234.860.244
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.5)	3.873.151.916	(19.188.429.546)
Ghi nhận vào báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	24.804.148.453	(124.426.522.342)
Số dư cuối năm	(113.702.791.275)	(142.380.091.644)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)

(i) Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	2.527.227.974	4.552.838.057
Chi phí trích trước	-	28.800.000.000
	2.527.227.974	33.352.838.057
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	505.445.595	6.670.567.611

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

(ii) Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Trích trước tiền lãi phải thu	25.588.918.982	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.1(b))	47.340.395.919	123.120.684.568
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.18)	498.111.869.445	622.132.611.709
	571.041.184.346	745.253.296.277
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	114.208.236.870	149.050.659.255

VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	162.999.890	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	162.999.890	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	(4.000)
	162.999.890	119.996.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017
Số lượng tại ngày đầu năm	119.996.000	103.200.000
Cổ phiếu mới phát hành trong năm	42.999.890	16.800.000
Cổ phiếu mua lại trong năm	(19.500)	(4.000)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	23.500	-
Số lượng tại ngày cuối năm	162.999.890	119.996.000

CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(b))	498.111.869.445	622.132.611.709
Trừ: thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(99.622.373.889)	(124.426.522.342)
	398.489.495.556	497.706.089.367

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	497.706.089.367	-
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(99.216.593.811)	497.706.089.367
Số dư cuối năm	398.489.495.556	497.706.089.367

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31.12.2017		Số dư tại ngày 31.12.2018	
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	527.962.272.542	883.245.858.270	(88.324.585.828)	827.370.269.076
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	98.496.547.654	(60.624.230.919)	-	37.872.316.735
Lợi nhuận chưa phân phối	626.458.820.19	822.621.627.351	(88.324.585.828)	865.242.585.811

Mẫu số B09 – CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018	2017
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	25.145.170.448	25.145.170.448

Nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến số dư cho vay theo hợp đồng giao dịch ký quỹ trong năm 2011 mà Công ty không thu hồi được đầy đủ do giá trị của tài sản đảm bảo giảm thấp hơn dự nợ. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được. Công ty đã xóa sổ các số dư khó đòi này theo Nghị Quyết số 09/2015/QĐ-HQT.VCSC ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ là 572.679 Đô la Mỹ, 8.520 Euro và 18.828 Bảng Anh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 170.632 Đô la Mỹ, 9.035 Euro và 13.898 Bảng Anh).

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo) Mẫu số B09 – CTCK

CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm	42.999.890	16.796.000
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	120.000.000	103.200.000
	162.999.890	119.996.000

TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	43.006.808	20.369.031
Hạn chế chuyển nhượng	-	5.004.000
Giao dịch cầm cố	48.300.000	23.387.000
Chờ thanh toán	-	2.000
	91.306.808	48.762.031

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

THU NHẬP TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

(a) Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	268.375.690.204	288.807.754.669
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(43.609.737.300)	(46.601.486.364)
	224.765.952.904	242.206.268.305

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

THU NHẬP TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL (tiếp theo)

(a) Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	37.050.226	1.437.230.032.570	1.203.604.279.442	233.625.753.128	242.364.268.305
Trái phiếu	23.043.200	5.665.872.920.000	5.668.061.340.000	(2.188.420.000)	(158.000.000)
Chứng chỉ quỹ	7.460.010	118.971.268.794	119.108.329.018	(137.060.224)	-
Chứng chỉ tiền gửi	4.000	4.000.225.000.000	4.000.000.000.000	225.000.000	-
Lãi bán chứng khoán cơ sở	67.557.436	11.222.299.221.364	10.990.773.948.460	231.525.272.904	242.206.268.305
Lỗ vị thế từ hợp đồng tương lai	-	-	-	(6.759.320.000)	-
				224.765.952.904	242.206.268.305

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.

(b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
(Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(28.618.284.283)	132.035.317.177
Tăng chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(47.162.004.366)	(8.914.632.609)
	(75.780.288.649)	123.120.684.568



5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

THU NHẬP TỪ SẢN TÀI CHÍNH FVTPL (tiếp theo)

(b) *Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)*

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2017 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	343.416.657.742	390.757.053.661	47.340.395.919	123.120.684.568	(75.780.288.649)
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	34.536.459.200	34.536.459.200	-	-	-
	377.953.116.942	425.293.512.861	47.340.395.919	123.120.684.568	(75.780.288.649)

DOANH THU NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu ban đầu	1.016.984.106.934	497.731.670.526
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.016.984.106.934	497.731.670.526

DOANH THU NGHIỆP VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu ban đầu	15.975.767.950	254.596.157.420
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	15.975.767.950	254.596.157.420

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	61.861.935.291	79.421.682.173
Chi phí thuê văn phòng	9.658.083.350	13.999.271.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.971.965.497	15.641.718.398
(Hoàn nhập dự phòng)/ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(17.920.000.000)	5.359.830.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.897.318.284	1.698.667.869
Khấu hao tài sản cố định vô hình	104.967.507	186.256.020
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	4.164.275.360	2.917.165.604
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí đi lại	1.965.329.142	1.384.632.336
Chi phí quản lý khác	9.041.133.839	8.813.182.399
	93.751.008.270	129.428.406.429

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.011.455.908.924	802.977.679.615
Thuế tính ở thuế suất 20%	202.291.181.785	160.595.535.923
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(14.496.740.891)	(13.294.187.334)
Chi phí không được khấu trừ	875.535.592	580.166.112
Dự phòng thiếu của các năm trước	164.305.087	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	188.834.281.573	147.881.514.701
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	192.707.433.489	128.693.085.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 3.16)	(3.873.151.916)	19.188.429.546
	188.834.281.573	147.881.514.701

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sau khi trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018	2017 Trình bày lại (*)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	822.621.627.351	655.096.164.914
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(12.000.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	822.621.627.351	643.096.164.914
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	162.357.013	149.944.123
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.067	4.289

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại do điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2018 (Thuyết minh (v) của Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu), cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu tính lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	643.096.164.914	-	643.096.164.914
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	111.069.721	38.874.402	149.944.123
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.790		4.289

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B09 – CTCK

CÁC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tăng vốn điều lệ từ VCSH		
Trong đó:		
Từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	44.485.624.092	-
Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	375.513.275.908	-
	419.998.900.000	-

SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG NĂM

Số tiền đi vay thực thu trong năm là tiền vay theo kế ước thông thường và tiền thu từ phát hành trái phiếu (Thuyết minh 3.9).

SỐ TIỀN ĐÃ THỰC TRẢ GỐC VAY TRONG NĂM

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là tiền vay theo kế ước thông thường và tiền trả cho trái chủ (Thuyết minh 3.9).

7. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	527.962.272.542	100.942.617.008
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	883.245.858.270	556.599.617.260
Lỗ chưa thực hiện tính đến ngày báo cáo	-	-
Số trích lập các quỹ trong năm:		
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(44.162.292.914)	(27.829.980.863)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(44.162.292.914)	(27.829.980.863)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông	1.322.883.544.984	601.882.272.542
Lợi nhuận phân phối cho cho cổ đông trong năm	120.000.000.000	61.920.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	(3.508.125.050)	(2.945.230.330)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	116.491.874.950	58.974.769.670



8. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số B09 – CTCK

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới, phí lưu ký, phí tư vấn và dịch vụ khác	1.488.271.261	2.929.130.622
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	312.584.464	841.919.918
Giá trị thu hồi danh mục đầu tư ủy thác	(157.310.249.335)	(192.696.061.322)
Chi phí quản lý	322.214.151	-
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	28.812.587	52.084.568
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	33.607.178.000	27.898.880.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Tài sản tài chính		
Danh mục đầu tư cho VCAM quản lý	-	157.310.147.678
Giá gốc	-	206.444.294.800
Giá trị thị trường/giá trị hợp lý	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Ứng trước phí dịch vụ	100.000.000	-

9. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	1.032.195.764.290	312.948.781.051	443.326.702.707	33.008.247.527	1.821.479.495.575
Chi phí	(359.968.682.994)	(184.204.814.837)	(164.476.921.112)	(24.030.598.850)	(732.681.017.793)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(338.357.939.694)	(99.696.963.250)	-	(22.415.019.743)	(460.469.922.687)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	(8.669.442.310)	(259.847.944)	-	(646.383.661)	2.025.610.083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(12.941.300.990)	(247.817.275)	-	(969.195.446)	(14.158.313.711)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	-	(84.000.186.368)	(166.502.531.195)	-	(250.502.717.563)
Chi phí phân bổ khác	672.227.081.296	128.743.966.214	278.849.781.595	8.977.648.677	1.088.798.477.782
Kết quả bộ phận					8.024.256.306
Thu nhập tài chính thuần					(93.751.008.270)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					8.384.183.106
Thu nhập khác					1.011.455.908.924
Kết quả hoạt động					

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.



9. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	517.229.081.756 (310.241.034.782)	489.773.731.304 (159.919.800.058)	267.013.662.931 (95.642.083.949)	262.725.187.865 (55.865.921.061)	1.536.741.663.856 (621.668.839.850)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(295.693.030.033)	(90.649.545.765)	-	(54.983.689.438)	(441.326.265.236)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	12.820.043.613	1.621.463.162	-	14.441.506.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(7.100.707.293)	(128.721.140)	-	(659.438.010)	(7.888.866.443)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(7.447.297.456)	(64.166.919)	-	(222.793.613)	(7.734.257.988)
Chi phí phân bổ khác	-	(81.897.409.847)	(97.263.547.111)	-	(179.160.956.958)
Kết quả bộ phận	206.988.046.974	329.853.931.246	171.371.578.982	206.859.266.804	915.072.824.006
Thu nhập tài chính thuần					6.271.435.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(129.428.406.429)
Thu nhập khác					11.061.826.696
Kết quả hoạt động					802.977.679.615

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	72.077.978.878	2.932.007.576.169	3.492.893.127.176	1.294.337.881	6.498.273.020.104
Tài sản không phân bổ					11.722.903.103
Tổng tài sản					6.509.995.923.207
Nợ phải trả bộ phận	247.464.808.480	976.036.308.528	1.420.249.147.473	-	2.643.750.264.481
Nợ phải trả không phân bổ					223.267.927.941
Tổng nợ phải trả					2.867.018.192.422
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm					4.478.183.000
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận	3.698.563.863	53.649.848	-	634.994.289	4.387.208.000
Tài sản cố định không phân bổ					90.975.000



(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017				
	Mối giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	53.473.883.262	2.630.040.496.453	3.702.799.360.342	1.163.450.187	6.387.477.190.244
Tài sản không phân bổ					14.534.554.960
Tổng tài sản					6.402.011.745.204
Nợ phải trả bộ phận	438.159.678.140	1.195.425.653.653	1.483.795.353.791	-	3.117.380.685.584
Nợ phải trả không phân bổ					265.235.862.375
Tổng nợ phải trả					3.382.616.547.959
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm					26.645.441.853
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận	18.434.972.537	664.575.744	-	671.008.572	19.770.556.853
Tài sản cố định không phân bổ					6.874.885.000

10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám Đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Số dư với ngân hàng

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng có độ tín nhiệm cao.

Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Tạm ứng giao dịch chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, một đơn vị thuộc sở hữu nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, tiền gửi giao dịch chứng khoán và tiền bán chứng khoán chờ thu của khách hàng. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Cuối ngày, hệ thống phần mềm của Công ty sẽ gửi tin nhắn SMS cảnh báo cho tài khoản có tỷ lệ ký quỹ nhỏ hơn 35% và yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Các khoản phải thu và tài sản khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác có độ tín nhiệm cao và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.



10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm

	2018 VND	2017 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.143.956.739.141	486.328.945.818
	1.143.956.739.141	486.328.945.818
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)		
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.657.851.798.270	3.315.298.184.158
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	133.730.075.059	122.140.134.514
	2.791.581.873.329	3.437.438.318.672
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)		
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	35.092.500.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	27.126.898.280	1.077.056.300
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	4.840.594.215	8.016.149.318
Phải thu khác	-	172.500.000
	31.967.492.495	44.358.205.618
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.5)		
Tiền ứng trước cho các hoạt động đầu tư	-	116.156.411.000
	-	116.156.411.000
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	3.967.506.104.965	4.084.281.881.108

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro lãi suất

- Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn, nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2018	31.12.2017	31.12.2018	31.12.2017
Tài sản tài chính				
Tiền	572.679	170.632	13.752.258.330	5.054.863.749
Nợ tài chính				
Các khoản vay	(9.000.000)	(5.000.000)	(208.860.000.000)	(113.641.000.000)
(Nợ)/tài sản tài chính thuần	(8.427.321)	(4.829.368)	(195.107.741.670)	(108.586.136.251)
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	(8.427.321)	(4.829.368)	(195.107.741.670)	(108.586.136.251)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 19.510.774.167 Đồng tương ứng chủ yếu là do lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: thấp hơn/cao hơn 10.858.613.625 Đồng tương ứng).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, giá trị các tài sản tài chính của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 246.390.514.512 Đồng tương ứng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: cao hơn/thấp hơn 227.637.107.387 Đồng tương ứng).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm vay ngắn hạn, trái phiếu phát hành, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, chi phí phải trả, và phải trả khác với số tiền là 2.588.487.330.439 Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.046.274.395.683 Đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

(d) Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017 ("Thông tư 87/2017/TT-BTC") quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 87/2017/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 521%.

11. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B09 – CTCK

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	14.994.741.732	11.877.404.381
Từ 1 đến 5 năm	9.507.774.217	21.872.427.521
Trên 5 năm	-	1.700.183.232
Tổng cộng	24.502.515.949	35.450.015.134

12. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện thông qua Công ty trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	18.592.543	692.038.050.360
Hợp đồng tương lai	14.118	674.501.360.000
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	3.874.213.500	149.019.209.682.374
Hợp đồng tương lai	634.034	29.011.265.353.000
	3.893.454.195	179.397.014.445.734

13. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO**CỔ TỨC CÔNG BỐ SAU NGÀY BÁO CÁO**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 1 năm 2019, Công ty đã tạm ứng chi trả cổ tức cho năm 2018 bằng tiền là 7% trên vốn điều lệ 1.629.998.900.000 Đồng, tương đương 700 Đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ tức phải trả là 114.099.923.000 Đồng.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP LẦN 1 NĂM 2019

Ngày 15 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp lần 1 năm 2019 nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Chi tiết của đợt phát hành này dự kiến như sau:

13. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP LẦN 1 NĂM 2019 (tiếp theo)

Loại trái phiếu chào bán	Trái phiếu không chuyển đổi không có tài sản đảm bảo
Mệnh giá trái phiếu	10.000.000 Đồng
Số lượng trái phiếu phát hành	50.000 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán	500.000.000.000 Đồng
Giá phát hành	Bằng mệnh giá
Lãi suất	Tùy từng đợt phát hành theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc, tối đa không quá lãi suất tiền gửi trung hạn bình quân của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cộng 4,5%
Kỳ hạn	2 năm
Yêu cầu mua lại	Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại sau ngày phát hành. Trong trường hợp này, lãi suất được xác định theo điều khoản của trái phiếu

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2019.



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ngày 10 tháng 04 năm 2019



Tô Hải
Tổng Giám đốc